

NGUYỄN TRUNG HIẾU

ĐÔ THỊ CỔ

HỒI AN

• DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI



ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN - DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

Tác giả: **Nguyễn Trung Hiếu**

Thể loại: **Văn hóa nghệ thuật**

Nhà xuất bản: **NXB Thời Đại**

Đóng Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Nguồn text: **Waka - 26/10/2015**

LỜI TỰA

Hội An là trường hợp đặc biệt và cho đến nay chưa diễn ra lần thứ hai trong lịch sử Việt Nam. Hơn 500 năm trước đây, Hội An được ghi nhận là thương cảng của người Chăm-pa với những địa danh Đại Chiêm Hải Khẩu, Chiêm Bất Lao, cửa Đại Chiêm... Và trước đó, từ những đồng tiền Ngũ Thù, Vương Mãng thời tiền Hán được tìm thấy tại các di chỉ tại Cù Lao Chàm, Cẩm Hà trong các mộ chum Sa Huỳnh... nơi đây được đoán định là điểm giao thương quốc tế của cư dân thuộc nền Văn hóa Sa Huỳnh cách đây hơn 2.000 năm, cùng thời với Văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn ở phía Bắc và Óc Eo ở phía Nam...

Xuất phát từ sự bức ép trong cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn vào những năm thế kỷ XVII, Nguyễn Hoàng mang binh, gia quyến thuộc vượt qua dãy Hoành Sơn vào Nam, chọn Hội An làm cửa ngõ thông thương ra phía ngoài. So với thương cảng Phố Hiến (Đàng Ngoài) cùng thời, cùng giữ vai trò, Hội An (Đàng Trong) tuy thành hình muộn hơn, nhưng lại nổi bật và thành công hơn rất nhiều. Sự lấn át của Hội An bộc lộ đến độ, ghi lại trong cuốn Phủ biên tạp lục (1776), nhà bác học Lê Quý Đôn miêu tả: “Thuyền từ Sơn Nam (Đàng Ngoài) về chỉ mua được một thứ củ nâu; thuyền từ Thuận Hóa (Phú Xuân) về thì cũng chỉ có một thứ là hồ tiêu. Còn từ Quảng Nam (tức Hội An) thì hàng hóa không thứ gì không có”.

Trong thời thịnh vượng, Hội An không chỉ là nơi làm ra kho vàng lẫn bạc dồi dào cho 9 đời Chúa, cùng 13 đời vua Nguyễn giành lợi thế trước đối phương, mà từ đây những cuộc thử nghiệm kinh tế đã được áp dụng thành công đến nỗi vài trăm năm sau, hậu thế cũng chưa nơi nào sánh được. Ví dụ, lần đầu trong lịch sử (và có lẽ đến hôm nay), Chúa Nguyễn đã dám cắt đặt một thương gia Nhật làm thị trưởng thương cảng Hội An để điều hành công

việc phát triển kinh tế; mạnh dạn cho phép “Hoa di ngoại tộc” định cư, mua đất lập làng, xây phố, dựng vợ gả chồng sinh sống lâu dài, ổn định... và đối xử với họ công bằng, chí tình như con dân nội thuộc. Nhờ vậy, suốt một chặng đường dài lịch sử, Hội An đóng vai trò như một cửa ngõ thông suốt, tiếp nhận, cải biên, biến hóa những tinh hoa văn hóa, ý tưởng mới mẻ từ bên ngoài, tạo ra kế sách, động lực... phát triển nhân tài, vật lực góp phần quan trọng cho công cuộc mở đất về phương Nam của dân tộc.

Và hôm nay, còn đáng lưu tâm hơn, dù trải qua bao nhiêu khốc hại của thiên tai, tranh chấp quyền lực, chiến tranh, thời gian tác động, Đô thị cổ Hội An là điểm duy nhất trong cả nước và khu vực Châu Á vẫn bảo tồn được hầu hết nét nguyên sơ của kiến trúc cổ cách đây hàng trăm năm từ những ngày còn hưng thịnh. Kiến trúc sư người Ba Lan Kazimierz Kwiatkowski (Kazik) từng cảm khái trong nhật ký của ông (1985): “Vẻ đẹp không trùng lặp, chứa đựng trong các phố phường lịch sử; sự phong phú của các thể dáng kiến trúc; sự hoàn hảo của nghệ thuật chạm khắc trong nội thất các quần thể kiến trúc, tạo nên cho Phố cổ Hội An những đặc điểm nổi bật trong một thiên nhiên riêng biệt... Những đặc điểm này đưa quần thể di tích phố cổ lên vị trí hàng đầu trong danh mục các di tích văn hóa của Việt Nam và cả trong kho tàng di sản văn hóa nhân loại”.

Hội An là một di sản văn hóa thế giới theo cách của mình. Đô thị cổ với những dãy phố rêu phong trầm mặc, không khiến người ta giật mình thảng thốt, trầm trồ, choáng ngợp vì sự kì vĩ, hay kiêu diễm như nhiều nơi khác. Hội An chỉ gây sự chú ý bằng cái cách là một góc nhỏ giản dị, thân mật và an toàn cho những người con xa, trở về nương tựa sau chuyến bôn bả hải hành.

*Yêu ở đâu thì yêu
về Hội An xin chớ
hôn một lần ở đó
một đời vang thủy triều*

(Chế Lan Viên)

Hội An là sợi nước trong giữa một biển ngẫu đực, đua chen, tranh đoạt... của xã hội hiện đại; Hội An là cảm giác bình yên khi nghĩ về và nó thu hút, níu chân người là vì vậy.

Người viết chân thành cảm ơn Trung tâm Thể thao Văn hóa Hội An đã hỗ trợ, cho phép trích sử dụng thông tin, hình ảnh từ website www.hoianworldheritage.org.vn

(12.2013)

GIỚI THIỆU CHUNG

Hội An là địa danh nổi tiếng và đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Di tích cách thành phố Đà Nẵng khoảng 30 km về phía Đông – Nam. So với các đô thị cổ và trung đại, tuy không sánh được về niên đại, nhưng đặc biệt trong các tài liệu nước ngoài, địa danh Hội An luôn được nhắc đến nhiều và miêu tả như là một trung tâm thương mại quốc tế sầm uất và giàu có bậc nhất của khu vực Đông Nam Á từ thế kỷ XV đến khoảng cuối thế kỷ XIX.

Từ cách đây hơn 500 năm, thuyền buôn và nhiều thương nhân trên khắp thế giới đã vượt trùng khơi đến Hội An trao đổi, mua bán sản vật. Đông đảo nhất là các thương gia Nhật và Trung Hoa. Họ đã lập thương điếm, xây dựng phố phường, dựng vợ gả chồng... Nhờ vậy, Hội An đã đóng vai trò quan trọng trong lịch sử giao thương của đất nước thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, qua Tây Sơn – Nguyễn Huệ và kết thúc ở giai đoạn người Pháp đô hộ Việt Nam.

Trong chuyến hành hương về phương Nam, Thích Đại Sán - một nhà sư Trung Hoa đến Hội An vào khoảng tháng 8.1695 miêu tả: “Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hỏi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương đậu chờ gió ở Hội An vậy”.

Thời kỳ này, bên cạnh con đường tơ lụa nối châu Á đến châu Âu bằng qua các hoang mạc rộng lớn bằng những đoàn lạc đà, lừa ngựa... thế giới còn hình thành con đường gốm sứ trên biển, với những đoàn tàu buôn đầy ắp hàng hóa, vận chuyển sản vật từ Tây sang Đông (ngược lại), và Hội An là một trong những điểm dừng quan trọng trên con đường thương mại quan trọng này.

Tại nhiều di chỉ được khai quật trên khắp vùng Hội An, các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều hiện vật như tiền đồng Ngũ Thù, Vương Mãng (Trung Hoa - trước công nguyên), gốm sứ Islam (Trung Đông), gốm Hyzen (Nhật Bản)... và cả gốm Chu Đậu (Hải Dương - miền Bắc Việt Nam); ngoài ra với một hệ thống giếng Chăm cổ, đền đài, thành quách, lăng mộ... lưu lại dấu vết cho đến nay như cụm kiến trúc ở Lùm Bà vàng (Thanh Chiêm), tượng thần trong miếu thần Hời ở An Bang, lăng Bà Lồi, đài thờ ở chùa Cây Thị... chứng tỏ Hội An là vùng đất lịch sử, nơi hội tụ nhiều tầng văn hóa, có niên đại từ hàng ngàn năm qua, không kém gì những đô thị cổ đại Luy Lâu, Long Biên, Tống Bình – Đại La thời Bắc thuộc...

Do đặc điểm lịch sử của một vùng đất mở, có thể nói rằng đô thị cổ Hội An trong quá khứ là nơi hội tụ, giao thoa, tiếp biến giữa các nền văn hóa, phong tục, tập quán, lối sống và kiến trúc của các dân tộc Chăm, Việt, Hoa, Nhật... Thế nhưng điều đáng mừng cho nhân loại, dù trải qua hàng trăm năm mưa nắng, chiến tranh... đến nay Hội An vẫn được gìn giữ gần như nguyên vẹn quần thể kiến trúc của một thương cảng cổ gồm bến cảng, công trình dân dụng, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, sinh hoạt phường hội... rất phong phú, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu tâm linh, tìm hiểu văn hóa của cộng đồng dân cư tại chỗ và du khách trong, ngoài nước.

Bên cạnh những giá trị văn hóa vật thể qua kiến trúc đa dạng, hiện nay Hội An còn lưu giữ một nền tảng văn hóa phi vật thể khá đồ sộ qua hệ thống các lễ hội, sinh hoạt tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian, ẩm thực, làng nghề truyền thống và đặc biệt là lối sống thị dân mang dáng dấp bình dị, gần gũi và thuần hậu của nhiều thế kỷ trước.

Những yếu tố trên đã thu hút ngày càng nhiều du khách từ trong và ngoài nước tìm đến chiêm ngưỡng, sống với Hội An. Năm 1985, Nhà nước Việt Nam đã khoanh vùng và công nhận Khu phố cổ Hội An là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Ngày 4 tháng 12 năm 1999, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) ghi tên Phố cổ Hội An vào danh mục Di sản văn hóa thế giới.



Giao Chi Quốc mậu định độ hải đồ: “Giao Chi Quốc mậu dịch độ hải đồ” là bức họa của thương gia Chaya Shinroku, miêu tả chuyến hải trình vượt biển của một thương thuyền Nhật Bản đi từ Trường Kỳ (Nagasaki) cập bến Hội An đến Dinh Chiêm (ly sở Quảng Nam Dinh tại Thanh Chiêm) dâng lễ vật yết kiến Chúa Nguyễn thế kỷ XVII, lưu trữ tại chùa Jomyo ở thành phố Nagoya.



Tháp Bằng An: Linga Paramesvara - đền tháp Bằng An những năm 1930-1950.

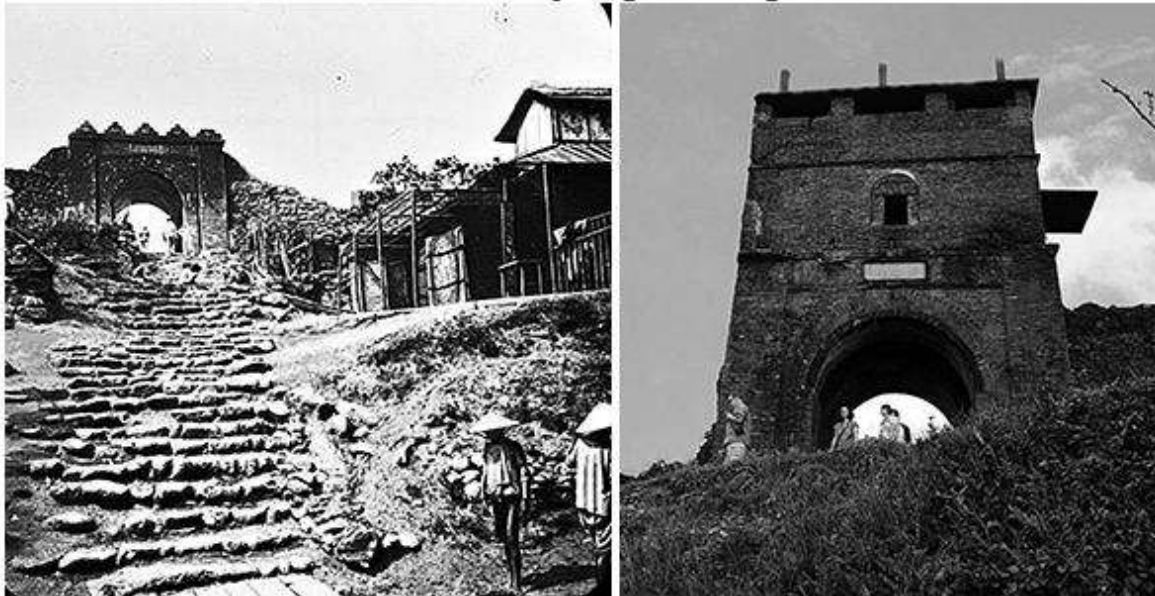
HỘI AN - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Trong sách Việt Nam Sử lược, Trần Trọng Kim có viết: “Năm Mậu Ngọ (1558) đời vua Anh Tông (triều Lê), Nguyễn Hoàng xin vào trấn đất Thuận Hóa. Bấy giờ những người cùng họ ở huyện Tống Sơn cùng những quân lính ở đất Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, nhiều người mang theo vợ con đi theo”. Từ đó phát triển vùng đất Đàng Trong từ phía Nam dãy Hoành Sơn - (Hoành Sơn nhất đái/ vạn đại dung thân) vào đến vùng Tuy Viễn (Bình Định hiện nay). Có thể nói đây là mốc son, mở ra một thời kỳ mới của dân tộc Việt - giữ và tiếp tục mở đất về phương Nam.

Vì không muốn “Hoa di ngoại tộc có điều kiện dòm xét hư thực” nên tuy việc giao thương với nước ngoài lúc này được Nguyễn Hoàng rất coi trọng, song Chúa vẫn lập cảng buôn ở nơi xa thủ phủ. Hội An là điểm thuận lợi nhất được chọn bởi nhiều lý do: Trước hết đây vốn là Đại Chiêm Hải khẩu của Vương quốc Chăm-pa trước đó; cửa biển khá sâu nên thuyền bè ra vào dễ dàng suốt năm và quan trọng là Hội An dựa lưng vào một vùng đất trù phú sản vật, hàng hóa dồi dào, đủ sức cung ứng cho nhu cầu trao đổi, mua bán. Người ngoại quốc thường gọi Xứ Đàng Trong là Quảng Nam Quốc (Quy Nam). Thứ nữa, đường từ Hội An tới chánh dinh của Chúa Nguyễn đặt ở Phú Xuân phải vượt qua dãy Hải Vân vốn rất cheo leo, hiểm trở, được mệnh danh là Thiên hạ đệ nhất hùng quan. Với cửa ải thiên nhiên này, chỉ cần một lực lượng đồn binh nhỏ là đã có thể ngăn cản bước tiến của cả một đạo binh lớn. Nếu đi bằng đường biển thì phải qua Hang Dơi luôn có sóng gió bất thường. Ca dao có câu:

Đi bộ thì khiếp Hải Vân

Đi biển thì khiếp sóng thần Hang Dơi.



Di tích Hải Vân Quan xưa và nay

Tuy vậy để điều hành hoạt động thương mại, thu thuế, giữ gìn trật tự trị an... Chúa cho đặt một dinh trấn đặt ở Cần Húc - nay thuộc huyện Duy Xuyên, sau dời về Thanh Chiêm (hiện thuộc xã Điện Minh - Điện Bàn), cách thương cảng Hội An khoảng 10 cây số đường chim bay. Từ đây có thể theo sông Vĩnh Điện, ra dòng sông Cái (Thu Bồn), xuôi về thương cảng Hội An, hoặc đi bằng đường bộ cũng tiện. Dinh trấn này theo một lệ bất di, bất dịch, đều do các thế tử của các đời Chúa trông coi.

Sách Đại Nam nhất thống chí phần Quảng Nam có miêu tả: “Phố Hội An ở hai bên bờ sông lớn. Nhà ngói liên tiếp độ hai dặm, người Tàu cư trú có năm bang: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Gia Ứng, đều buôn bán hàng Tàu. Trong có đình chợ, khách buôn tụ tập; đầm Trà Nhiêu ghe thuyền Nam - Bắc đến đậu, cũng là nơi đô hội vậy”.

Thư tịch của các giáo sĩ, khách du lịch, các thương gia Nhật, tàng thư của Công ty Đông Ấn - Hà Lan hiện còn lưu cho biết, Hội An trong những thế kỷ XV-XIX là hải cảng đẹp nhất, tất cả người ngoại quốc đều đến đó trao đổi, mua bán hàng hóa và sản vật địa phương. Nơi này thường xuyên mở những cuộc đấu xảo (hội chợ) quốc tế. Để thuận lợi cho việc kinh doanh và

khuếch trương thương cảng, Chúa Nguyễn cho người Nhật và người Hoa chọn địa điểm thuận tiện để lập một thành phố cho tiện việc mua bán. Trong Hải ngoại ký sự của nhà sư Trung Quốc, Thích Đại Sán, người đã từng đến Hội An năm 1696, để từ đây về Quảng Đông (Trung Hoa), cho biết rằng: “Hội An là một nơi mã đầu lớn, nơi tập hợp thương khách các nước; thẳng ra bờ sông một con đường dài ba, bốn dặm, gọi là Đại đường Nhai. Hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ nhà thầy đều là người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh)”. Trước thời kỳ này, người phương Tây buôn bán tại đây còn gọi Hội An là “đô thị Nhật Bản”.

Người Nhật - người Hoa ở Hội An

Trong lịch sử, thương cảng Hội An phát triển cực thịnh trong những năm cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, khi trung tâm buôn bán đã phát triển với sự khẳng định của hai thành phần thương nhân Nhật và Hoa. Được sự biệt đãi của Chúa Nguyễn, họ đã lập hai phố riêng để buôn bán và sinh sống theo phong tục, tập quán của từng dân tộc. Trong thời kỳ này, Đà Nẵng đóng vai trò là tiền cảng cho Hội An, chuyên đón các loại tàu buôn từ Nhật Bản, Trung Hoa đến Hội An mua bán qua đường sông Cổ Cò, đi từ Cửa Hàn (Đà Nẵng), qua thẳng cánh Non Nước vào Hội An. Con đường này bảo đảm rút ngắn 1/3 hải trình nếu đi từ Cửa Đại (Hội An) vào.

Từ cuối thế kỷ XVIII, sông Cổ Cò bắt đầu bị cát lấp, Cửa Đại cũng bị lấp cạn dần, không còn phù hợp cho những chuyến tàu hàng lớn chạy bằng máy móc, cho nên khoảng năm 1905, khi Đà Nẵng trở thành nhượng địa của người Pháp, Hội An mất cả ưu thế tự nhiên lẫn chính sách của Nhà nước. Thương khách, hàng hóa đổ dồn về Đà Nẵng và Hội An dần bị quên lãng, trở thành một đô thị vệ tinh thương nghiệp cho Đà Nẵng.

Tuy vậy trong thời kỳ này, người Pháp cũng đã cho xây dựng một con đường sắt rộng 0,7 mét, dài 30 km, để vận chuyển hàng hóa từ Đà Nẵng vào

Hội An và ngược lại từ Hội An, đưa nông lâm sản từ vùng núi Quảng Nam ra Đà Nẵng.



Đường sắt Đà Nẵng - Hội An: Tuyến đường sắt do người Pháp xây dựng nối Đà Nẵng - Hội An (1905)

Trong cuốn Việt sử xứ Đàng Trong - Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam của Phan Khoang nhận xét: “Nguyên nhân cho một Hội An phồn thịnh trong lịch sử đó là chính sách của các Chúa Nguyễn ở Nam Hà, đi đôi với việc khai khẩn đất đai phương Nam, đã đồng thời mở cửa tiếp xúc với các nước khác, Á cũng như Âu, giao thiệp buôn bán với họ để thu dụng những tài năng, phẩm vật và những gì mới lạ về khoa học, kỹ thuật”.

Vì thế, từ thời Chúa Hy Tông trở về sau, Chúa nào cũng đặc biệt khuyến khích người Tàu, người Nhật, người Châu Âu đến buôn bán ở xứ mình. Các Chúa Nguyễn đích thân viết thư mời thương nhân ngoại quốc đến giao thương với Đại Việt. Năm 1636, người Hà Lan mở thương điểm đầu tiên tại Hội An, do Abraham Duijecker phụ trách. Đến năm 1695, Công ty Anh đã cử Thomas Bowyear đáp tàu buôn Delphin đến Hội An để tiến hành việc lập tại đây một thương điểm.

Riêng đối với người Châu Âu, các Chúa Nguyễn cố tâm giữ một khoảng cách nhất định bằng cách chỉ cho phép đặt thương điểm hay văn phòng đại

diện khuyến mãi. Thế nhưng với những thương nhân đồng văn, đồng chủng Trung Hoa, Nhật Bản thì nhận được nhiều ân sủng như cho phép mua đất lập phố khách, phố Nhật, buôn bán, giao thương không giới hạn; xây chùa, hội quán...; lấy vợ, sinh con, lập nghiệp trên đất Hội An.

Hơn thế, Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) đã gả một cô gái trong hoàng tộc cho một nhà buôn Nhật có thế lực lúc bấy giờ tên là Araki Sotaro (1619), sau đó ban cho ông một dòng họ với tên Nguyễn Taro, hiệu là Hiến Hùng. Cũng trong thời gian này, một nhà buôn Nhật, kiêm chủ tàu tên Furamoto Yashishiro đã được công nhận là Thị trưởng đầu tiên trong lịch sử Xứ Đàng Trong (có lẽ cả trong lịch sử Đại Việt trước và Việt Nam sau này).

Viên thị trưởng người nước ngoài này có ảnh hưởng lớn với chính quyền, đến độ che chở được cả Linh mục A.Rhodes, trong thời kỳ nhà Nguyễn bài xích đạo Thiên Chúa.

Ngoài ra, trong quan hệ với các thương thuyền, Chúa Nguyễn còn có lệ ban tiền, chúc phúc bằng quà cho các tàu nước ngoài nhổ neo rời Việt Nam. Dưới danh nghĩa tặng quà, nhưng thực chất là giới thiệu, quảng cáo những sản vật của địa phương với thế giới bên ngoài. Bản thân những hội chợ, đấu xảo thường niên tổ chức tại Hội An cũng là cách giới thiệu hàng hóa của thế giới và địa phương trong một năm. Đối với một số tàu buôn các cảng lân cận như Ma Cao, Nam Hải, Tân Gia Ba... Chúa Nguyễn còn ân giảm thuế cho họ. Có thể coi đây là đặc khu thương mại đầu tiên không chỉ của Việt Nam mà còn cả vùng Đông Nam Á lúc bấy giờ.

Giáo sĩ Chistoforo Borri đã cư trú tại Hội An năm 1618 miêu tả đô thị: “Thành phố rộng rãi, có thể nhận ra hai khu vực, một khu vực do người Trung Hoa ở, khu vực kia thì người Nhật Bản ở. Người Trung Hoa và Nhật Bản là những thương nhân chủ yếu của chợ phiên, năm nào cũng mở và kéo dài trong bốn tháng. Người Nhật thường đem lại 4, 5 vạn nén bạc, người Trung Hoa thì đi một thứ thuyền buồm đem lại nhiều tơ lụa tốt và sản vật đặc biệt của họ”. Quan trọng hơn hết: “Do chợ này mà Quốc vương thu được số tiền thuế lớn, toàn quốc nhờ vậy cũng được nhiều lợi ích”.

Phân tích thông tin trên các giấy phép (Shuinjo), thời Châu Ấn thuyền của Mạc phủ Tokugawa (Nhật Bản), Giáo sư Iwao Seiichi cho biết: Chỉ trong khoảng thời gian từ năm 1604 đến 1634, Hội An đã đón 86 trong số 130 lần thuyền buôn Nhật đến Việt Nam, lớn nhất trong số các nước trên thế giới, được Nhật Hoàng cấp phép thương nhân đi đến buôn bán.



Đường Nguyễn Thị Minh Khai, nghi là phố người Nhật trước đây

Thế nhưng, để Hội An trở thành thương cảng giàu có bậc nhất xứ Đàng Trong, phải nói đến tiềm lực và sự sung mãn của vật phẩm, hàng hóa đất Quảng Nam. Chính sách mở cửa cùng với sự dồi dào của sản vật địa phương là hai nguyên nhân đưa Hội An vượt xa Phố Hiến ở Đàng Ngoài. Thời kỳ này, Phủ Biên Tạp Lục của nhà bác học Lê Quý Đôn có một đoạn ghi: “Thuyền từ Sơn Nam (Đàng Ngoài) về chỉ mua được một thứ củ nâu; thuyền từ Thuận Hóa (Phú Xuân) về thì cũng chỉ có một thứ là hồ tiêu. Còn từ Quảng Nam (tức Hội An) thì hàng hóa không thứ gì không có”.

Trong suốt những năm là một thương cảng cực thịnh của xứ Đàng Trong, Hội An được ghi chép trong các tài liệu trong nước, nước ngoài bằng nhiều tên. Phổ biến nhất là Hội An, Faifo, Haifo, Hoài Phố, Ketchem, Cotam... Chính nhờ sự thay đổi vai trò trong lịch sử, kết hợp với nhiều yếu tố khác

nên may mắn Hội An đã tránh được sự biến dạng của quá trình đô thị hóa mạnh mẽ trong những năm đầu thế kỷ XX đến nay.

Quận chúa Anio - Một thân phận bí ẩn

Liên quan đến mối bang giao kinh tế tại Hội An với người Nhật trong thời kỳ này, có một chi tiết thú vị về một quận chúa, (được cho) là con Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, gả cho một thương gia Nhật, mà đến nay tung tích bà vẫn còn chưa rõ ràng trong lịch sử.

Hầu hết các tài liệu lịch sử khi đề cập đến bốn người con gái của Chúa Sãi, thì có hai cô không được đề cập rõ ràng thân phận. Đó là Công nữ Ngọc Vạn và Ngọc Khoa, thường chỉ ghi là khuyết truyện.

Tập san BAVH (Những người bạn Cố đô Huế - 1914) ghi như sau:

1. Ngọc Liên: (mẹ là hoàng hậu), vợ của Nguyễn Phúc Vinh, con trưởng của Mạc Cảnh Huống, phó tướng, trấn thủ Trấn Biên, về sau đổi là Nguyễn Hữu Vinh.

2. Ngọc Vạn: (mẹ là hoàng hậu)- Không để lại dấu tích.

3. Ngọc Khoa:(mẹ là hoàng hậu)- Không để lại dấu tích.

4. Ngọc Đĩnh: (không rõ mẹ là ai), lấy Nguyễn Cửu Kiều, Nghĩa Quận công, con của Lê Quảng, tước Quận công. Bà mất năm Giáp Tý (1684).

Năm 1995, khi cuốn Nguyễn Phúc tộc thế phả được xuất bản tại Huế thì tiểu sử hai Công nữ Ngọc Vạn và Ngọc Khoa mới được công bố rõ ràng:

- Nguyễn Phúc Ngọc Vạn (con gái thứ hai của Sãi vương): Năm Canh Thân (1620) bà được Đức Hy Tông (Sãi vương) gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Về sau nể tình bà, vua Chân Lạp cho người Việt lập một dinh điền tại Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay).

- Nguyễn Phúc Ngọc Khoa (con gái thứ ba của Sãi vương). Năm Tân Mùi (1631) bà được Đức Hy Tông gả cho vua Chiêm Thành là Pô rô Mê. Nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước Việt - Chiêm được tốt đẹp.

Sách Dân tộc Chàm lược sử cũng có ghi chép về cuộc hôn phối Việt Chiêm này.

Tuy vậy trong phim Thời gian vĩnh cửu (1996) - do Đài truyền hình CV21 của Nhật và Đài Truyền hình Việt Nam - VTV phối hợp thực hiện ở đoạn Hai người đàn bà Hội An ở Nhật Bản, họ cho biết Sotaro, âm là Mộc Thôn Tông Thái Lang. Dòng họ này rất giàu có và đã sang ở Hội An rất sớm. Bằng cố còn lưu lại là một bức thư ngắn bằng chữ Nôm gửi cho Chúa. Nguyễn Mộc Thôn là chủ một chiếc tàu riêng. Ông cư trú tại đây làm ăn và gây nhiều cảm tình mật thiết với Chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Ông được Chúa Nguyễn tin cậy, giao cho nhiều trọng trách ở Hội An. Vào năm 1619, Chúa Nguyễn lập cho ông một tờ thư xác nhận ông đã tự nguyện ở dưới gối (tức là làm chức quan trung thành với Chúa). Sau đó Chúa cho ông lấy họ Nguyễn tên Đại Lương, cự danh Hiến Hùng. Chúa cũng mưu sự giao thương lâu dài, tốt đẹp với Nhật Bản nên gả con gái là Ngọc Khoa cho ông.



Đám rước Quận chúa Anio: Trích đoạn từ bức tranh cuộn Kiyō Suwa Myōjin saishijū (1.003cm x 36,1cm), thế kỷ XIX, miêu tả lễ hội Suwa Myōjin ở Nagasaki tôn vinh Quận chúa Anio, vợ của thương nhân Araki Sotaro (tức Quận chúa Ngọc Khoa, con gái Chúa Nguyễn Phúc Nguyên - Sãi vương).

Người ngồi trong xe kiệu là Quận chúa Anio.

Ngoài ra, trên Đặc san Quảng Đà năm Mậu Dần 1998 do nhà xuất bản Sông Thu ở Los Angeles, California, Hoa Kỳ xuất bản tháng 6.1998, trong

bài Đại cương về thành phố Hội An, đưa cùng cả hai thuyết về công chúa Ngọc Khoa như sau:

1. Công chúa đã kết hôn với vua Chăm Pa là Pô Rô Mê.

2. Công chúa kết hôn với một thương khách người Nhật Bản đến buôn bán nhiều năm tại Hội An (1603 – 1619) tên là Araki Sotaro, tên Việt là Nguyễn Đại Lương. Bà đã theo chồng về Nhật năm 1620, gặp lúc Nhật cấm tàu buôn xuất dương, đành ở lại Nagasaki, lấy tên Nhật là Okakutome (Wakaku-NV), gọi thân mật là Anio. Họ sinh hạ được một người con gái, đặt tên là Yasu. Sotaro qua đời năm 1636 và công chúa Ngọc Khoa cũng mất vào năm 1645; ngôi mộ của hai người được chôn cất trong khuôn viên chùa Daionji, nơi họ đã bỏ công sức xây cất và trùng tu.

Căn cứ theo phả tộc của dòng họ Nguyễn Phúc, khả năng bà vợ của thương nhân Sotaro chắc chắn không thể là công nữ Ngọc Khoa. Vì vậy các nhà sử học phỏng đoán:

1. Vì muốn tăng giá trị của người đàn bà ông yêu mến, Sotaro có thể nói với gia đình hoặc với bà con rằng, vợ của ông là công chúa An Nam hay gì đi nữa, làm sao ai biết được?

2. Bà vợ của Sotaro có thể là một người bà con trong dòng họ Nguyễn Phúc, có thể đã được Nguyễn Phúc Nguyên, khi ông còn là Thế tử trấn nhậm ở Quảng Nam, tác thành cho hai bên lập gia đình với nhau. Biết đâu Nguyễn Phúc Nguyên nhận người đàn bà này làm con nuôi trong gia đình để làm tăng giá trị của cuộc hôn nhân? Dù thế nào đây cũng là một điều lý thú có thể nghiên cứu thêm bằng những tài liệu về phía Nhật Bản.

Một tác giả khác, ông Mai Thanh Hải, trong cuốn Chuyện kín cấm thành - nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, 2008, trong chương Lấy chồng ngoại quốc viết rằng: “Chúa Nguyễn Phúc Nguyên có 5 con gái, cô lớn tên là Ngọc Liên, cô út là Ngọc Đĩnh, còn lại ba con gái nữa. Công nữ Ngọc Vạn gả cho vua Chân Lạp, Công nữ Ngọc Khoa gả cho vua Chăm Pa là Pô Rô Mê, và Công nữ Ngọc Hoa gả cho một thân vương Nhật Bản đứng đầu các doanh nhân sang làm ăn buôn bán ở cửa biển Hội An”.

Tất cả những vấn đề trên, vì một lý do nào đó không được chép trong chính sử, nhưng cũng cho thấy một sự thật: Để khuyến khích sự buôn bán với người nước ngoài, đặc biệt với người Nhật ở Hội An, trong thời kỳ này đã có một cô gái trong hoàng tộc nhà Nguyễn được gả cho một thương gia Nhật và gửi thân phận mình ở đất nước mặt trời mọc.

- Bà có tên Nhật là Okakutome, tên thân mật là Anio.
- Bà theo chồng về Nhật năm 1620, định cư ở Nagasaki.
- Bà mất năm 1645, và thật hi hữu, bà chết cùng ngày cùng tháng với chồng.
- Bia mộ chung của hai ông bà được chôn ở chùa Đại Âm Tự (Daionji), Nagasaki.
- Hai người có một con gái tên là Yasu (Gia Tu).
- Viện Bảo tàng Nghệ thuật Nagasaki còn lưu trữ chiếc gương soi của bà.
- Hằng năm từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 10, trong lễ hội Okunchi ở Nagasaki có một màn đám rước do hai em bé đóng vai Sotaro và Wakaku đứng trên mũi một chiếc thuyền buôn (Okunchi là một lễ lớn, là niềm tự hào của Nagasaki).

Từ những vấn đề trong lịch sử như vậy, nên điều không hề ngẫu nhiên khi các tổ chức Nhật Bản như Jica, Đại học Chiêu Hòa, Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực (VJCC) hết sức quan tâm và hỗ trợ rất nhiều nhân tài vật lực cho Hội An, qua các hoạt động giao lưu văn hóa, hỗ trợ trùng tu cho đến hợp tác nghiên cứu, phát triển kinh tế - văn hóa...



Phủ Quận chúa Anio: Trích đoạn từ bức tranh cuộn Yonoe maki mono (487cm x 27,5cm) do họa sĩ Ogata Tanko vẽ vào thế kỷ XIX miêu tả hai con voi do Tướng quân Tokugawa Yoshimune mua từ Quảng Nam đưa về Nhật Bản vào năm 1728.

Người Châu Âu đến Hội An

(Cuộc hải chiến đầu tiên trong lịch sử giữa Hải quân Việt Nam với phương Tây)

Các Công ty thương mại châu Âu quan tâm đến Hội An rất sớm, từ nửa cuối thế kỷ XVI. Sử liệu để lại cho biết các nước Hà Lan, Anh Quốc, Pháp... đều đã có quan hệ giao thương tại Hội An. Theo Tiến sĩ Li Tana người phương Tây đầu tiên đến với Đàng Trong có thể là người Bồ Đào Nha. Tuy vậy, họ chỉ được Chúa Nguyễn cho phép xây dựng phố ở Đà Nẵng để buôn bán.

Hà Lan:

Nổi bật nhất thời kỳ này có Công ty Đông Ấn - Hà Lan, lập ở Amsterdam 1602, lấy thủ đô Djakarta (Nam Dương - Indonesia) làm trung tâm mậu dịch. Các thuyền Đông Ấn đến đâu đều ghi chép cẩn thận hoạt động thương

mại, tình hình kinh tế, xã hội... của vùng đất đó, nhờ vậy hiện nay những vấn đề trong lịch sử của thương cảng Hội An dựa trên kho tàng thư để lại của Công ty Đông Ấn rất nhiều.

Đầu năm 1636 (thương mại người Nhật còn thịnh trị tại Hội An), Công ty Hà Lan đã thiết lập một cơ sở thương mại ở Hội An và hoạt động tốt cho tới năm 1641. Thời kỳ này giữa Nguyễn và Trịnh có sự giao tranh kịch liệt. Chúa Trịnh ở Bắc tìm cách mua chuộc người Hà Lan khiến Chúa Nguyễn tức giận. Vào năm trên, do sự tàn bạo của Công ty ở Hội An (bắt giết người Việt làm công ăn cạp), quan trấn thủ là Nguyễn Phước Tần (Chúa Hiền) cho bao vây thương điếm, tịch thu hết hàng hóa, đem đốt. Riêng vàng bạc và đồ không cháy đem ra ném giữa biển khơi và giết bảy thương nhân Hà Lan.

Chính phủ Hà Lan tức giận bèn đưa hạm đội hùng hậu đến Đàng Trong gây chiến. Cuộc chiến tranh giữa Chúa Nguyễn và Hà Lan kéo dài từ 1642 đến 1643. Kết cục Dũng Lễ Hầu (Nguyễn Phước Tần) lúc bấy giờ mới 24 tuổi, đánh tan hạm đội Hà Lan. Đô đốc Pieter Bach đốt nổ kho thuốc súng và chết với soái hạm; một chiếc tàu khác va vào đá chìm; chiếc thứ ba thoát được ra Bắc. Đây là trận hải chiến lớn nhất giữa Việt Nam và Châu Âu vào thế kỷ XVII, và cũng là một chiến tích đặc biệt về hải chiến của Đông Nam Á với tàu gỗ, súng hỏa mai, đối địch với Châu Âu, tàu đồng, súng đại bác... Và cuộc hải chiến này cũng là căn cứ quan trọng để đưa Dũng Lễ Hầu Nguyễn Phước Tần lên ngôi chúa.

Trong thời kỳ này, do thực hiện chính sách mở cửa và mậu dịch ở Hội An, nên các chúa Nguyễn đặt một đạo thủy binh kiên dũng đóng tại Dinh trấn Thanh Chiêm kéo dài xuống tới biển Đại Chiêm, bao quát cả Hội An lẫn đầm Trà Nhiêu.

Trở lại những địa danh Bến Ngự, Kho Lương, Trại Tượng... còn lưu truyền trong dân gian, cùng những hào sen rộng hàng trăm mẫu trên đất Thanh Chiêm ngày nay, có thể tưởng tượng màu sắc hàng vạn lá cờ phấp phới của đại quân, của các đội chiến thuyền trên sông biển còn vang vọng đến bây giờ.

Người Anh:

Người Anh của Công ty Đông Ấn Độ đến Hội An năm 1613. Sự giao thiệp thất bại. Sau đó ra Bắc người Anh vẫn chưa thành công và trở lại xứ Đàng Trong năm 1695. Người mại biện là Bowyear điều tra về các điều kiện thương mại và đưa một số yêu cầu trong đó xin đất lập phố buôn và một đảo để sửa chữa tàu thuyền. Nếu hai bên thỏa thuận các điều khoản hợp tác, có thể bộ mặt Đại Việt có nhiều thay đổi vì về mặt biển, bấy giờ người Anh đã thay Hà Lan làm chúa tể năm châu. Nhưng cuộc hợp thương thất bại, nên từ đó về sau, người Anh không bao giờ trở lại đất này.

Người Pháp:

Pháp cũng lập Công ty Đông Ấn Độ 1664, sau các nước trên để đặt mại biện tại Hội An. Năm 1742, Dumont - một thương gia Pháp mới đến Hội An bàn việc thương mại, nhưng thực chất ông đã có ngay ý tưởng chiếm Cù Lao Chàm, mở thương điếm, quản lý hoạt động cảng Hội An sau này khi người Pháp có cơ hội làm chủ Việt Nam. Tiếp theo đó, năm 1749, một giáo sĩ Pháp tên là Pierre le Poivre vừa là một công chức, đồng thời là nhà buôn do Công ty Ấn Độ phái sang xứ Đàng Trong để giao thiệp, gây tình thân thiện và mở thêm một đường thông thương mới.

Ngày 29 tháng 8 năm 1749, ông đáp tàu Machault đến Hội An (Faifo). Poivre ở Hội An ít lâu rồi đi đường bộ đến Thuận Hóa vào yết kiến Võ vương để dâng lễ vật và thư xin thông thương. Võ vương tiếp P.Poivre rất tử tế và cho phép được đi lại buôn bán. Nhưng về sau vì công ty Ấn Độ của Pháp bãi đi và nhiều việc khó khăn khác nên việc thông thương cũng không thể tiếp tục được.



Góc phố được cho là Thương Điểm Hà Lan trước đây



Góc phố được đoán định ảnh hưởng Bồ Đào Nha

KIẾN TRÚC

Một trong những yếu tố làm nên giá trị của di sản văn hóa thế giới Hội An là quần thể kiến trúc đa dạng mang dấu ấn của những dân tộc Chăm, Việt, Hoa, Nhật... từng và đang sinh sống trên mảnh đất này. Thống kê đến đến nay, Hội An có 1.360 di tích, danh thắng. Những di tích này được phân loại thành 11 loại hình gồm 1.068 nhà cổ, 11 giếng nước cổ, 38 nhà thờ tộc, 19 chùa, 43 miếu thờ thần, 23 đình, 1 cầu, 5 hội quán, 44 ngôi mộ cổ loại đặc biệt. Trong số này hơn 3/4 nằm trong khu vực đô thị cổ.

Phần lớn các nhà cổ, hội quán, đình chùa, cầu trúc, bài trí không gian nội thất... tuy qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo nhưng hầu hết giữ được nguyên vẹn kiểu cách kiến trúc của những năm thế kỷ XVI-XVII, thời thượng cảnh phát triển phồn thịnh. Điều quan trọng đại diện cho các chi tiết kỹ thuật kiến trúc cổ của các dân tộc phương Đông trong các nhà cổ Hội An là các bộ sườn nhà được cấu thành bởi sự liên kết các vì kèo làm cơ sở chịu lực. Có thể chia làm ba loại vì kèo cơ bản tại Hội An gồm: Vì chõng giường, có mặt hầu hết ở tất cả các hội quán, nhà thờ tộc và nhà cổ của người Hoa đang sống tại Hội An; Vì liên kết kẻ chuyền, đặc trưng cho kiến trúc người Việt cổ. Những ngôi nhà tiêu biểu cho loại kết cấu này là nhà thờ tộc Nguyễn ở Cẩm Hà, tộc Thái ở phường Minh An... Vì liên kết bằng kèo thường thấy sử dụng trong kiến trúc dân cư Nam Trung Hoa và Bắc Việt Nam.



Hội An nhìn từ phía sông Hoài

Nhưng điều đặc biệt thể hiện sự thừa kế, giao thoa, hội tụ giữa văn hóa kiến trúc của các dân tộc đã từng sống trên vùng đất trong các ngôi nhà cổ Hội An là khuynh hướng hòa nhập các phong cách kiến trúc với nhau. Tại nhà thờ tộc Trần, tộc Thái, tộc Phạm... là sự lắp ghép hai căn nhà với hai kiểu vì kèo chõng giường của người Hoa và kẻ chuyền của người Việt. Các mái nhà của phố cổ dùng hai loại ngói: ngói ống và ngói âm dương. Loại ngói ống thường thấy dùng ở các hội quán, còn ngói âm dương được sử dụng phổ biến tại hầu hết các nhà cổ hoặc đình người Việt. Riêng đặc trưng kiến trúc của các thương gia Nhật tại Hội An hiện nay hầu như chỉ còn phảng phất ở vài chi tiết rải rác trong các ngôi nhà cổ.

Nhìn từ tổng quan, Phố cổ Hội An nằm dọc theo bờ sông, nhưng phố bờ sông (đường Bạch Đằng) lại là phố phụ mang công năng là nơi lên xuống hàng hóa. Hai phố Trần Phú, Nguyễn Thái Học là mặt tiền buôn bán chính. Nhiều ngõ xóm thăm sâu nối liền các phố lớn, cùng cách bố trí nhà lúc trời, lúc sụt tạo nét cho đường phố có những đường cong, hoặc gãy khúc bất ngờ như một nhịp điệu. Từ trên cao, cái cứng, mạnh của hàng hàng lớp ngói âm dương, lẫn trong sự uyển chuyển của đường cong các đầu hồi tạo cho tổng thể không gian của phố cổ không khác gì những nhịp phách trên một cung đàn.

Các nhà dân, hội quán mới thật sự là phần hồn quan trọng của phố. Phần lớn nhà trên hai dãy phố chính đều là cửa hàng, hai cửa sổ chính được bố trí hai bên cửa ra vào, dành cho chức năng bán hàng, nên bố trí xếp các ván cửa theo lối lùa lên xuống. Khi đóng thì bảo vệ nhà, khi mở thì trở thành sạp bán hàng. Điều thú vị, hai phần cửa sổ mặt nhà thoạt nhìn tưởng cân đối, nhưng thật ra được bố trí rộng hẹp khác nhau, như phân định theo nguyên tắc bên đực - bên cái, bên âm - bên dương.

Kiến trúc, trang trí Hội An có nhiều điểm gặp nhau trong nghệ thuật dân tộc truyền thống các năm thế kỷ XVII-XIX, nhưng từ cuối thế kỷ XVI Hội An đã tiếp nhận nhiều thương nhân nước ngoài, nhất là người Hoa, nên thường trong một cá thể kiến trúc đều có pha trộn yếu tố nghệ thuật kiến trúc, trang trí của các nước. Đặc trưng nhất là các hội quán lớn đẹp hiện còn

tồn tại trên đất Hội An đều mang đậm dấu ấn Trung Hoa. Có tài liệu còn cho biết, nhiều nhà cổ, hội quán được tháo dỡ từ quê hương của những người Hoa Minh Hương và chở bằng tàu sang lắp ráp lại tại Hội An.

Riêng nghệ thuật kiến trúc Nhật đến nay chỉ còn thể hiện ở một số chi tiết trang trí trong vài nhà cổ. Đáng chú ý nhà cổ Tân Ký số 101 đường Nguyễn Thái Học có một vì vò cua chạm khắc hai bao kiếm vắt chéo trên nền dải lụa và mây cụm. Giới chuyên môn đặt dấu hỏi, phải chăng đây là điểm gặp gỡ giữa hai nền văn hóa Việt - Nhật.

Do toàn bộ Đô thị cổ Hội An đều nằm trong vùng hạ lưu sông Thu Bồn, từ hàng trăm năm qua, mỗi năm từ tháng 10 đến tháng 12 trời đều “hành cơn lụt mỗi năm” nên vật liệu gỗ của tất cả các ngôi nhà trong phố cổ đều được làm bằng các loại thiết mộc nhóm 1, 2 như lim, trắc, kiền kiền... Vào mùa lũ lụt, du khách vẫn đến được Hội An và có thể ngồi trên các thuyền con vào thăm tận nội thất của các di tích. Lúc này phố cổ không khác gì một Venice của phương Đông.

Mắt cửa Hội An

Một phần quan trọng khác biệt và ấn tượng nhất trên một ngôi nhà Hội An so với các vùng trong cả nước, đó là đôi mắt trang trí phía trên cửa chính ra vào, cửa sau, cổng trước, cổng sau các ngôi nhà cổ Hội An. Đôi mắt gỗ bao hàm các yếu tố nghệ thuật dân tộc truyền thống, kết hợp nhuần nhuyễn với nghệ thuật ngoại lai.

Theo con số thống kê chưa đầy đủ, ước tính hiện nay tại Hội An có khoảng 14 kiểu mắt cửa. Phổ biến là loại mắt cửa đẽo khắc biểu tượng thái cực, lưỡng nghi. Riêng một số đình chùa, hội quán, tùy theo công năng, mắt cửa còn được đẽo khắc hình hổ, hình dơi hoặc chữ thọ... Thứ nữa phổ biến là hình cá chép, trích từ tích cá vượt vũ môn, được sử dụng với ý nghĩa chúc sự dư thừa, thành đạt. Sau cá chép là giao long (một loài rồng chưa hoàn chỉnh). Kết hợp với cá chép, giao long mang ý nghĩa sự tuần hoàn của vũ

trụ, chuyển hóa của âm dương, ngũ hành. Ngoài ra khá nhiều hình tượng khác như con dơi, âm dương, bát bửu, tứ quý (mai, lan, cúc, trúc...), tứ dân (ngư, tiều, canh, mục) cũng được sử dụng bố khuyết chung quanh các biểu tượng trang trí chính của ngôi nhà.

Cặp mắt cửa trước những ngôi nhà Hội An có cơ sở từ văn hoá, tập quán, tín ngưỡng người Chăm, Việt, Hoa, Nhật – những dân tộc từng sinh sống, dựng phố lập phường trên vùng đất này. Tuy vậy, cho đến nay hầu như chưa có công trình khảo cứu nào đủ cơ sở khẳng định đầy đủ ý nghĩa của nó trong đời sống văn hoá tâm linh của người dân Hội An nói riêng và người Việt nói chung...

Từ ngày Kiến trúc sư người Ba Lan, Kazimierz Kwiatkowski (tên thân mật là Kazik) “phát hiện” ra một Hội An lịch sử cách đây hơn 20 năm, giới nghiên cứu văn hoá đã chú ý đến hiện tượng đặc biệt này trong hàng ngàn chi tiết kiến trúc, trên hầu hết các ngôi nhà cổ. Chưa có một lý giải nào chính đáng, thuyết phục về biểu tượng mang tính trang trí này. Nhiều người cho rằng đó là “hóa thân của tâm hồn người Hội An”; hay đó là hình tượng linh thiêng ảnh hưởng triết lý phương Đông, hoặc văn minh Ấn Độ giáo... Trong bài viết Mắt cửa – Biểu trưng của hồn phố Hội An, tác giả Trần Ánh - một trong những cán bộ nghiên cứu lâu năm về văn hoá Hội An nhận định, có lẽ ban đầu nó chỉ là hai chốt gỗ mang công năng kiến trúc là chính, sau này chủ nhà khoác lên mình chúng những ý nghĩa tâm linh hay thậm chí mang màu sắc tín ngưỡng hàm chứa những sự tồn vong, suy thịnh của gia chủ; là nhãn quan thấu hiểu, thấu nhìn mọi suy nghĩ, hành vi của các thành viên gia đình trong quan hệ nội bộ...

Trong cuốn Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử của Nguyễn Chí Trung xuất bản tháng 12/2005, phần viết về nhà phố Hội An cũng có đoạn: “Lý giải về nguồn gốc của mắt cửa (Hội An) chắc hẳn còn phải tiếp tục nghiên cứu vì như chúng ta nhận thấy tất cả các ghe, thuyền trên sông, biển Hội An và nhiều tỉnh khác ở phía Nam Việt Nam đều có hình tượng đôi mắt”.

Trong thực tế, hiện tượng thờ phụng, phong thần vật sử dụng lâu năm, hay kính ngưỡng hiện tượng thiên nhiên, thảo mộc, sông núi gần gũi trong đời sống hàng ngày, hoặc có ý nghĩa liên quan đến sự tồn vong, vận mạng cá

nhân, dòng tộc, thậm chí cả cộng đồng người, không lạ trong đời sống sinh hoạt của các dân tộc sống trong khu vực Đông Nam Á và thổ dân ở nhiều châu lục khác.

Tập quán này xuất phát từ thuyết “vạn vật hữu linh” của người dân Châu Á. Quan niệm này cho rằng, vạn vật đều có linh hồn. Từ thời nguyên thủy, thậm chí cho đến cuộc sống hiện đại ngày nay, thường ở khu vực nông thôn, miền núi đa phần người dân vẫn nhìn thấy đằng sau mỗi hiện tượng tự nhiên không giải thích được, đều ẩn giấu một vị thần. Vị thần đó quyết định sự vận hành của vũ trụ, trong đó có đời sống con người.

“Vạn vật hữu linh” còn dễ nhận thấy trên chiếc ghe bầu Quảng Nam - một sản phẩm đặc sắc của nghề biển Việt Nam trong quá khứ. Đây là loại thuyền mà mũi và lái đều nhọn, bụng bầu, độ ngấn nước sâu, nên thuyền có khả năng đi xa, dài ngày trên biển. Đặc biệt nhất là các thuyền đều có đôi mắt trước tròn, đuôi mắt dài nhọn... Chính nhờ loại ghe bầu này mà người dân xứ Quảng buôn bán khắp nước, hoặc có thể vượt ra khơi xa để đánh bắt cá, đặc biệt là việc tổ chức đội lính Hoàng Sa có thể dùng thuyền ra đóng đồn, canh phòng đảo cách xa đất liền hàng trăm hải lý. Và đôi mắt cửa trên mỗi ngôi nhà Hội An cũng nằm trong hệ thống quan niệm này.

Người Hội An còn giải thích đó là những con mắt của tướng Uất Lũy, tục gọi là Thần giữ cửa, có liên quan đến tín ngưỡng của người Hoa. Theo sách Trung Hoa cho biết, vào thời cổ đại (thời Hoàng Đế), trên núi Độ Sóc ở biển Đông, có một cây đào thần kỳ, thân và gốc lớn tới ba dặm; tại gốc đào khổng lồ ấy có hai vị thần tên gọi Thần Đờ và Uất Lũy chuyên cai quản lũ quỷ dữ; con quỷ nào ác độc đều bị hai vị thần trói bằng thừng, bện bằng cây sậy, đem cho hổ ăn. Do đó, Hoàng Đế đã sai người lấy gỗ đào tạc hình Thần Đờ, Uất Lũy và con hổ, lại gài cả thừng bằng sậy vào đó, rồi để bên cửa để trừ tà đuổi quỷ, tục gọi là Môn thần. Với người Việt, hai ông thiện, ác thường thấy ở các đình chùa, miếu mạo cũng là những vị thần giữ cửa.

Trong tín ngưỡng người Chăm-pa cũng có Môn thần, gọi là Dvarapalla. Môn thần với ý nghĩa là người bảo vệ cho Đạo pháp, bao giờ cũng đứng ở cửa của một công trình kiến trúc tôn giáo. Dọc dài mảnh đất miền Trung, nay vẫn còn lại nhiều tượng Môn thần trong các đền tháp với những niên đại

khác nhau. Nhưng độc đáo nhất có lẽ là hai tượng hộ pháp tại chùa Nhận Sơn, tỉnh Bình Định. Hai pho tượng nay đã được sơn vẽ lại cho giống thần Việt, nhưng nhận định của các nhà nghiên cứu văn hóa Chăm tại Bình Định đó là hai pho tượng được tạc bằng đá sa thạch, một loại nguyên liệu đặc trưng trong điêu khắc tượng thần của người Chăm. Về trang phục cả hai tượng đều mặc sampot, tóc búi cao xung quanh là những sợi dây buộc chéo, trâm cài phía sau, đầu đội mũ có rìu xéo... Cả hai pho tượng đều có miệng lớn, mũi bành rộng lưng gầy, ngực hơi ưỡn... Nhưng giờ đây y phục của hai pho tượng đều đã được Việt hóa. Hai vị được mặc áo đại bào, đầu đội mũ đăng cho giống với các tượng thần trong chùa Việt. Từ chùa Nhận Sơn đến gò Tam Tháp khoảng vài trăm mét. Nơi đây có phế tích tháp Chăm quy mô khá lớn, có thể đoán định rằng hai tượng Môn thần vốn là những tác phẩm điêu khắc trong quần thể kiến trúc tháp. Năm tháng trôi qua, tháp sập đổ, tượng đá bị vùi cho đến ngày những người dân Việt tìm thấy. Họ đưa về chùa thờ phụng và trở thành những biểu tượng thần người Việt.

Sự tương đồng về tập quán thờ thần cùng đặc tính dễ thích nghi, giỏi tiếp biến của người Việt, từ Môn thần trong tín ngưỡng của người Chăm, người Hoa và hộ pháp của người Việt, đến cặp mắt trên cửa chính nhà thay cho hai vị thần giữ cửa Thần Đờ, Uất Luỹ không xa nhau là bao. Đặc biệt Hội An là vùng đất trong quá khứ đã từng có sự cộng cư của bốn dân tộc Chăm, Việt Hoa, Nhật.

Tuy vậy, là một biểu tượng của quan niệm Vạn vật hữu linh hay chi tiết kiến trúc thì đôi mắt cửa từ lâu đã là một thực thể không thể tách rời khỏi đời sống văn hóa tâm linh của người Hội An. Đây cũng chính là cách con người giao hòa với thiên nhiên, từ đó làm ra chiều sâu của một di sản văn hóa nhân loại.



Mắt cửa Hội An

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Đêm rằm Phố cổ

Đây là sáng kiến và sinh hoạt văn hóa độc nhất vô nhị tại Việt Nam hiện nay, nhưng lại có liên quan đến ước muốn của Kiến trúc sư người Ba Lan - Kazimierz Kwiatkowski - người có công “phát hiện” giá trị hiếm có của Hội An. Ngày còn tại thế, trong một đêm rằm mùa Thu, Kazik đã từng ước ao, nếu những ánh đèn điện nê-ông kia biến mất thì sẽ được sống trong một đô thị của thế kỷ XVII. Từ “gợi ý” đó, năm 1998, chính quyền Hội An đã có sáng kiến tổ chức Lễ hội đêm rằm phố cổ vào mỗi đêm 14 âm lịch hàng tháng.

Trong lễ hội, thời gian từ 17 giờ đến 22 giờ, tất cả nhà dân, hàng quán, hiệu ăn trong phạm vi phố cổ đều tắt đèn điện để không gian đô thị chìm trong ánh sáng hư ảo của trăng rằm và đèn lồng. Các dãy phố hoàn toàn chỉ dành cho du khách tản bộ. Người dân phục trang trong những bộ áo quần thường dùng trong những thế kỷ trước. Các điểm di tích và trên sông Hoài chảy ngang qua phố đều tổ chức các hoạt động ca nhạc cổ truyền, trò chơi dân gian, thi đấu cờ tướng, đánh bài chòi. Du khách đến Hội An trong dịp này sẽ có dịp may được sống hoàn toàn trong không gian của một đô thị từ những thế kỷ trước. Trong các dịp Trung thu, Tết Dương lịch hoặc các ngày lễ lớn trùng hợp đêm rằm thì các hoạt động văn hóa sẽ phong phú hơn với những vũ hội hóa trang cùng với du khách, vịnh thơ Đường, thả đăng trên sông, múa lân...

Đặc biệt phong phú và có vai trò quan trọng đối với đời sống cộng đồng dân cư Hội An là các lễ hội nước. Nổi bật nhất là các lễ hội Long Chu, tế cá

Ông và đưa ghe.



Đêm Hội An

Lễ hội Long Chu

Long Chu là thuyền làm theo hình rồng, một trong bốn con vật linh (long, ly, quy, phụng). Theo dân gian đây là hình tượng trấn áp ôn hoàng, dịch lệ (các loại bệnh dịch) gây hại cho người. Lễ hội Long Chu được tổ chức vào dịp rằm tháng giêng (thượng nguyên), rằm tháng bảy (trung nguyên) là hai thời điểm chuyển tiếp từ mùa mưa sang mùa khô và ngược lại nên thường xảy ra các loại dịch bệnh gây hại cho người.

Dân gian tin rằng các bệnh dịch đều do các thế lực tà thần mang đến nên hầu như không trừ một ai trong làng xã đều tham gia vào lễ hội này. Địa điểm diễn ra lễ hội tổ chức tại đình làng. Trước hôm diễn ra lễ chính, một thầy phù thủy sẽ đi khắp làng và dùng bùa trấn yểm những nơi nghi ngờ có yêu ma ẩn náu. Tháp tùng cùng thầy phù thủy một đoàn thanh niên trai tráng sẵn sàng dao sắc để phát quang, dọn đường khi cần. Nhưng thực tế thường

đây là dịp nam thanh, nữ tú gặp gỡ, vui đùa hò hát, đối đáp, giao tình với nhau.

Trong ngày lễ chính, toàn thể dân trong làng rước Long Chu về đình và người chủ bái cùng thầy phù thủy sẽ khai quang điểm nhãn cho Long Chu. Tiếp theo là một loạt các nghi lễ cúng tế, tối hôm đó các tráng đinh sẽ đưa Long Chu đến các nơi cần trấn yểm và sau đó sẽ đốt và thả Long Chu ra biển. Không khí hết sức nhộn nhịp và vui vẻ. Lễ hội là một dịp để dân làng làm vệ sinh vườn tược, nhà cửa, đồng thời sum họp, tổ chức sinh hoạt giải trí sau những ngày làm lụng vất vả.



Rước Long Chu

Lễ tế cá Ông (Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân)

Không chỉ riêng Hội An mà đây là tín ngưỡng phổ biến trong cư dân duyên hải miền Trung. Hầu như làng chài nào cũng đều có một đền thờ cá Ông và hàng năm đều tổ chức lễ tế.

Lễ tế này xuất phát từ hiện tượng cá Ông thường xuất hiện và giúp đỡ nhiều ngư dân, đưa cả tàu lẫn người vào bờ an toàn trong các cơn giông bão

giữa biển khơi. Vì vậy, khi bắt gặp cá Ông chết (ông lụy) trôi dạt vào bờ, ngư dân tại địa điểm đó coi đây là một dịp trả nghĩa, tổ chức chôn cất, cúng tế rất linh đình, kéo dài đến ba ngày. Người bắt gặp cá Ông chết được cử làm trưởng nam và tiến hành các nghi lễ nghiêm trang không khác gì tang tế của cha mẹ mình.

Bình thường lễ tế cá Ông của các làng chài Hội An tổ chức hàng năm thường vào dịp cầu ngư vào khoảng hạ tuần tháng 2 âm lịch. Trong số 60 đối tượng thủy thần được đưa vào văn tế, tế lễ hàng năm thì cá Ông đứng thứ 8 với tên Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân. Trong các lễ tế cá Ông, thường có hoạt động hát Bả Trạo - một loại hình văn nghệ dân gian với những trang phục đặc biệt. Nội dung của buổi diễn miêu tả lại những sinh hoạt, làm ăn trên sông nước, đồng thời qua câu hát điệu múa, dân gian tri ân cá Ông đã cứu giúp những người đi trên biển thoát cơn thập tử nhất sinh giữa bão tố.



Lễ tế cá Ông

Hội đua ghe

Ở Hội An, đua ghe là một sinh hoạt văn hóa thể thao không thể thiếu được đối với các làng chài ven sông, ven biển. Hội đua ghe thường diễn ra trong dịp mừng xuân từ mùng 2 đến mùng 7 tháng giêng âm lịch; cầu ngư vào rằm tháng 2 âm lịch; cầu bông, cầu an vào khoảng trung tuần tháng 3 âm lịch.

Theo quan niệm của dân gian, đua ghe là dịp làm vui lòng các thánh thần thượng sơn, hạ thủy và các đấng khuất mặt đã phù hộ cho thôn xóm bình yên, được mùa. Trước một cuộc đua ghe, làng trên xã dưới hết sức náo nhiệt trong không khí chuẩn bị, tập luyện. Đôi lúc phần thưởng cho ghe chiến thắng không lớn, nhưng đó là niềm tự hào của làng và mang ý nghĩa tranh được một vận may trong mùa màng sắp tới. Trước đây hội đua ghe yếu tố lễ, hội được xem trọng như nhau, nhưng hiện nay phần hội thường nổi trội và đọng lại rất lâu trong tâm thức mọi người. Đua ghe ở Hội An phản ánh tính kế thừa, phát huy hội lễ văn hóa dân gian, đồng thời có thể ảnh hưởng một phần của tập quán sông nước của người Chăm.

Ngoài các lễ hội chính trên, các dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, Vu Lan tháng hội, Nguyên tiêu... cũng là những ngày được người dân Hội An tổ chức các hoạt động văn hóa lễ hội lớn.



Đua ghe

CÁC ĐIỂM THAM QUAN CHÍNH Ở HỘI AN

Chùa Cầu (Cầu Nhật Bản) và truyền thuyết Cù dậy

Chùa Cầu nằm cuối đường Trần Phú, đã mặc nhiên trở thành biểu tượng duy nhất của Hội An được sử dụng trong tất cả các trường hợp. Tương truyền rằng công trình kiến trúc này do các thương gia Nhật xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XVI, trong thời gian làm ăn sinh sống tại Hội An. Bởi vậy trong bản đồ Hội An do người Pháp lập trước đây, đường Trần Phú (hiện nay) nơi có Chùa Cầu tọa lạc xưa mang tên La rue du pont Japonnais (phố cầu Nhật Bản). Do qua nhiều lần trùng tu và gần đây nhất là 1990 nên các yếu tố kiến trúc Nhật gần như không còn lưu giữ gì. Thay vào đó là phong thái cầu truyền thống thường thấy ở các nước châu Á, trong đó có Việt Nam (kiểu thượng gia, hạ kiều) hiện nay tại Thừa Thiên - Huế vẫn còn như cầu ngói Thanh Toàn (Ai về cầu ngói Thanh Toàn/Cho em về với một đoàn cho vui - ca dao) và phía Bắc vẫn còn nhiều cây cầu kiểu như vậy.

Trong một bức ảnh chụp của người Pháp vào khoảng năm 1800, Chùa Cầu chỉ có hai mái, nhưng hiện nay hai đầu cầu có hai nhà xoay ngang, tạo dáng toàn thể theo hình chữ Công; gắn với sườn cầu là một ngôi miếu nhỏ thờ thần Bắc Đế Trấn Vũ - một vị thần trong tín ngưỡng của người Hoa chuyên trấn trị phong ba, lũ lụt. Trên hai đầu cầu có đặt hai nhóm tượng khi và chó (hai khi, hai chó) đẽo khắc bằng gỗ ngồi chầu. Cho đến nay hai nhóm tượng này vẫn là một bí ẩn. Bởi lẽ con khi và chó ít thấy trong nhóm linh vật

của tín ngưỡng dân gian các dân tộc có liên quan đến Chùa Cầu là Việt, Hoa, Nhật. Bởi vậy, hiện nay người ta tạm bằng lòng với giả thuyết hai nhóm tượng này nhằm kỷ niệm năm khởi công và năm hoàn thành (làm từ năm Thân đến năm Tuất) của tiền nhân.

Tuy vậy, theo nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Tương: Thần khí và các thần chó trên hai đầu Chùa Cầu nhằm để “yểm” một con thủy quái gọi là Mamazu, vì đây là những vật linh theo tín ngưỡng vật tổ của người Nhật.

Chùa Cầu dài khoảng 18 mét, rộng 3 mét, bắc qua một con lạch sâu chảy ra sông Hoài. Công năng chủ yếu là giao thông, nhưng với lối kiến trúc mái, hạ bộ nhẹ nhàng, thanh thoát, cùng sự tôn nghiêm của ngôi miếu thờ thần, Chùa Cầu được ghi nhận là một di tích đặc biệt nằm trong tổng thể Di sản Hội An. Gắn với Chùa Cầu, cả ba dân tộc Hoa, Việt, Nhật đều có truyền thuyết tương đồng, liên quan đến nạn lụt lội hàng năm gây hại cho phố cổ Hội An.

Kể rằng, lạch nước phía dưới Chùa Cầu ẩn giấu con Cù (một loại thủy quái) người Nhật gọi là Mamazu, người Hoa gọi là Câu Long, đầu tận Ấn Độ, đuôi ở Nhật Bản và phần thân thì vắt qua Hội An. Mỗi lần con Cù thức dậy là một lần lụt lội, động đất nổi lên gây hại cho người và tài sản tại các nơi kể trên. Vì vậy, người Nhật xây dựng Chùa Cầu như một thanh gươm linh, trấn yểm con thủy quái, tránh họa động đất cho mẫu quốc, đồng thời giữ yên ổn cho nơi mình sinh cơ lập nghiệp. Còn người Hoa thì lập miếu thờ thần Bắc Đẩu Trấn Vũ ngay sát bên cầu cũng mang ý nghĩa trấn yểm thủy quái.

Chùa Cầu đã qua 4 lần trùng tu: Năm 1763 dưới thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, năm 1817 dưới thời vua Gia Long, năm 1875 dưới thời vua Tự Đức và năm 1917 thời vua Khải Định. Từ lần trùng tu cầu thứ hai trở đi, sự việc đó đều được ghi bằng chữ Hán trên thượng lương và các xà dọc trên mái của cầu mà nay vẫn còn. Trên thượng lương ở đỉnh nóc cầu còn các dòng chữ Hán có nghĩa như sau: Niên hiệu Gia Long thứ 16 năm Đinh Sửu (1817), tháng Ất Tỵ, ngày Ất Dậu, giờ Kỷ Mão, lý trưởng làng Minh Hương Trương Hoảng Cơ cùng cả làng đã xây dựng lại công trình. Cũng chính vào tháng 8 năm Đinh Sửu này (1817), làng Minh Hương đã dựng Bi ký trùng tu

Chùa Cầu, đến nay còn gắn trên cầu. Những dòng chữ Hán trên bi ký có đoạn: “Tại phường Minh Hương đô thị Hội An, phân giới với Cẩm Phô có con sông nhỏ, có cầu cổ. Tương truyền do người Nhật Bản làm. Trái từ triều đại trước ban sắc cho tên Lai Viễn Kiều...”

Hai trụ đầu cầu trước năm 1975 có hai câu đối chữ Hán đắp nổi bằng mè sành, nhưng sau bị dùng xi măng trám bằng, xóa mất dấu. Khi còn bình sinh nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên (1911-1996) đã tìm lại được những câu đối chữ Hán này chứa đựng nội dung kinh dịch:

Đôi câu đối chữ Hán ở phía cửa đông của cầu như sau:

Thiên cầu song tinh an cận thổ,

Tử vi lưỡng tinh định khôn thân.

Đôi câu đối chữ Hán ở cửa phía tây của cầu có nội dung:

Ngoạn nguyệt khách du châu vĩ điện,

Khán hoa nhân đảo mã đề lô

Tạm dịch:

Hai sao thiên cầu ở yên nơi đất cận

Hai tướng tử vi định được chốn quê khôn

Và

Khách ngắm trăng thuyền nhanh như chớp

Người xem hoa vó ngựa sấm vang

Năm 1719, Chúa Nguyễn Phúc Chu trong một lần đến Hội An đã ban tên cho cầu là Lai Viễn Kiều (cầu của những người bạn từ xa đến), hiện bức hoành phi nhà vua ban tặng vẫn đặt giữa cầu. Như vậy, từ chức năng phục vụ giao thông, Chùa Cầu đã trở thành vật kiến trúc mang màu sắc tâm linh và thể hiện một quá khứ lịch sử liên quan đến phát triển mậu dịch của thương gia Nhật, Hoa tại Hội An.



Chùa Cầu Hội An theo nét vẽ của người xưa



Chùa Cầu Hội An nay

NHÀ CỔ

Thống kê cho biết, hiện đô thị cổ Hội An có 1.068 ngôi nhà cổ. Kiến trúc nhà cổ mang đậm dấu ấn thành phần xuất thân, đặc tính dân tộc của chủ sở hữu. Phần lớn các nhà cổ đều trải qua nhiều thế hệ cùng sống trong ngôi nhà và mỗi thế hệ như vậy đều tự tổ chức, sửa chữa trùng tu khi có hư hỏng, nhưng vẫn giữ được hầu hết các chi tiết kiến trúc của tiền nhân. Đặc trưng chung của các nhà cổ tại Di sản Hội An là được người thợ xây dựng khoác cho bộ áo nghệ thuật lộng lẫy qua các điêu khắc gỗ tinh xảo do thợ Kim Bồng bản địa thực hiện hoặc mang từ quê hương sang.

Hội An có 2 dạng nhà phổ biến là nhà phố và nhà rường.

Nhà phố: Kiến trúc được mở ra cả hai phía trước và sau trong một không gian hình ống. Phía trước là nơi mua bán, giao dịch; tiếp đến là sân trời (thiên tỉnh) cùng một nhà cầu nằm xoay dọc ở một phía cửa sân trời, nối với nhà sau là nơi chứa hàng, sinh hoạt của gia chủ. Kết thúc là một sân sau dùng làm bếp, nhà vệ sinh, giếng nước... với một cửa thông ra phía ngoài.

Nhà rường: Đây là một dạng nhà cổ truyền Việt Nam, thông thường gồm căn nhà chính với từ 3-5 gian. Phía trước là sân lát gạch và hai bên có hai nhà phụ quay mặt vào sân. Xung quanh được bao bọc bởi vườn cây ăn quả và đôi khi có khoảnh ao nhỏ.

Ở Hội An, chủ yếu nhà rường phân bố rải rác trong các quần cư cổ như Cẩm Châu, Cẩm Hà, Thanh Chiêm...

Dưới đây giới thiệu một số nhà cổ có lịch sử lâu đời và liên quan đến Hội An thời là một thương cảng thịnh vượng.

Nhà cổ Quân Thắng - Số 77 đường Trần Phú

Đây là một trong vài ngôi nhà được xem là đẹp nhất Hội An hiện nay, tiêu biểu cho lối kiến trúc vùng Hoa Hạ (Trung Hoa). Chủ nhà là ông Diệp Bảo Hùng, thuộc thế hệ thứ 7, chắt ngoại của một thuyền trưởng người Hoa tên Thái Kế Trinh, chuyên buôn thuốc Bắc từ Trung Hoa đi các nước Châu Á.

Theo ông Hùng, toàn bộ nhà đều do thợ mộc Kim Bông sở tại xây dựng và điêu khắc gỗ. Tất cả các chi tiết mỹ thuật, lối kiến trúc của ngôi nhà hết sức tinh tế và thật đến mức gỗ đã trở thành những vật thực như chim, hoa, bướm, dải lụa đào... mềm mại, thanh thoát. So với một số công trình kiến trúc tương tự trong phố, nhà cổ Quân Thắng ít bị thay đổi so với kiến trúc gốc. Phần đẹp nhất của ngôi nhà là các bức vách quanh sân thiên tỉnh. Mặt vách được chia thành các ô rộng vuông hoặc chữ nhật, tạo chiều sâu vừa phải, đồng thời làm nổi các hình chạm bên trong. Du khách có thể nhìn thấy các điêu khắc gỗ miêu tả sinh động cảnh sinh hoạt của tứ dân; sự quý phái của bộ tứ quý. Quanh đó là những đầu bẩy chạm cá chép, sóc, chùm nho rất thật, hòa hợp với cảnh bình phong có bồn hoa, cây cảnh bên ngoài. Đây là điểm tham quan được ghi trong hướng dẫn tham quan di sản.



Nhà cổ Quân Thắng

Nhà cổ Tấn Ký - 101 đường Nguyễn Thái Học

Ngôi nhà hiện do ông Lê Chương làm chủ. Ông là hậu duệ đời thứ 5 của một dòng tộc Hoa thương lớn. Nếu tính cả con và cháu nội của ông Chương thì hiện ngôi nhà đã che chở cho 7 thế hệ cùng sinh sống. Nhà cổ Tấn Ký cũng là một trong những ngôi nhà đẹp nhất Hội An hiện nay và được bảo quản rất tốt. Các hàng gạch bát tràng trên lối ra vào và trong nhà đã mòn lõm, chứng tỏ niên đại sử dụng của ngôi nhà đã rất lâu.

Cấu trúc ngôi nhà xây dựng theo kiểu nhà hình ống thường thấy ở Hội An. Phía mặt phố chính làm nơi mua bán, mặt sau mở ra sông để xuất nhập hàng hóa từ bến cảng. Nội thất tất cả đều bằng gỗ quý và điêu khắc đặc biệt tinh xảo. Với ngôi nhà này, có thể nói người thợ xây dựng là những nghệ sĩ. Từng thành phần kiến trúc trong nhà khó tìm được nét thô. Từng phân gỗ trong nhà được chuốt bóng như ngà. Các bức chạm tỉ mỉ trên vì kèo, vòm vò cua, tường nhà đều là những công trình điêu khắc, cả đến những tai cột, tai giả thủ, con kê cũng được chạm khắc thành hình con dơi, giao long, hoa quả, bát bửu, dải lụa...

Trong nhà còn giữ nhiều bộ hoành phi, câu đối cổ vẫn giữ được màu sắc sơn son thếp vàng rực rỡ. Nét chung của ngôi nhà này là một sự tinh tế, hài hòa, sự kết hợp tài tình giữa kỹ thuật với nghệ thuật, hàm súc ý nghĩa của những lời chúc phúc. Ngôi nhà cổ Tấn Ký cũng là một điểm tham quan quan trọng trong danh mục tham quan di sản.



Nhà cổ Tấn Ký

Thư quán Hội An (số 6 đường Nguyễn Thị Minh Khai)

Thư quán Hội An hiện do Công ty Văn hóa Phương Nam (Tp. Hồ Chí Minh) quản lý và mua bán các vật phẩm văn hóa, sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

Ngôi nhà cổ này do ông Trần Cang (Cửu Cang) là một chức sắc trong bang hội Phúc Kiến sống tại Hội An xây dựng cách đây hơn 200 năm. Khác với hai ngôi nhà Quân Thắng và Tấn Ký, Thư quán Hội An tuy vật liệu chính làm nhà là các loại gỗ quý, nhưng được giữ thô một cách cố ý. Khác với kiến trúc truyền thống Hội An, sân thiên tình của hai ngôi nhà này được một bộ mái ngói âm dương che đỡ phía trên. Nhờ bộ mái được nâng cao, có khoảng cách hở giữa mái và vách liên kết nên vẫn tạo được sự hài hòa, khoáng đạt trong tổng thể chung của nhà. Ngôi nhà này được xây dựng cách đây khoảng 100 năm và đến nay vẫn được bảo quản khá tốt. Trong hai ngôi nhà này, du khách còn tìm được nhiều thông tin về lối sống của một tầng lớp thương nhân trung lưu ở thương cảng Hội An xưa.

Thư quán hiện được bài trí công phu, phù hợp với không gian một hiệu sách cổ. Trong Thư quán có ông đồ biểu diễn viết thư pháp, hoặc các nghệ nhân thủ công tổ chức công diễn sản xuất một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ của địa phương và các tỉnh... Ngôi nhà này vừa được chính quyền Hội An trùng tu với kinh phí gần một tỷ đồng và Công ty Phương Nam cũng đầu tư một khoản chi phí lớn để trang trí.



Thư quán Hội An



Thư quán Hội An



Nội thất Thư quán Hội An



Nội thất Thư quán Hội An

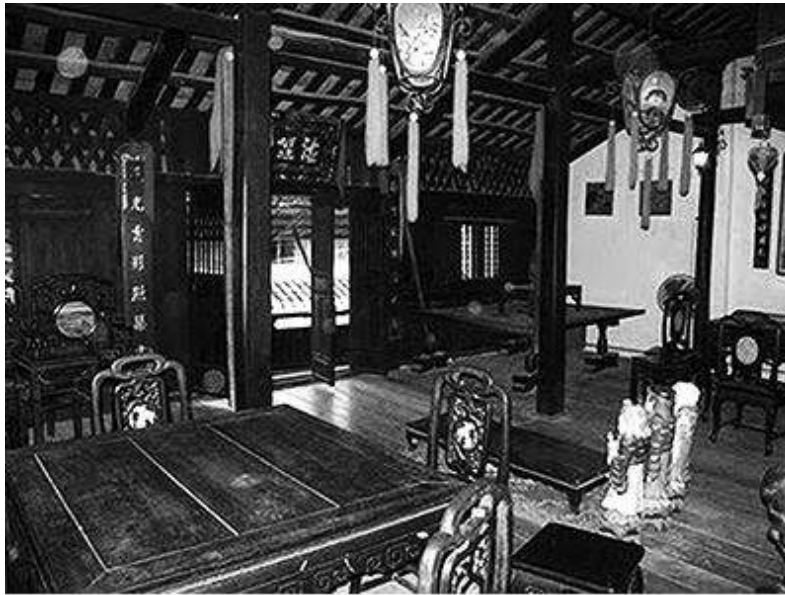
Nhà cổ Phùng Hưng (số 4 đường Nguyễn Thị Minh Khai)

Đây là ngôi nhà cặp đôi giống hệt Hội An Thư quán. Nhà cổ Phùng Hưng đã trải qua nhiều thế hệ của gia đình Phùng Hưng. Nó là một trong những

mẫu nhà đẹp của lối kiến trúc truyền thống Việt Nam có giá trị văn hóa cao ở Hội An.

Ngôi nhà là kiến trúc tổng hợp của ba trường phái: Việt Nam, Nhật Bản và Trung Hoa. Hệ thống ban công và cửa chớp theo kiểu Tàu, mái nhà ở gian giữa có bốn hướng gọi là mái tứ hải là kiến trúc của Nhật Bản (giống mái của Chùa Cầu). Còn lại là hệ thống sườn gỗ, hệ thống xà ngang, xà dọc, mái truyền thống hai hướng ở gian trước và gian sau là kiến trúc Việt Nam. Cũng như Hội An Thư quán, nhà cổ Phùng Hưng rộng và cao nhất ở trong vùng. Với hệ thống khung đỡ gồm 80 cột gỗ lim được đặt trên chân đá để chống ẩm thông qua tránh tiếp xúc giữa chân cột và mặt đất. Có một cửa sập thông với tầng trên để khi lụt lội xảy ra người ta có thể chuyển hàng hóa lên tầng trên.

Khu vực nhà cổ Phùng Hưng gần sông Hoài nên mỗi năm thường xảy ra lụt lội, có thời điểm lũ lịch sử nước lên tới 2,5m như vào năm 1964, trận lụt năm Thìn lớn nhất Việt Nam, nước dâng cao lên đến sàn gác gỗ. Gian giữa nhà cổ có thờ những vị thần biển phù hộ. Ngày xưa người ta thường dùng tàu để vận chuyển hàng buôn đi các nơi và thông thương với nước ngoài. Trước mỗi lần đi biển người ta tụ họp lại làm lễ cúng thần. Thuyền trưởng thả bảy con súc sắc trong tô để thử vận may cho đoàn. Họ được thả ba lần, nếu có một lần họ được bốn mặt đỏ trở lên có nghĩa là may mắn thì họ sẽ ra khơi còn không họ nhất định hoãn chuyến đi lại.



Nhà cổ Phùng Hưng

* * *

Ngoài ra ở Hội An, trong các ngõ xóm và trên phố chính Nguyễn Thái Học, Trần Phú... còn có khá nhiều ngôi nhà rất đẹp, ẩn chứa nhiều bằng chứng lịch sử liên quan đến sự mua bán phần thịnh của Hoa thương trong quá khứ và sự thiên di về phía Nam của người Minh Hương trong các thế kỷ trước. Trong số đó nhiều gia đình còn lưu lại gia phả là những triều thần nhà Minh, di cư sang sinh sống tại Hội An trong thời điểm công cuộc phản Thanh phục Minh thất bại. Vì vậy, tại phố Nguyễn Thái Học, du khách có thể tìm được nhiều căn nhà và các vật dụng do người Minh Hương mang từ Trung Quốc sang. Đặc biệt trong số này có nhà Diệp Đồng Nguyên, hiện do ông Thái Tế Sùng quản lý, tọa lạc tại 80 đường Nguyễn Thái Học. Ngôi nhà được xây dựng cách đây trên trăm năm, do một thương gia bang Gia Ứng làm chủ. Ông Sùng là chắt ngoại của chủ nhà này. Nhưng điều sẽ gây ngạc nhiên lớn cho du khách, chính là bộ sưu tập cổ vật rất phong phú của chủ nhà. Hàng nghìn báu vật gồm sứ Việt Nam, Trung Hoa sản xuất vào thế kỷ XIV-XV; nhiều hiện vật như triện, gương soi mặt bằng đồng của hoàng cung Chămpa; y phục, sắc phong triều Nguyễn... được thống kê và bảo quản rất

tốt. Theo Ủy ban nhân dân Thành phố Hội An thì dự kiến đây sẽ là bảo tàng tư nhân đầu tiên của Hội An.

Bộ sưu tập cổ vật của gia tộc Diệp Đồng Xuân - Hội An

Giới sưu tập và chơi đồ cổ trong, ngoài nước không mấy ai không biết về sự đồ sộ của bộ sưu tập cổ vật thuộc quyền sở hữu của gia tộc Diệp Đồng Xuân tại Hội An, hiện do ông Diệp Gia Tùng (chắt ngoại ông Diệp Đồng Xuân) trực tiếp quản lý. Theo sự kiểm đếm sơ bộ thì bộ sưu tập có hơn một ngàn hiện vật, chủ yếu thuộc chất liệu gốm sứ của nhiều nước trên thế giới. Nhiều nhất và chiếm giá trị lớn trong số này hầu hết là gốm sứ Trung Quốc sản xuất vào các đời Minh, Thanh và có cả một ít đời Đường. Bên cạnh đó, độc đáo còn có những hiện vật gốm có niên đại trước công nguyên thuộc văn hoá Sa Huỳnh và bộ sưu tập các loại gương đồng, dấu đồng thuộc thời đại Chăm-pa hay bộ sưu tập tiền cổ, trong đó có một đồng tiền đời tiền Hán...

Ông Thái Tế Thông (chắt cả) cho biết, gia tộc Diệp Đồng Xuân, nguyên gốc thuộc bang Gia Ứng tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc đến lập nghiệp, mở hiệu chẩn bệnh, bốc thuốc tại Hội An - Việt Nam năm 1856. Cả hai ông Thông và Tùng đều thuộc thế hệ thứ 4 của gia tộc.

Theo ông Thông, toàn bộ số cổ vật hiện có do tất cả các thế hệ trong gia tộc dày công giữ gìn và vun đắp. Tuy vậy có thể nói rằng bộ sưu tập cổ vật kỳ vĩ này còn tồn tại cho đến nay phải kể đến công ông Diệp Gia Tùng, người trực tiếp quản lý. Ông Tùng cho hay nhiều món cổ vật thuộc bộ sưu tập gia tộc hiện lưu giữ đã được giới thiệu đầy đủ, chi tiết trên các catalogue của nhiều nước hoặc có món hầu như chỉ còn độc nhất trong giới sưu tầm cổ vật trên thế giới. Ví dụ một chiếc đĩa cổ gia bảo thuộc đời Minh vẽ phong cảnh có đường kính khoảng 40 cm theo một catalogue nước ngoài thì trên thế giới chỉ còn hai chiếc, một đang ở Hồng Kông và một hiện do ông đang lưu giữ. Ông Tùng tâm sự, có được một bộ sưu tập đồ sộ như vậy, ngoài ý thức bảo tồn di sản của cha ông để lại, còn phải có “cái tình, cái duyên” với chúng. Ông kể hàng chục sự tích của mỗi món cổ vật. Từ lai lịch truân chuyên của những tấm sắc phong nhiều đời vua Nguyễn đến chuyện chiếc

niêu đất thời Văn hoá Sa Huỳnh phát hiện trong một lần đào giếng... mỗi cổ vật với ông đều có một lịch sử và ghi đậm dấu ấn kỉ niệm trong từng quãng đời của người sưu tập cổ vật.

Có những chuyện nghe như huyền thoại. Chẳng hạn câu chuyện về đôi cóc mộ táng Chămpa. Ông kể cách đây hơn 10 năm, một người quen biết ông có cái thú cổ ngoạn đã mang đến tặng ông một con cóc gốm do tình cờ đào được trong lần bốc một ngôi mộ cổ. Cầm con cóc ông nghĩ bụng đã là tự nhiên thì phải có đực có cái, có âm, có dương, biết đâu có ngày con cái (hay con đực) sẽ tìm về để tụ đôi (?). Như một sự tất nhiên, một cách tình cờ, một ngày có chú bé đã mang đến bán cho ông một con cóc khác tìm được trong phố cổ.

Như vậy, sau bao nhiêu năm chờ đợi, đôi cóc đã đủ cặp. Huyền thoại về đôi cóc có thể có, mà cũng có thể không, nhưng chính nhờ những yếu tố tâm linh đó mà không ít món cổ vật của gia tộc còn ở lại cho đến hôm nay, dù có những lời đề nghị từ nước ngoài mua lại với giá rất cao.

Nhưng để trở thành một bảo tàng, hiện gia tộc họ Diệp không phải không gặp những khó khăn lớn. Ông Thái Tế Thông cho biết, diện tích và cấu trúc ngôi nhà thờ có thời gian sử dụng hơn trăm năm, hiện nay không đủ khả năng trưng bày và tiếp đón khách tham quan thường xuyên hoặc số lượng lớn. Hơn nữa việc thống kê, hệ thống, diễn giải hiện vật đòi hỏi phải có sự giúp đỡ của những chuyên gia, chưa kể đến việc bảo vệ hiện vật sẽ rất khó khăn khi đưa ra trưng bày... Hàng loạt vấn đề đặt ra và khả năng sẽ khó lòng giải quyết được, nếu không có một sự hỗ trợ kỹ thuật nào đó về phía Nhà nước.



Nhà cổ họ Diệp

NHÀ THỜ TỘC

Theo kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính, Nhà thờ tộc là dạng kiến trúc phổ biến chỉ có một căn nhà chính có mặt bằng hình chữ nhật với ba hoặc năm gian. Nhà được tạo bởi bộ khung gỗ kết cấu theo lối nhà rường.

Niên đại xây dựng của loại hình di tích này ở Hội An phần lớn đều khởi dựng khoảng giữa thế kỷ XIX cho tới đầu thế kỷ XX. Thống kê hiện nay Hội An có 38 nhà thờ tộc có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc và đây cũng là nơi giữ gìn nền tảng giá trị đạo đức của người Hội An qua các sinh hoạt tộc họ thường xuyên được tổ chức. Trong số các nhà thờ tộc, một số nhà thờ mang tính chất điển hình như:

Nhà thờ tộc Nguyễn Tường

Ngôi nhà của những văn nhân Tự lực văn đoàn (8/2 đường Nguyễn Thị Minh Khai).

Nguyễn Tường vốn là một gia tộc lừng lẫy trong lịch sử khoa bảng, đồng thời góp phần khai phóng không nhỏ trong lịch sử văn học Việt Nam. Ngôi nhà thờ mang phong cách thuần Việt với toàn bộ kiến trúc gỗ trong nhà đều do bàn tay tài hoa của người thợ mộc Kim Bồng kiến tạo.

Nhà thờ tộc Nguyễn Tường, thờ gia tộc của nhóm Tự lực văn đoàn ở phố cổ Hội An (Quảng Nam), hiện lưu giữ các tác phẩm hiếm, quý của các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam và nhiều đồ cổ, sắc phong vua ban. Nhà thờ tọa lạc tại địa chỉ 8/2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, gần Chùa Cầu, với kiến trúc cổ kính, uy nghi được mở cửa đón khách tham quan vào tháng 7.2013. Tiên nhân khởi dựng ngôi nhà vào năm 1806 là cụ Nguyễn Tường Vân (1774 - 1822). Năm Minh Mạng thứ 1 (1820), cụ được thăng chức Binh Bộ Thượng Thư.

Bên trong của phủ thờ, toàn bộ công trình gồm 3 gian 2 chái. Ngoài thờ Binh Bộ Thượng Thư, phủ còn thờ người con thứ là ông Nguyễn Tường Phổ, đỗ tiến sĩ thời Thiệu Trị, hậu duệ của các cụ sau này có các nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn gồm: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long). Nhiều di vật có giá trị được trưng bày tại đây. Trong đó có hai bình hoa bằng gỗ được chạm nổi hình rồng có niên đại hơn 100 năm. Ngoài ra còn có bản sao bức tranh của nhà văn Nhất Linh (bản gốc do một phụ nữ người Pháp lưu giữ được đấu giá tại Hồng Kông, Trung Quốc) được trưng bày cùng nhiều vật dụng cổ của gia tộc.

Hệ thống cột kèo của phủ thờ có sự kết hợp khá hài hòa độc đáo của nhiều kiến trúc ở cả hai mái trước, sau. Giá đỡ mái vò cua được tạo dáng chạm thủng hình hoa cúc cách điệu mang ý nghĩa vĩnh cửu, trường thọ, bền bỉ kết nối với cây dừa theo đề tài Cát Tường... thể hiện ước vọng sự nối tiếp vô cùng, vô tận. Gian chính là bàn thờ Binh Bộ Thượng Thư Nguyễn Tường Vân.

Theo hậu duệ cụ Nguyễn Tường Vân, bức ảnh thờ của cụ được họa trong một lần cụ đi sứ bên Trung Quốc. Nhiều chiếu chỉ, sắc phong của cụ Nguyễn Tường Vân và người con trưởng Nguyễn Tường Vĩnh qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức vẫn được gia đình lưu giữ, cất cẩn thận trong tủ sau bàn thờ. Phủ thờ cũng đặt ba tủ sách của ba nhà văn Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo với các cuốn sách vào hàng “hiếm” như tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất Linh, phần bìa chưa được in chữ, hay cuốn Mười điều tâm niệm của nhà văn Hoàng Đạo...

Hậu duệ phủ thờ cũng mong muốn nhận sách hiến tặng từ các độc giả xa gần yêu quý ba nhà văn này để làm phong phú thêm cho tủ sách và phục vụ đông đảo du khách.



Nhà thờ tộc Nguyễn Tường

Nhà thờ tộc Trần (21 đường Lê Lợi)

Họ Trần là một họ lớn, từ Trung Hoa di cư đến Hội An vào những năm 1700. Nhà thờ tộc Trần được xây dựng vào năm 1802 do một vị quan dưới triều Gia Long tên Trần Tử Nhạc xây dựng. Công trình kiến trúc này tọa lạc trên lô đất rộng khoảng 1.500 m² xanh tươi hoa lá.

Ngôi nhà chính dùng làm nơi thờ tự; nhà phụ phía nam là nơi ở. Phía sau ngôi từ đường có một mô đất cao, theo chủ nhà đây là nơi chôn nhau, cắt rốn của nhiều người trong họ tộc. Cũng như mọi ngôi nhà khác của Hội An, nhà thờ tộc Trần cũng xây dựng trên nguyên tắc phong thủy truyền thống. Tại đây mỗi năm vào tiết thanh minh, con cháu của họ đều tụ tập tổ chức lễ bái, tri ân tổ tiên và giải quyết các vấn đề trong tộc. Nhà thờ tộc Trần là công trình kiến trúc có giá trị mỹ thuật, nhiều hoành phi, câu đối cổ và chi tiết gỗ được chạm trổ công phu.



Nhà thờ tộc Trần

Nhà thờ tộc Trương (69/1 đường Phan Châu Trinh)

Được xây dựng khoảng giữa thế kỷ XIX. Xuất thân của tộc này ở bang Phúc Kiến - Trung Hoa. Đây là dòng họ lớn có nhiều đóng góp trong lịch sử, nên nhiều lần được Chúa Nguyễn ban khen các thành viên trong tộc. Hiện tại nhà thờ vẫn còn lưu giữ các sắc, bằng.

Tộc Trương hàng trăm năm qua nổi tiếng nhờ kinh doanh và khoa cử. Nhiều thế hệ gần đây có khuynh hướng sản sinh nhiều văn nhân, nhà nghiên cứu được nhiều người biết đến.

Trải qua hàng trăm năm mưa nắng, nhà thờ tộc Trương hư hại nhiều và giữa năm 2001, Chính phủ Nhật đã tài trợ trùng tu toàn bộ nhà thờ tộc này theo kiến trúc nguyên gốc.

Hội An có hai dòng tộc Trương và đều có quá trình hình thành lâu đời. Hai họ có nhiều đóng góp quan trọng trong lịch sử phát triển thương cảng Hội An là tộc Trương (Đôn Hậu đường) và tộc Trương (Đôn Mục đường). Nhà thờ hiện nay thuộc Đôn Mục Đường. Hơn 300 năm sinh sống ở Quảng Nam, đến nay tộc này đã trải qua 13 đời và con cháu sống ở nhiều nơi trong nước Việt Nam và cả nước ngoài.

Trương Hoằng Cơ (đời thứ 4) là một trong Tam gia của làng. Năm 1763, ông lúc đó là một nhân sĩ có vai trò lớn trong làng đã đứng ra quyên góp, trùng tu Chùa Cầu. Đặc biệt, một số người của tộc Trương đã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động hành chính và thương mại của chính quyền tiêu biểu là Trương Hoằng Cơ - Hương trưởng làng Minh Hương, Trương Hoằng Đạo là quan Cai phủ, tước Tử, một vị khác làm Tri huyện Đại An. Tộc Trương cũng có truyền thống về khoa bảng, nhiều người đã đỗ cử nhân, tú tài như Cử nhân Trương Tăng Diễn, Tú tài Trương Tăng Trị...

Di tích được xây dựng muộn nhất cách nay 176 năm và đã có ít nhất 3 lần tu bổ vào các năm 1912, 1957, 1990. Đợt trùng tu 1912 là đại trùng tu, kiểu dáng kiến trúc lúc bấy giờ được duy trì đến hiện nay.

Hằng năm, tại di tích diễn ra các lễ chính là: Tế xuân, ngày 15/2 âm lịch; tế thu, ngày 15/8 âm lịch; chạp mã tộc, ngày 24/11; tế ông Trương Hoằng Cơ, ngày 3/11. Các lễ tế hiện nay diễn ra theo trình tự cúng tế truyền thống của người Việt. Vật phẩm cúng tiêu biểu là heo quay. Theo một người cao tuổi trong tộc cho biết, cách đây 40 - 50 năm, vào dịp tế xuân, thu tại nhà thờ tộc, đại diện làng Minh Hương đến nhà thờ dự lễ và tiến cúng heo quay và nhiều vật phẩm khác.

Nhìn chung, Trương tộc là một trong những tộc họ người Hoa định cư vào buổi đầu hưng thịnh của thương cảng Hội An, được cộng đồng cư dân làng Minh Hương tôn vinh là một trong những tộc tiên hiền, đóng góp nhiều trong sự nghiệp xây dựng làng Minh Hương - Hội An. Con cháu tộc Trương trong các thế kỷ XVII-XIX đã tham gia vào công tác hành chính, hoạt động quản lý thương mại của cảng thị, tu bổ di tích qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển cảng thị Hội An nói riêng và vùng đất Hội An nói chung.



Nhà thờ tộc Trương

HỘI QUÁN

Độc đáo nhất trong văn hóa kiến trúc, tín ngưỡng của Hội An là hệ thống hội quán của cộng đồng người Hoa Minh Hương. Tương ứng với năm bộ phận dân cư người Hoa sinh sống, hiện Hội An có đủ các hội quán lớn của các bang Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông và Hải Nam. Riêng bang Gia Ứng sinh hoạt tại Hội quán chung của năm bang (Hội quán Ngũ bang)...

Hội quán ngoài làm nơi sinh hoạt của những người đồng hương, còn có chức năng quan trọng là phục vụ tín ngưỡng. Tùy theo tập quán thờ thần của từng cộng đồng mà hội quán lấy đó làm cơ sở để thờ phụng. Vì vậy, có thể nói rằng ngoài hệ thống cơ sở tôn giáo, đình làng... kết hợp với tín ngưỡng tại các hội quán, Hội An đáp ứng gần như triệt để nhu cầu tâm linh của người dân tứ xứ.

Hiện nay, tuy đã qua nhiều lần trùng tu nhưng về cơ bản bộ khung gỗ chính của các hội quán vẫn giữ nguyên gốc. Phần nhiều trong đó đều được tháo dỡ từ quê gốc, đưa lên tàu vận chuyển đến Hội An và ráp lại nguyên bản. Có một sự tương đồng đó là tất cả các hội quán ở Hội An đều phân bố trên dãy số chẵn của đường Trần Phú, riêng Hội quán Triều Châu nằm trên đường Nguyễn Duy Hiệu, nhưng vẫn tuân thủ theo nguyên tắc mặt quay ra sông Thu Bồn.

Hội quán Quảng Triệu (Hội quán Quảng Đông -176 đường Trần Phú)

Người Hội An thường không phân biệt đình, miếu và chùa. Cứ thấy ngôi miếu nào “hoành tráng” thì gọi là chùa. Ví dụ như trường hợp Hội quán Quảng Triệu còn gọi là chùa (miếu) Quảng Triệu, cách Chùa Cầu khoảng 50 mét về hướng đông, nhìn ra sông Thu Bồn và làng An Hội.

Quảng Triệu là tên ghép của Quảng Châu và Triệu Khánh, hai phủ của tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa. Người của hai phủ này lưu lại Hội An sau người Phúc Kiến và Hải Nam, dẫu rằng Hải Nam thời đó cũng là một phủ thuộc tỉnh Quảng Đông và người Hải Nam ban sơ không tính chuyện lưu lại nơi xứ người như một câu liễn nơi tam quan Quỳnh Phủ Hội Quán trước khi đập phá để trùng tu lại như bây giờ.

Chùa Quảng Triệu hiện nay thờ:

- Quan Thánh đế quân, vía ngày 13 tháng giêng âm lịch
- Thiên hậu thánh mẫu, vía ngày 23 tháng 3 âm lịch
- Thần tài

Hội quán Quảng Triệu khởi thủy thờ Đức Khổng phu tử nhưng chủ yếu làm hội quán là chính. Hội quán này là nơi mở trường dạy tiếng Hoa đầu tiên tại Hội An. Trường lấy tên là Hưng Hoa, dạy tiếng Hương âm tức tiếng Quảng Đông (có mời thầy từ bên Tàu qua dạy).

Theo lời một người trong bang kể: Từ khi ông Năm Đệ tức Phan Quang Đệ thôi không giữ từ nữa vì già yếu, tôi kể tục lo quét dọn hội quán, lúc đó trong chùa chỉ treo duy nhất tấm ảnh ông Tôn Dật Tiên, thời gian sau xin thỉnh tượng đức Quan Thánh thờ ở chùa Long Tuyền về phụng cúng. Ổn định đâu đó bang mới cử người về Trung Quốc thỉnh tất cả các tượng mà hiện nay đang tồn tại trong chùa.

Hội quán Quảng Triệu xây dựng năm 1884. Kiến trúc đường bệ, được kết hợp hài hòa giữa chất liệu gỗ và đá. Vì có thờ Khổng tử nên dân gian và du khách đến đây để cầu xin cho sự học hành đỗ đạt...



Hội quán Quảng Triệu

Hội quán Dương Thương (Hội quán Ngũ bang, Trung Hoa Hội quán - 64 đường Trần Phú)

Do các thương khách viễn dương gốc Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam, Gia Ứng góp tiền xây dựng từ năm 1741 để làm nơi thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, sinh hoạt đồng hương giúp nhau làm ăn buôn bán. Vì của chung năm bang nên về sau thường được gọi là (chùa) Ngũ bang. Tại đây còn tấm bia “Dương Thương Công nghị Điều lệ” dựng năm 1741 quy định 10 điều Hoa kiều phải theo, để gắn bó và giúp nhau trong kinh doanh.

Hội quán Phước Kiến (chùa Kim Sơn - 46 đường Trần Phú)

Trong thực tế, Hội quán Phước Kiến trùm lên vị trí của chùa Kim Sơn trước đây, vì vậy có tên Kim Sơn Tự. Đây là hội quán bề thế nhất Hội An, do Hoa kiều bang Phước Kiến xây dựng vào thế kỷ XVIII (1792). Chính điện thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, bà Chúa phù hộ cho thương nhân vượt sóng gió đại dương an toàn, sau này hội quán còn thờ thêm Quan Thế Âm Bồ Tát và các vị tiền hiền của bang. Phía sau hậu cung, nơi chính giữa thờ 6 vị tiền hiền (Lục tánh), bên trái thờ 12 Bà Mụ, bên phải thờ thần Tài. Cách bài trí

thờ cúng này thể hiện triết lý Á Đông rất sâu sắc, đó chính là việc truyền dạy cho mọi người một định nghĩa về hạnh phúc con người: hạnh phúc là có tổ tiên (thờ 6 vị lục tánh), có con cái kế nghiệp (thờ 12 Bà Mụ) và có tiền tài (thần Tài). Vì vậy, Hội quán Phước Kiến thu hút được rất nhiều khách thập phương. Rất nhiều du khách trong và ngoài nước tìm đến đây để cầu tài, cầu lộc và cầu tự. Hàng năm vào ngày Nguyên tiêu, vía Quan Công, vía Thiên Hậu, vía Lục tánh Vương Gia... tại đây diễn ra lễ hội rất linh đình thu hút đông đảo người về từ thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... tham gia.



Hội quán Phước Kiến

Quỳnh Phủ Hội quán - Chùa Giải Oan và câu chuyện vụ án tàu Bằng Đoàn.

Đây là một Hội quán khá đặc biệt, do Hoa kiều bang Hải Nam (Quỳnh Phủ) ở Hội An xây dựng vào năm 1875. Người Hội An còn gọi là Chùa Giải Oan, vì nơi đây thờ 108 oan hồn của Hoa thương bị quan quân Việt thời Tự Đức giết, cướp hàng hóa. Câu chuyện như sau:

Mùa hạ, năm Tự Đức thứ 4, ngày 16.7.1851 (18.6 năm Tân Hợi) chiếc tàu Bằng Đoàn (tàu tuần) của kinh phái đang đậu ở bến Thị Nại do Lang trung Tôn Thất Thiệu và Chương vệ Phạm Xích chỉ huy, đi tuần tra từ Thừa Thiên

vào Bình Định, được tin báo có ba chiếc tàu khả nghi đang neo tại đảo Chiêm Dư (Thu Xà - Quảng Ngãi). Tàu Bểng Đuàn ra đến nơi quả thấy có ba chiếc tàu, chưa biết thực hư liền xả đại bác bắn ngay. Cả ba chiếc hoảng sợ căng buồm chạy hết sức về hướng đông.

Hai hôm sau, tàu Bểng Đuàn phát hiện một chiếc tàu trúng đạn hư hỏng nặng không còn chạy được. Đó là tàu Mãnh Đầu. Quan quân ra lệnh cho số người trên tàu kia lên tàu quan để khám xét. Số người Hoa kiều kéo sang xuất trình thuyền bài và cho biết họ là các nhà buôn ở Thừa Thiên và Quảng Ngãi... nay trên đường về xứ đảo Hải Nam, chứ không phải giặc biển.

Qua khám xét, thấy chiếc tàu kia quả chỉ có hàng hóa quý giá và không có khí giới. Biết họ là người lương thiện buôn bán, nhưng vì lòng tham, Tôn Thất Thiệu ra lệnh cho Hiệp quản Lương Cù trói tất cả số người trên tàu kia kể cả số người đã bước qua tàu Bểng Đuàn và giết hết cả, tổng cộng 108 người. Bao nhiêu của cải trên tàu Mãnh Đầu đều bị chiếm đoạt, chia nhau. Tàu của nạn nhân được quan quân sơn đen thành tàu giặc biển và được kéo về kinh để nêu thành tích.

Ngày 27.6 năm ấy, các gian quan của tàu Bểng Đuàn dâng sớ lên vua miêu tả chiến công oanh liệt của mình để lãnh thưởng. Nhưng chuyện kể, trong đêm đó các oan hồn linh hiển về, báo mộng cho nhà vua biết là 108 huynh đệ trên tàu Mãnh Đuàn đã bị giết oan. Ứng mộng cho vua nhiều lần như vậy. Vua Tự Đức hoài nghi, Ngài bẻng truyền lệnh cho mở cuộc điều tra.

Chuyện còn kể thêm, trong thời gian này có một thiếu phụ ở Hội An chờ chồng về cố quận, trên đường trở lại phố Hội. Chờ mãi, chờ mãi... chẳng thấy, bà lo lắng thăm hỏi tung tích chồng khắp nơi. Một ngày bà ra chợ và phát hiện một người lính rao bán bộ quần áo, vốn chồng thường mặc thuở sinh thời. Sinh nghi chồng mình là một trong những nạn nhân bị quan quân tàu Bểng Đuàn giết chết trên chiếc tàu “giặc cướp” ở vùng biển đảo Chiêm Dư. Bà mang báo quan và bộ quần áo cũ trở thành một chứng cứ quan trọng để buộc tội.

Trở lại lệnh Vua Tự Đức, quan thượng thư bộ binh chất vấn quân lính tàu Bằng Đoàn, mọi gian dối dần dần được sáng tỏ, cùng lúc viên đội trưởng Trần Văn Hựu cũng hối hận thảm cảnh xảy ra nên tự cung khai hết sự thật. Vụ án được trình lên, vua vô cùng phần nộ phê giao Tam Pháp Ty xét xử.

Tôn Thất Thiệu chủ mưu, vốn người trong Hoàng tộc bị đổi theo họ mẹ (Đặng), cùng Phạm Xích bị xử lăng trì, vợ con phải phát phối. Dương Cù đồng lõa, xử tội trăm quyết. Trần Hựu biết thú nhận khi chưa tra khảo nên được tha. Số còn lại phạt đánh trượng và đày đi xa. Một số quan bị giáng chức. Tài sản của các thủ phạm đều bị tịch biên, hàng hóa bị chiếm đoạt cũng được đền hoàn cho quyến thuộc của người bị hại. Việc xử tội được một số Hoa kiều chứng kiến.

Sau đó vua Tự Đức đã cho đăng đàn tế lễ ban chiếu sắc phong 108 anh linh là:

- Sắc phong Chiêu ứng anh liệt
- Tấn phong Dực bảo trung hưng

Sau này tương truyền anh linh của 108 vị đã cứu vớt vô số tàu thuyền đi biển ngộ nạn. Từ đó Hoa kiều Hải Nam trên mọi miền đất nước lập đền, miếu tôn kính lấy danh hiệu Hải Nam Hội Quán Chiêu Ứng Từ và chọn ngày rằm tháng sáu hàng năm để tế giỗ.

Ngoài ra vua Tự Đức còn cấp tiền cho bang Hải Nam mở mang hội quán để đời đời cúng tế. Vì vậy người dân Hội An còn gọi đây là Chùa Giải Oan.

Thái độ Tự Đức lúc này cho thấy, để giữ yên lòng dân, ổn định thương mại trên vùng đất mở, luật lệ phải được duy trì nghiêm minh; bậc Tôn Thất phạm tội cũng không được dung thứ, bao che mà xử như hàng thứ dân.



Hội quán Hải Nam

Hội quán Triều Châu (Chùa Âm Bổn - 92 đường Nguyễn Duy Hiệu)

Hội quán khá đặc biệt vì thờ Phục Ba tướng quân Mã Viện - người trong lịch sử Việt Nam đã từng mang quân đánh dẹp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Người dân Hội An gọi tên là chùa Âm Bổn (hay Ông Bổn) nằm cuối dãy phố chính (thượng Chùa Cầu, hạ Âm Bổn). Hội quán do Hoa kiều bang Triều Châu xây dựng từ 1845 để làm nơi hội họp đồng hương, giúp nhau buôn bán và thờ vị thần độ trì cho cư dân. Người dân bang Triều Châu vốn nghề đi biển, nên thờ Mã Viện vì sinh thời ông được nhà vua sắc phong Phục Ba tướng quân. Họ nhờ uy thế của ông để chế ngự phong ba bão táp trên biển, giúp cho việc đi lại buôn bán trên biển được thuận buồm, xuôi gió đắc lợi.

Kiến trúc Hội quán Triều Châu có thể nói là một kiệt tác về nghệ thuật điêu khắc gỗ. Đặc biệt, bộ mái nhà là nơi hội tụ tài năng trong kết cấu chịu lực, kết hợp nghệ thuật chạm trổ, thể hiện những họa tiết, hương án trang trí bằng gỗ được trình bày theo các cốt tích cổ và những tác phẩm đắp nổi khảm sành sứ lóng lánh dưới ánh nắng mặt trời.



Hội quán Triệu Châu

ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM

Chức năng các đình làng Việt Nam ngày xưa vừa là trung tâm tín ngưỡng, trung tâm hành chính, quản lý toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của làng, đồng thời là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả cộng đồng. Nơi đây thường diễn ra các lễ hội do chính dân làng tổ chức, thu hút cả làng lân cận nên còn là nơi giao lưu văn hóa khu vực. Hội An hiện còn 23 ngôi đình. Những di tích này không những có ý nghĩa đối với lịch sử hình thành làng xã mà còn là tấm gương phản chiếu lịch sử kiến trúc của Phố cổ Hội An.

Đình Xuân Mỹ (Khối 4 Thanh Hà)

Đình có niên đại xây dựng vào cuối thế kỷ XVII và tôn tạo vào năm 1903. Đình do dân phường Xuân Mỹ đóng góp lập nên. Trải qua rất nhiều diễn biến lịch sử, đình lưu giữ nhiều thông tin quý về các phường thợ thủ công trong khu vực. Những di vật trong và ngoài đình như các bia đá, tượng voi, miếu Lục Vị... cùng những câu chuyện kể, truyền thuyết trong làng đã giúp cho du khách hiểu thêm những chi tiết lịch sử đời sống người Việt trong những thế kỷ trước.

Đình Cẩm Phô (52 đường Nguyễn Thị Minh Khai)

Cẩm Phô là một trong những làng đầu tiên ở Hội An và cũng là một làng khởi đầu cho xu hướng mới: hoạt động thương nghiệp kết hợp hoạt động nông nghiệp. Làng là nơi cung cấp nhiều thương nhân nhất, có hoạt động gần như bao trùm thương cảng Hội An. Đình Cẩm Phô có từ rất sớm. Đây là nơi điều hành hoạt động cho cả làng và cũng là nơi tổ chức các hoạt động lễ hội văn hóa sôi động thu hút thương nhân của cả đô thị thương cảng. Diễn tiến kiến trúc của đình cùng các dấu vết còn lại là tấm gương phản ánh lịch sử khởi phát của một vùng đất đô thị hóa trong vị thế giao lưu kinh tế văn hóa với thế giới bên ngoài. Năm 1996, một nhóm khảo cổ Nhật đã phát hiện

dưới sân đình có một mương nước cổ chảy ngang và trong đó chứa đầy các mảnh gốm sứ, trong đó có nhiều mảnh gốm sứ sản xuất tại vùng Hyzen (Nhật Bản), góp phần giúp các nhà khảo cổ xác định vị trí của phố Nhật trong quá khứ tại Hội An.

Đình Hội An (Đình Ông Voi - 3 đường Lê Lợi)

Đình Hội An ngoài đình thờ Tiên hiền còn có đình làng thờ Thành hoàng. Vì trước sân có đắp 2 con voi bằng xi măng nên nhiều người gọi là đình Ông Voi.

Thật ra căn cứ bài vị thì đình này thờ các vị thần thuộc về sông nước, đó là Đại Càn Quốc gia Nam Hải, thần Thu Bồn, thần Bạch Thổ Kim Tinh, bà Bô Bô, bà Phường Chèo đặc biệt là thần Ông Cá Voi (Cự tộc Ngọc Lân tôn thần). Tương truyền rằng có một lần Quan Âm Bồ Tát đi thị sát vùng biển, thấy có quá nhiều tàu bè gặp nạn và người chết trên biển vì sóng to gió lớn, động lòng bà xé vạt áo của mình ném xuống biển, tấm vạt áo trở thành những cá ông voi, giúp nâng đỡ tàu thuyền qua cơn sóng gió. Người ta kể rằng ở Hội An có rất nhiều trường hợp tàu thuyền được cá Ông cứu.

Có một ghe bầu đi buôn gặp bão, thuyền sắp sửa chìm, những người trên ghe đồng loạt dùng dây cột chân vào nhau để khi chết xác họ không bị lưu lạc. Con thuyền đang từ từ chìm xuống bỗng nhiên lại được cá Ông nâng lên và diu đi. Suốt 3 ngày đêm ròng rã con thuyền đã cập bến Hội An an toàn nhưng về đến nơi thì cá Ông chết. Từ đó người Hội An lập ngôi đình thờ cá Ông. Về sau có một người đàn bà tên Lương Nhũ Nương có 2 người con trai độc nhất đi biển gặp nạn chết và được cá Ông đưa xác về tận cửa sông. Biết ơn, bà đã cúng tiền để xây rộng ngôi đình. Hiện nay đình Ông Voi nằm khuất sau một trường mẫu giáo nên ít có du khách đến viếng, tuy nhiên người dân trong vùng vẫn coi đó là một nơi thờ cúng rất linh thiêng.

Đình Sơn Phong (78 đường Nguyễn Duy Hiệu)

Lịch sử của ngôi đình này thể hiện sự sáp nhập của các làng lại với nhau. Trước đây các làng Đại An, Mậu Tài, Phòng Niên ghép lại với nhau thành làng Phong Niên nên đình có tên là Phong Niên. Từ sau năm Thành Thái thứ 7, lại sáp, nhập thêm một phần đất Sơn Phô nên mang tên làng Sơn Phong

và đình lại có tên Sơn Phong. Tương truyền ngày xưa đây là vùng đất ven thành phố, ngập lụt thường xuyên, nhưng người dân sống rất hồn hậu hào hiệp và là lực lượng chủ chốt không những trong việc bảo vệ làng xóm mà còn xung lính, giữ an ninh của Hội An thời bấy giờ.

Làng Phong Niên có một cô gái được làm phi của Chúa Nguyễn Phúc Chu. Như để biết ơn nơi sinh thành, Bà đã kể cho Chúa Nguyễn Phúc Chu nghe về những công lao của ngôi làng mình. Cảm động, năm 1715 Chúa đã tặng cho làng một tấm biển đề 4 chữ “Cứu nhân, độ thế”, xung quanh có 10 con phượng bay lượn để ghi nhớ công ơn của dân làng đã xả thân vì dân, vì nước. Đây cũng còn là một minh chứng về sự quan trọng của Hội An đối với các chúa Nguyễn thời bấy giờ. Và tấm biển hiện vẫn còn được lưu giữ ở đình Sơn Phong.



Đình Sơn Phong

CHÙA

Theo quan niệm chung thường nơi nào thờ Phật thì nơi đó mới được gọi là chùa. Nhưng ở Hội An, nơi nào linh thiêng gần gũi với đời sống tâm linh của con người thì nơi đó được gọi là chùa (chẳng hạn như trường hợp của các Hội quán). Vì vậy nhiều người tưởng lầm Hội An có rất nhiều chùa, nhưng thực ra ở Hội An chỉ có 19 chùa thờ Phật. So với mật độ dân cư thì đó là con số không ít. Và đó chính là nền tảng của hệ thống đạo đức chi phối hoạt động con người Hội An góp phần làm cho người dân ở đây sống rất thuần hậu, hướng thiện. Đó cũng là một nét độc đáo trong văn hóa ứng xử của người Hội An mà để lại ấn tượng đậm nét trong lòng du khách.

Quan Âm Phật tự Minh Hương (07 đường Nguyễn Huệ)

Được xây dựng năm 1628, Chùa thờ Quan Thế Âm Bồ Tát và một số chư vị Phật, Bồ Tát khác. Đây là ngôi chùa thờ Phật duy nhất còn lại giữa lòng khu Phố cổ. Chùa có kiến trúc và cảnh quan đẹp. Tại đây hiện còn lưu giữ gần như nguyên vẹn một số tác phẩm điêu khắc gỗ rất đặc sắc và tiêu biểu cho nghệ thuật chạm khắc gỗ Kim Bồng, Hội An, tương truyền do các thương nhân Nhật - Hoa - Việt cúng dường.

Chùa Chúc Thánh (Tân Hòa, Tân An)

Chúc Thánh là ngôi chùa lâu đời nhất ở Hội An. Tương truyền có gốc gác từ năm 1454 do dân di cư từ phía Bắc xây dựng. Vị trụ trì đầu tiên là Thiền sư Minh Hải. Chùa là Tổ Đình của Thiền sư Lâm Tế - Chúc Thánh ở Đàng Trong Việt Nam. Một số dụng cụ hành lễ cổ còn được sử dụng cho đến bây giờ như là chuông đồng, khánh đá, mõ cá gỗ... có từ hơn 2 thế kỷ trước. Hàng năm vào ngày 6-7 tháng 11 âm lịch là ngày giỗ tổ Minh Hải và cũng là dịp tập trung hàng vạn các Phật tử, tăng ni trong vùng và phía Nam về dự.

Để đến được chùa Chúc Thánh, bạn phải đến khu tượng đài Nguyễn Duy Hiệu rồi rẽ phải theo con đường đất cát khoảng 200 mét nữa.

Chùa Phước Lâm (Thôn 2A, Cẩm Hà)

Chùa được Hòa thượng Minh Giác xây dựng vào giữa thế kỷ 18. Có câu chuyện kể về một vị sư trụ trì ngôi chùa. An Thiêm vào chốn Phật môn từ năm lên 8 tuổi. Đến năm ông 18 tuổi, nhà vua đôn lính, ông tình nguyện đi lính thay anh và trong quân ngũ ông đã thành viên tướng giỏi. Sau chiến tranh, trở lại đời sống của một tu sĩ nhưng ông vẫn bị ám ảnh tội lỗi vì trong chiến tranh đã phạm sát sanh. An Thiêm tình nguyện làm người quét dọn chợ Hội An trong suốt 20 năm. Và sau đó ông được mời về chùa Phước Lâm làm nhà sư trụ trì.

Để đến chùa Phước Lâm có 2 con đường. Một đường qua khỏi chùa Chúc Thánh khoảng 350 mét là chùa Phước Lâm. Trên đường đi bạn sẽ thấy một Đài tưởng niệm được dựng bên ngôi mộ của 13 liệt sĩ người Hoa chống Nhật và bị xử trảm vì những hoạt động chống đối trong những năm 1940, trong số này có mộ của nhạc sĩ La Hối - tác giả bài hát nổi tiếng Xuân và tuổi trẻ. Một đường khác từ đường Thái Phiên rẽ theo đường ven mương thủy lợi khoảng 300 mét là tới.

Chùa Vạn Đức (Chùa Cây Cau - Làng Thụ Tụ, Cẩm Hà)

Được Thiền sư Minh Lượng xây dựng vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII chùa có kiến trúc phản ánh sự hưng vượng từng thời kỳ lịch sử của vùng đất. Vì nằm bên sông Cổ Cò - con sông nối Đà Nẵng với Hội An trong các thế kỷ trước, chùa là nơi gặp gỡ của các thương nhân qua lại ghé lên cầu cúng lễ bái. Nhờ đó chùa có nhiều tượng thờ, kinh sách, di vật... quý liên quan đến lịch sử Hội An và sự phát triển Phật giáo trong vùng. Hàng năm lễ giỗ tổ sư Minh Lượng được tổ chức vào ngày 28 tháng 10 âm lịch thu hút hàng vạn phật tử tham gia.

Chùa Viên Giác (Cẩm Lý Tụ - 34 đường Huỳnh Thúc Kháng)

Từ ngôi chùa hoang phế của Hoa kiều ở Tu Lễ - Cẩm Phô kết hợp với chùa Cẩm Lý ở Xuyên Trung - Cẩm Nam dời về, chùa được xây dựng lại vào năm 1841. Đây là ngôi chùa mang phong cách hòa nhập giữa 2 phong

cách thờ Phật giữa người Việt và người Hoa. Các di vật còn lại trong chùa đến nay là những thông tin quý phản ánh sự giao lưu tín ngưỡng, tiếp xúc văn hóa của dân cư trong khu vực.

Chùa Hải Tạng (bãi Làng, xã Tân Hiệp - Cù Lao Chàm)

Chùa Hải Tạng nằm ở chân núi phía tây bãi Làng thuộc xóm Cấm, Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp). Văn bia cho biết chùa Hải Tạng được xây dựng năm 1758. Do bão tố làm đổ sập nên dời về vị trí hiện tại từ năm 1848. Trong chùa còn lưu giữ được một chuông đồng lớn đúc vào năm 1770. Tương truyền chùa là nơi các thương nhân qua lại trên biển khi ghé vào đây lấy nước ngọt đều đến lễ bái rất đông với mong muốn được phù hộ thuận buồm xuôi gió. Ngày nay, với nghệ thuật kiến trúc độc đáo lại ở một vị trí tuyệt đẹp nên chùa còn là điểm hẹn của khách tham quan du lịch khi đến Cù Lao Chàm.

Chùa Kim Bửu (Thôn 3, Cẩm Kim)

Chùa ở sát sông Thu Bồn. Nếu thuê ghe riêng chỉ cần bước lên bờ là tới. Nếu theo đường bến đò thì phải rẽ phải đi 1km. Đây là ngôi chùa làng, việc bố trí tượng thờ theo quan điểm tam giáo đồng nguyên phục vụ cho các tín đồ theo đạo Phật của làng mộc Kim Bồng, vì thế chùa còn là công trình kiến trúc của một làng nghề nổi tiếng. Toàn bộ công trình được kiến tạo theo hình chữ nhất gồm 3 gian 2 chái. Hai đầu hồi trước của 2 chái được xây tường ngang bằng với mái hiên tiền đình rồi nâng cao thành 2 gác chuông có trở 2 chữ Phúc 2 bên. Mái đội một đóa sen tỏa rộng tạo cảm giác thoáng đãng, bay bổng. Bên trong cửa là vì “thừa lưu” được cách điệu theo lối “hồi văn”. Vì kèo theo lối “cột trốn kẻ chuyền”. Những “rường” và “kẻ” đều uốn lượn tạo dáng thanh thoát nhẹ nhàng. Đây là chùa hoàn toàn dân dã vì không có các vị sư trụ trì. Làng cử ra người trông coi phục vụ lễ bái thường xuyên cho cả cộng đồng. Chùa là nơi đáp ứng được các nghiên cứu về việc lập làng nghề, tín ngưỡng Phật giáo dân gian.



Chùa Chúc Thánh



Chùa Phước Lâm



Chùa Vạn Đức



Chùa Viên Giác



Chùa Hải Tạng



Chùa Kim Bửu

MIẾU

Hội An còn 43 ngôi miếu được xây dựng để thờ thần, thánh, âm hồn liệt vi, những người có công với cộng đồng dân cư khi chết còn lại tiếng thơm, gương tốt để đời. Tùy điều kiện kinh tế và tiếng tăm của vị thần để có khả năng huy động kinh phí và quyết định quy mô kiến trúc. Đây là các công trình tín ngưỡng có giá trị nghệ thuật cao, chứa đựng nhiều thông tin quý về lịch sử văn hóa từng vùng đất.

Chùa Ông (Quan Công miếu - 24 đường Trần Phú)

Chùa Ông, còn được gọi là Quan Công miếu, tên chữ là Trường Hán Cung được người Minh Hương định cư tại Hội An và người Việt xây dựng năm 1653 để thờ Quan Công, vị thần biểu tượng cho Trung, Tín, Tiết, Nghĩa là những đức độ quý nhất của con người. Miếu đã qua trùng tu vào các năm 1753, 1783, 1827, 1864, 1904, 1906.

Chùa Ông ở ngay trước chợ Hội An, từng là trung tâm tín ngưỡng của người dân Hội An trong nhiều thế kỷ để cầu xin sự bình an. Ngoài ra nơi đây còn có chức năng như trọng tài kinh tế của thời thương cảng thịnh đạt. Các thương nhân chuyên hoạt động thương mại, giao dịch đưa nhau đến đây để cam kết trong việc buôn bán, vay mượn, nợ nần, làm ăn... (Thề trước thần linh, xin xăm, nhờ Ông chứng minh giám sát). Vì người xưa làm ăn vốn trọng chữ Tín, chữ Nghĩa nên rất tin dựa vào văn hóa tâm linh cầu an đoán định may rủi, tương lai vận hạn.

Toàn thể ngôi chùa gồm 4 tòa nhà, một tiền đình, 2 tả, hữu vu và một chính điện rộng. Bốn tòa cất xây theo kiểu chữ khẩu và kiến trúc, cấu trúc theo kiểu chông tránh, ngói lợp và nóc rất độc đáo, trang trí rồng, giao. Chính điện đặt pho tượng Quan Vân Trường tướng quân, mặc thanh bào thêu rồng nổi kim tuyến, nét mặt oai nghiêm tươi sáng, đôi mắt sắc nhìn về

phía trước như soi rọi thấu tâm can người đối diện. Chánh điện còn có 2 pho tượng Châu Thương, người nô tì dũng cảm, trung thành của Quan Công và tượng Quan Bình nghĩa tử; 2 con ngựa thờ cao bằng ngựa thật, bên tả là con ngựa trắng, bên hữu ngựa xích thố – con ngựa mà Vân Trường rất quý khi được Tào Tháo ban cho. Đứng trước những pho tượng này người buôn bán, giao dịch với nhau không thể nào dám dối trá; khách thường lăm không thể không ngợi khen bàn tay tinh xảo, tỉ mỉ của tiền nhân.

Hiện nay, trong miếu còn nhiều hoành phi, câu đối, sắc phong, bia đá và những hiện vật cổ của miếu. Đặc biệt Miếu Quan Công còn lưu lại bài thơ đề vịnh của Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm (thân phụ của Đại thi hào Nguyễn Du) xướng và 2 bài họa của Ưông Sĩ Cư, Nguyễn Lệnh Tân. Mấy bài này làm vào năm 1775, lúc Xuân Quận Công phụng chức tả tướng quân Bình Nam vào đóng quân ở Hội An. Đó là một di tích lịch sử lưu dấu vết xa xưa trong thời phân tranh Trịnh - Nguyễn còn lại ở xứ Đàng Trong từ thế kỷ XVIII còn đến ngày nay.

Quan Công Miếu đã được cấp bằng Di tích Lịch sử – Văn hóa quốc gia ngày 29 tháng 11 năm 1991.

Chùa Bà

Được xây dựng chậm nhất là 1653. Ban đầu thờ Quan thế Âm Bồ Tát về sau có thờ thêm một số vị Phật và Bồ Tát. Kiến trúc đẹp có dáng dấp chịu ảnh hưởng phần nào mỹ thuật Nhật. Chùa có hai lối vào: hoặc từ Chùa Ông đi thẳng ra sau, qua một sân nhỏ, hoặc theo cửa Tam Quan ở số 7 Nguyễn Huệ trên cửa để Minh Hương Phật tự.

Hiện nay, trong chùa có trưng bày văn hoá, lịch sử Hội An với nhiều tài liệu đủ loại hạng giá trị.

Miếu Văn Thánh (Khổng miếu - 20 đường Phan Châu Trinh)

Miếu Văn Thánh do làng Minh Hương xây dựng vào năm 1867 để thờ Khổng Tử, các vị hiền triết đạo Nho và những vị khoa cử của làng. Miếu được trùng tu lớn vào năm 1911. Tương truyền, miếu rất hiển linh đối với người trước khi lều chõng tới trường thi có đến cầu xin lễ bái để gặp may

lúc làm bài. Cũng có người nhờ việc thành tâm chăm lễ bái mà khi sinh con dù trai hay gái đều thông minh sáng láng học hành đỗ đạt trưởng thành.

Do biến thiên lịch sử, Văn Thánh bị tàn phá, và sau đó được trùng tu lớn, đẹp hơn như hiện nay.

Lăng Ông Cấm Nam

Qua cầu Cấm Nam đi khoảng 1km là đến. Đây là cụm di tích kiến trúc tín ngưỡng của phố vịnh chài Vạn Xuân và dân cư xứ Hà Trung, có 5 kiến trúc cạnh nhau gồm lăng Ông - thờ cá voi; miếu Thổ thần - thờ vị thần cai quản đất đai nơi cư trú; miếu Ngũ hành - thờ các vị thần liên quan đến sự tạo thành, chuyển hóa vạn vật; miếu Âm linh - thờ vong hồn uông tử, chiến sĩ trận vong; miếu các vịnh ghe bầu - thờ bà Đại Càn, vị thần quản lãnh Thủy cung.

Căn cứ văn bia thì cụm di tích được xây dựng rải rác vào thế kỷ XVIII, nhưng vì gần sông bị lở nên dời về đây khoảng hơn trăm năm. Đây là cụm di tích có đủ tín ngưỡng của một cộng đồng cư dân làng xã, chức năng cầu xin được bình an, no đủ, gặp may mắn khi hành nghề sông nước. Hàng năm các lễ hội ở đây được tổ chức vào các dịp 10 tháng 2 và 15 tháng 7 âm lịch rất linh đình và sôi động nhiều ngày với các sinh hoạt hát bộ, hát hò khoan, chơi bài chòi, hát múa bả trạo...

Miếu Âm Hồn (76/9A đường Trần Phú)

Vì Hội An ở hạ lưu sông Thu Bồn, nơi gặp gỡ các nguồn nước Vu Gia, Chiên Đàn, Thu Bồn nên vào mùa lụt thường có nhiều xác chết trôi từ thượng nguồn đổ về. Người sống ven sông vớt lên chôn cất. Ngoài ra, Hội An cũng là nơi gánh chịu hậu quả chiến tranh, binh lính các bên chết nhiều nên dân gian lập ngôi miếu âm hồn để thờ phụng các oan hồn uông tử.

Nam Diêu Tổ Miếu (Khối 7, Thanh Hà)

Đây là cụm miếu thờ nhiều thần linh khác nhau nhưng quan trọng nhất là thờ ông tổ nghề gốm, ngói. Hàng năm vào dịp đầu xuân, trước khi vào vụ dân làng tổ chức cúng tế linh đình mong tổ nghề và các vị thần linh giúp đỡ để gặp nhiều may mắn trong năm.



Văn Miếu thờ Khổng Tử



Chùa Ông thờ Quan Công

GIẾNG

Gồm khoảng 20 cái nằm bên trong các ngôi nhà cổ và các kiến trúc, nhưng có giá trị lịch sử lâu đời. Nhiều nhà khoa học đã xác nhận trong số đó có 11 giếng cổ do người Chăm xây dựng để sử dụng và bán nước cho thuyền buôn. Phần lớn giếng được xây bằng gạch có độ sâu trung bình từ 6m đến 8m, lòng giếng hình tròn hoặc vuông. Hiện nay các giếng này là nơi cung cấp nước dùng hàng ngày cho các gia đình trong khu phố. Điều lạ lùng nhất là dù vị trí đặt giếng có nằm trong vùng đồng chua, nước mặn, nhưng bao giờ nước trong giếng cũng đều trong, ngọt mát. Trong số này có ba giếng liên quan và ảnh hưởng lớn đến đời sống cư dân Hội An, đó là:

Giếng mái (trước chợ Hội An)

Mang tên như vậy bởi vì giếng duy nhất được lợp mái ngói vẩy cá. Theo truyền thuyết thì giếng đã được người Chăm lợp mái từ rất lâu. Sau bị hư hỏng nên làng Minh Hương tôn tạo lại. Trong chiến tranh bị phá hủy. Mái giếng cũng mới được trùng tu vào đầu những năm 1990. Giếng có mạch nước ngầm dồi dào. Trước đây đã từng là nơi cung cấp nước sinh hoạt cho cả phố, đặc biệt cung cấp nước cho các thuyền buôn đến đậu ở khu vực chợ Hội An.

Giếng Bá Lễ (45/17 đường Phan Châu Trinh)

Giếng có hình vuông, độ sâu khoảng 8m, tồn tại qua nhiều thế kỷ từ thời vương quốc Chăm-pa. Người ta nói giếng này đặc biệt dùng để làm cao lầu rất ngon. Nhiều nhà giàu thường thuê người gánh nước từ giếng này về dùng, nhất quyết không dùng loại nước khác vì cho rằng nước giếng này nấu cơm thơm ngon hơn. Đến nay giếng Bá Lễ vẫn giữ một vị trí quan trọng trong tâm thức người dân phố cổ Hội An.

Giếng đá Trà Quế (Trà Quế, Cẩm Hà)

Giếng do người Chăm xây dựng, tọa lạc ở gần ngôi miếu thờ thần (Bà Yàng) người Chăm. Nước giếng nổi tiếng ngọt ngon, từng làm nơi cung cấp nước cho các thuyền buôn qua lại nơi đây. Phần chính của giếng được xếp bằng đá, dưới đáy lên trên hình tròn, bọc quanh giếng là tường vuông nối với nhau. Bốn góc tường có bốn cây trụ đá vuông. Có khả năng từng là cột mái giếng. Giếng hiện vẫn được sử dụng và có tiếng linh thiêng, ngày rằm, mồng một dân quanh vùng đều đến thắp hương cầu xin bình an, làm ăn phát đạt.



Giếng Bà Lễ



Giếng Bá Lễ

MỘ CỔ

Hiện nay trên đất Hội An còn rất nhiều ngôi mộ có giá trị nghệ thuật cao. Mỗi lớp cư dân các dân tộc đều có loại mộ tiêu biểu của riêng mình. Vì thế mộ còn là nơi nghiên cứu dân tộc học, sử học, mỹ học... rất lý thú. Ở Hội An có hàng ngàn ngôi mộ nhưng có giá trị mỹ thuật đáng kể hiện nay mới chỉ được nghiên cứu, thống kê là 44 ngôi. Sau đây là những ngôi mộ có ý nghĩa gắn liền với một giai đoạn lịch sử của Đô thị cổ Hội An.

Mộ ông Gu Sokukun (An Hòa - Tân An)

Bia mộ có niên đại 1629. Đây là thời kỳ thịnh đạt trong việc buôn bán của các thương gia Nhật tại Hội An. Ông Gu Sokukun là một thương nhân rất có thế lực nhưng cũng có tài liệu nói có thể ông còn là một thị trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của người Nhật tại thương cảng Hội An lúc bấy giờ.

Ngôi mộ của ông tọa lạc trên một khoảnh đất rộng, quanh đó có một số ngôi mộ của người Hoa, Việt giàu có và có chức sắc. Trong chiến tranh mộ bị cày ủi lấy mặt bằng xây đồn binh. Sau chiến tranh, chính quyền Hội An được sự giúp đỡ kinh phí của tổ chức Taisei Corporation đã trùng tu lại theo nguyên mẫu như trong các ảnh chụp của người Nhật từ những năm đầu thế kỷ này.

Mộ ông Tani Yajirobei (Trên đồng Trường Lệ, Cẩm Châu)

Mộ bia của một thương gia người Nhật có tên là Tani Yajirobei, quê ở Hirado - gần Nagasaki, mất năm 1647, thể hiện rõ ràng một tính cách điển hình Nhật Bản. Bia quay mặt về hướng Đông Bắc nhìn về Nhật Bản, năm của mộ cùng các hạng mục khác được làm bằng một loại bê tông vô cứng pha chế từ bột vỏ sò khô với lá cây bời lời và đường mía. Tani Yajirobei là một thương gia. Mộ được trùng tu lớn vào năm 1997 và làm thêm đường bằng đá nối mộ ra đường lớn. Ngôi mộ ông Tani Yajirobei độc lập trên một

gò đất cao, xa nhà dân, bốn phía trống trải lộng gió, nhưng xung quanh là đồng lúa nước trông hết sức thơ mộng.

Mộ ông Banjiro (Trong xóm Trường Lệ)

Một ngôi mộ người Nhật khác mang tên Banjiro, mất năm 1665. Mộ cũng tọa lạc giữa một cánh đồng lúa xanh, gần đường đi mới làm, nổi với trung tâm Hội An. Mộ còn tương đối nguyên vẹn. Dân trong xóm thường xuyên thắp hương vì họ nói người nằm dưới mộ rất linh, đôi khi có cầu xin đều được giúp đỡ. Nhiều trẻ nhỏ qua đây có hành vi báng bổ thường hay bị đau ốm, cha mẹ phải mang lễ vật đến xin lỗi mới khỏi. Nhiều truyền thuyết khác kể về ngôi mộ này thường là mang tính giáo dục cao.

Ba ngôi mộ trên của thương gia Nhật Bản đều có niên đại thế kỷ XVII. Người Nhật đã tiến hành tu sửa nên ngôi mộ nào cũng có một tấm bia bằng xi măng khắc chìm chữ Nhật, nội dung như sau: “Năm Chiêu Hòa thứ 3 (1928) theo đề xuất của giáo sư văn học Kuroita Katsumi, tập thể người Nhật cư trú tại Đông Dương đề nghị ông Nakayama phụ trách giám sát tu sửa ngôi mộ này.”

Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu (Bến Trễ, Cẩm Hà)

Hưởng ứng Hịch Cần vương kêu gọi toàn quốc đứng lên chống Pháp của vua Hàm Nghi, phong trào Nghĩa Hội ở Quảng Nam do Tiến sĩ Trần Văn Dư đứng đầu. Sau khi Trần Văn Dư bị sát hại, Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu tiếp tục lãnh đạo phong trào Nghĩa Hội xây dựng căn cứ Tân Tỉnh huy động lực lượng ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định chống Pháp làm rung động triều đình.

Vào mùa thu 1887, trước sức tấn công của quân lính Pháp và nhà cầm quyền, nhận thấy thế cô, lực lượng yếu dần, các thủ lĩnh lần lượt hy sinh, phong trào có nguy cơ tan rã, để tránh sự truy bức tàn sát các chiến sĩ, Nguyễn Duy Hiệu đã tự mình ra bãi cát Cẩm Hà để kẻ thù đến bắt.

Trung Thu năm 1887, ông bị chém ở cửa An Hòa, Huế rồi được đưa về an táng tại Hội An. Nhờ sự hy sinh của ông, nên rất nhiều người được sống sót. Mộ Nguyễn Duy Hiệu an vị tại Bến Trễ, Cẩm Hà cách phố Hội An 3 km về

phía Đông Bắc vừa được tu bổ và có thể coi là công trình kiến trúc mộ lớn đẹp mẫu mực nhất khu vực.

Ngoài ra, tại Hội An trong nhiều năm gần đây, các nhà khảo cổ học còn phát hiện khá nhiều mộ chum Sa Huỳnh có niên đại hàng ngàn năm tuổi ở vùng Cẩm Hà. Trong các mộ chum các nhà khảo cổ còn tìm thấy nhiều đồ tùy táng của cư dân văn hóa Sa Huỳnh, góp phần làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử trên vùng đất Hội An. Trong các mộ chum này, người ta còn tìm thấy các loại tiền cổ thời Tiền Hán, chứng tỏ vùng Hội An xưa đã có hiện tượng giao lưu, trao đổi với bên ngoài.



Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu

NHÀ THỜ THÁNH THẤT

Nhà thờ Hội An và mộ các giáo sĩ phương Tây

Nhà thờ Hội An được giáo sĩ người Ý Francisco Buzomi xây dựng ngày 18.1.1615 cùng với việc thành lập giáo xứ Hội An, làm cơ sở cho các giáo sĩ Dòng Tên và Dòng Thừa Sai Paris (MEP) thường xuyên đến Hội An truyền giáo. Đến thế kỷ XVIII khu vực Hội An đã xuất hiện nhiều nhà thờ khác với số lượng tín đồ ngày càng đông và nhà thờ Hội An trở thành bé nhỏ nên liên tục được cải tạo mở rộng. Đến nay, Nhà thờ đã được dời về số 2 đường Nguyễn Trường Tộ. Trong nhà thờ có khu vực làm nơi cải táng, chuyển hài cốt một số nhà truyền giáo đầu thế kỷ XVIII qua đời ở Hội An về tại đây. Người ta dễ dàng đọc tên các vị giáo sĩ và năm mất của họ: Guliero Mahot (1684 - Pháp), Perez (1782 - Bồ Đào Nha), và Lere Rist (1737 - Đức).



Nhà thờ Hội An

Thánh thất Cao Đài

Ở Hội An có một thánh thất Cao Đài nhỏ được xây dựng năm 1952 nằm ở đường Huỳnh Thúc Kháng, gần trạm xe buýt. Hiện có thầy tu sống ở đây cùng với một số người dân đứng làm công quả. Họ trồng mía, bắp... để kiếm thêm thu nhập cho thánh thất. Đa số cộng đồng người theo đạo Cao Đài sống rải rác trong phường Cẩm Phô, họ rất mến khách, tuôn sống chan hòa, cởi mở.

BẢO TÀNG

Hội An chưa có bảo tàng tổng hợp lớn. Để giữ được các di vật quý lưu lạc ngoài dân và từ kết quả khai quật, nghiên cứu di chỉ khảo cổ học, Hội An đã tìm cách đi riêng của mình. Những bảo tàng chuyên đề trong khu phố cổ đã được thành lập vừa là nơi bảo quản, đồng thời là địa điểm giới thiệu với du khách các mặt văn hóa, lịch sử của vùng đất Hội An xưa và nay. Các bảo tàng phục vụ liên tục từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều và sẵn sàng giải đáp tận tình mọi thắc mắc của du khách.

Bảo tàng lịch sử Hội An (số 7 đường Nguyễn Huệ)

Đây là bảo tàng quan trọng bậc nhất của Hội An. Bảo tàng Lịch Sử - Văn hóa Hội An được thiết lập tháng 11.1989, tọa lạc tại số 7, đường Nguyễn Huệ, nằm phía sau Quan Công miếu. Trước đây, bảo tàng là ngôi chùa của dân làng Minh Hương được xây dựng vào thế kỷ XVII để thờ Phật bà Quan âm (Chùa Bà). Hiện bảo tàng trưng bày 434 hiện vật bao gồm hiện vật gốc và các hình ảnh, tư liệu liên quan đến các thời kỳ phát triển của Đô thị cổ Hội An từ thời Tiền - Sơ sử cho đến nay:

Thời kỳ Tiền - Sơ sử: Sa Huỳnh sớm và giai đoạn hậu kỳ văn hóa Sa Huỳnh, cách ngày nay khoảng 2.000 năm. Ở chủ đề này, tổng cộng có 102 hiện vật gốc và ảnh chụp về các hố khai quật gồm các loại hình công cụ sinh hoạt, lao động sản xuất, chiến đấu, trang sức... bằng các chất liệu: gốm, đồng, sắt, đá, thủy tinh. Những tiền đồng Trung Quốc: Ngũ Thù (Từ thế kỷ thứ II trước Công Nguyên đến Thế kỷ thứ I sau Công Nguyên); Vương Mãng (thế kỷ thứ I sau Công Nguyên) cùng với đồ trang sức mã não, thủy tinh có gốc gác từ Nam Ấn Độ hoặc Trung Đông. Hiện vật chứng tỏ cách đây khoảng 2.000 năm, những chủ nhân của mảnh đất này đã sinh sống bằng nghề nông trồng lúa nước, khai thác chế biến sản vật sống - biển, làm các

nghề thủ công: rèn, dệt vải, mộc, chế tác đồ trang sức... Đồng thời cũng thể hiện rõ nét mối quan hệ, giao lưu văn hoá trong nước từng có hoạt động trao đổi buôn bán với phía Bắc, phía Nam và cả ở khu vực để lập nên một tiền Cảng – Thị sơ khai, tạo dựng nền móng cho Cảng - Thị các thời kỳ sau tiếp tục phát triển.

Đặc biệt, một loại hiện vật đặc trưng của thời kỳ này là mộ chum, chất liệu gốm, được phát hiện trong khu nghĩa địa Tin Lành, di chỉ Hậu Xá, Cẩm Hà năm 1990. Theo các nhà nghiên cứu, đây là một dạng quan tài của cư dân Sa Huỳnh dựng tro cốt và vật dụng, trang sức được chôn theo người chết.

Tuy mới chỉ là những thông tin khoa học sơ bộ, nhưng phần nào gợi mở cho chúng ta những sự nhận biết về tiến trình, về diện mạo lịch sử - văn hóa của cư dân cổ ở Hội An thời Tiền - Sơ sử.

Thời kỳ Chămpa tồn tại từ thế kỷ thứ II – thế kỷ XV, với nền văn hóa rực rỡ, khởi đầu thời kỳ vàng son cho một cảng - thị hưng thịnh. Thời kỳ này nổi bật lên những địa danh Chiêm Bát Lao (Cù Lao Chàm), Đại Chiêm Hải Khẩu (Cửa Đại), cùng với những tượng đá, giếng gạch và dấu vết nền tháp, đặc biệt trong di chỉ khảo cổ học với hiện vật gốm sứ Champa, Islam, Trung Quốc... thủy tinh (đồ trang sức, vật dụng) có nguồn gốc từ Trung Cận Đông, Nam Ấn Độ... và nguồn tư liệu thư tịch cổ Trung Hoa, Ả Rập, Ấn Độ, Ba Tư... xác định vùng Cửa Đại xưa là hải cảng chính của nước Chămpa. Nơi đây, có Lâm Ấp phố, với nhiều chiến thuyền và thương thuyền Trung Hoa, Ả Rập, Ấn Độ, Ba Tư... thường xuyên ghé đậu lấy nước ngọt từ những giếng Chăm và trao đổi sản vật như trầm hương, quế, đồ vàng ngọc, đồ thủy tinh, tơ lụa, đồi mồi, xà cừ...

Trong thời kỳ này, bảo tàng trưng bày 18 hiện vật gốm gồm các loại mảnh gốm, gạch Chăm, hoa văn gốm và kèm 14 hình ảnh. Nổi bật là bức tượng vũ công Grandhara và tượng thần tài lộc Kuberra. Hai bức tượng được chạm khắc sắc xảo, tinh tế mang đậm nét văn hóa Chămpa huyền bí. Phần nào thể hiện được một thời kỳ phồn thịnh của Vương quốc Chămpa xưa.

Người Chăm-pa có tầm nhìn về biển, biết cấu trúc kinh tế tổng hợp đa ngành, tuy còn thô sơ nhưng biết khai thác mọi tiềm năng trên rừng, dưới biển, trong lòng đất để xây dựng hưng thịnh Chiêm-cảng, tạo tiền đề phát triển kinh tế - văn hoá cho thời kỳ lịch sử tiếp theo.

Thời kỳ Đại Việt (Thế kỷ thứ XV - Thế kỷ thứ XIX): tiếp sau thời Chăm-pa, muộn nhất là từ cuối thế kỷ thứ XV, vùng đất Hội An đã định hình những hoạt động của cư dân Đại Việt. Ở vào buổi đầu thời kỳ này, bên cạnh việc khai hoang lập ấp, canh tác nông nghiệp, người Việt ở Hội An còn linh hoạt sáng tạo một số ngành nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên – xã hội từng vùng đất: Làng Thanh Châu với nghề khai thác yến sào; làng chài Võng Nhi, Để Võng với nghề đánh bắt, chế biến hải sản; làng mộc Kim Bồng, làng gốm Thanh Hà với nghề thủ công điêu khắc gỗ, làm gạch ngói xây dựng; làng Hội An, Cẩm Phô với nghề buôn bán... Từ thế kỷ XVII, cộng đồng dân cư Hội An được bổ sung thêm các kiều dân là thương khách Hoa, Nhật và một số từ các nước khác đến đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề vốn có thêm thích ứng với sinh hoạt thương nghiệp, nông nghiệp.

Đây là giai đoạn quan trọng nhất của Hội An trong lịch sử. Với sự phát triển thương nghiệp quốc tế, Hội An nhanh chóng trở thành mã đầu có hàng hoá, sản vật phong phú; nội thương tạo đà thúc đẩy ngoại thương đi lên để làm nên sự phồn thịnh ở đô thị - thương cảng Hội An suốt trong nhiều thế kỷ.

Trong chủ đề này, bảo tàng trưng bày một số lượng lớn hiện vật gốc và hình ảnh tư liệu phong phú được tìm thấy ở Hội An qua từng giai đoạn, đặc biệt có sự so sánh rõ rệt giữa gốm Việt Nam với gốm của một số nước có mối quan hệ giao lưu buôn bán với Hội An lúc bấy giờ như: Nhật Bản, Trung Quốc. Bên cạnh đó, bảo tàng còn trưng bày một số tư liệu viết về Hội An và một số bản đồ cổ của Hội An với các tên gọi khác nhau như Faifo, Haiso... Một số dụng cụ dùng trong giao thương buôn bán như cân cân, quả cân, ang... Giúp cho khách tham quan phần nào hình dung được một Đô thị thương cảng tấp nập và phồn thịnh của những năm thế kỷ XVI-XVIII.



Bảo tàng Lịch sử, Văn hóa Hội An

Bảo tàng Gốm sứ mật dịch (80 đường Trần Phú)

Năm 1995 Bảo tàng chuyên đề Gốm sứ mật dịch được hình thành với sự giúp đỡ của các chuyên gia Nhật Bản. Với 268 hiện vật có niên đại từ thế kỷ IX, X đến thế kỷ XIX được tìm thấy ở các điểm khảo cổ tại Hội An đã phản ánh sinh động về con đường gốm sứ mật dịch trên biển vào các thế kỷ trước, khi Hội An còn là tụ điểm giao lưu thương mại trên biển của các thương thuyền Đông-Tây-Á-Âu.

Các hiện vật gốm được khai quật, tìm thấy ở Hội An và được đưa ra trưng bày tại đây được sản xuất từ các nước thuộc vùng Trung Cận Đông, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam... Bảo tàng nhằm chứng minh vai trò quan trọng của thương cảng Hội An trong mạng lưới mật dịch quốc tế, khi có một con đường gốm sứ trên biển từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam mà Hội An là trung điểm để các thương phân buôn bán, đổi chác mặt hàng này gặp nhau.

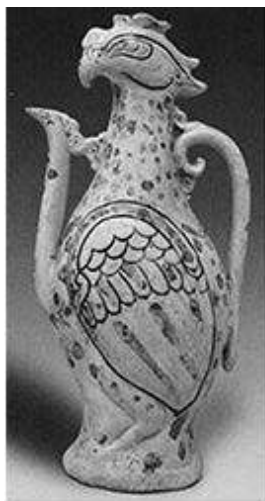
Tại đây lịch sử phát triển của gốm sứ Việt Nam cũng được miêu tả khá rõ qua các hiện vật. Gốm men Việt Nam đã có lịch sử dài non 2.000 năm. Nhưng thế kỷ XV và XVI có thể được coi là thời kỳ rực rỡ nhất của gốm thương mại Việt Nam. Trong hai thế kỷ này, gốm Việt Nam đã được xuất khẩu tới nhiều nước trên thế giới như Nhật Bản, các nước Đông Nam Á,

Trung Cận Đông và chắc chắn đến cả các nước Châu Âu. Cho đến nay, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy 32 địa điểm khảo cổ học ở Đông Nam Á có gốm Việt Nam bao gồm: Malaysia 9 địa điểm, Brunei 2 địa điểm, Indonesia 11 địa điểm, Phillipine 10 địa điểm.

- Ở Nhật Bản, nhiều thành phố như Okinawa, Nagasaki, Hakata, Dazaifu, Osaka, Sakai, Hiroshima... cũng đã phát hiện được gốm Việt Nam.

- Ở Trung Cận Đông, gốm Việt Nam mới chỉ tìm thấy có 2 địa điểm là Fustat (Ai Cập) và Al-tur trên bán đảo Sinai.

Gốm thương mại Việt Nam thế kỷ XV - XVI đã được xác định là được sản xuất từ các trung tâm lớn như Chu Đậu, Bát Tràng ở phía Bắc và Bình Định ở phía Nam. Trung tâm Hải Dương đã đóng vai trò chính trong việc sản xuất gốm thương mại Việt Nam ở giai đoạn này với các lò nổi tiếng như Chu Đậu, Hợp Lễ, Cậy... Sản phẩm của các lò này là gốm hoa lam, gốm vẽ màu trên men. Trung tâm gốm Bình Định với các lò: Gò Sành, Gò Trường Cửu, Gò Hời, Gò Cây Me... Sản phẩm của các lò này là gốm đơn sắc có màu xanh ngọc và màu vàng nâu. Trong vòng 4 thế kỷ, gốm thương mại Việt Nam đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự giao lưu kinh tế và văn hóa giữa các dân tộc.



Ấm dầu gà.



Tượng phụ nữ quý tộc.

Đĩa lớn trang trí hoa văn rộng.
Ảnh: Quốc Bình - Trần Đức Anh Sơn →

Gốm sứ Mậu dịch



Hũ lớn trang trí hoa văn lam.



THĂNG CẢNH THIÊN NHIÊN

Hội An được trời phú cho các thắng cảnh thiên nhiên gắn liền với cảnh quan sông nước, biển cả. Được đi thuyền nhỏ luồn lách vào rừng dừa Bảy Mẫu (xã Cẩm Thanh), tâm hồn thư thái thoát khỏi tọc lụy lo âu trong vài tiếng đồng hồ là cái thú tiêu khiển của người Hội An. Nếu nhiều thời gian hơn có thể đến Cù Lao Chàm để thưởng thức các loại hải sản vú nàng, vú xao, bào ngư, tôm hùm... và hưởng thụ các hoạt động nghỉ ngơi, tắm biển, thám hiểm, lặn nước ngắm sinh vật cảnh biển, câu cá sừ tầm cùng hòa mình vào thiên nhiên kỳ thú nơi này. Có đến 8 thắng cảnh thiên nhiên đáng lưu ý ở Hội An.

Bán đảo An Hội

Bên kia cầu An Hội là bán đảo An Hội. Đây là một vùng đất trẻ được phù sa bồi đắp từ sau thế kỷ XIX. Trước kia, nơi đây tập trung nhiều xưởng đóng thuyền và dệt chiếu cung cấp mặt hàng thủ công mỹ nghệ đặc sắc cho Hội An và xứ Quảng. Có một lực lượng khá đông dân cư từng là vạ chài An Hội mới được lên đất liền định cư còn lưu giữ được nhiều tập tục folklore sông nước. Qua quy hoạch, nay An Hội đã trở thành một dãy phố mới với nhiều hàng ăn uống, giải khát phục vụ du khách.

Bãi tắm Phước Trạch (Bãi tắm Cửa Đại)

Từ trung tâm thị xã Hội An đi khoảng 4km về phía Đông là gặp bờ biển Cẩm An của Hội An có chiều dài tới 7km. Trong đó bãi tắm Phước Trạch có chiều dài khoảng 3km. Đây là bãi tắm nông, xa cửa sông, nước xanh trong vắt, sóng biển êm đềm hiền hòa với bờ cát trắng phau, chạy dọc dài dưới rừng dương xanh mát. Phía xa khơi là bóng đảo xanh mờ Cù Lao Chàm như bức bình phong làm mát dịu tầm mắt. Hàng ngày, từ tinh sương, làng câu, làng chài ven biển hoạt động rất nhộn nhịp và đầy ấn tượng. Đêm về, vào

lúc không trăng, thuyền câu mực, thuyền giăng lưới mắc đèn nê-ông chi chít như sao sa. Từ bãi tắm nhìn ra có cảm giác như một thành phố hoa đăng nổi lung linh rực rỡ. Những đêm trăng, ánh trăng dát bạc mênh mông lấp lóa cả một vùng biển trời và cát. Khách du lịch có dịp đắm chìm mình vào ảo mộng mông lung của truyền thuyết và cổ tích. Du khách có thể ngắm biển suốt đêm mà không sợ bất cứ ai làm phiền.



Cù Lao Chàm

Cù Lao Chàm

Cù Lao Chàm là một cụm đảo cách bờ biển Hội An 15km. Gồm 7 hòn đảo nhỏ là Hòn Lao, Hòn Dài, Hòn Mò, Hòn Tai, Hòn Nồm, Hòn Lá, Hòn Khô. Vì ở giữa biển khơi nên Cù Lao Chàm có khí hậu đại dương quanh năm mát mẻ, hệ động thực vật phong phú. Yến sào, hải sản và san hô là nguồn tài nguyên quý giá của đảo. Suối Tình, Suối Ông, Hòn Chông, Hòn Khô, Hang Bà... và Bãi Ông, Bãi Bìm, Bãi Chông, Bãi Bắc... là những cảnh đẹp, cùng bãi tắm thơ mộng.

Mới đây, tại Hòn Lao, nơi có cư dân sinh sống đã tìm thấy các di chỉ khảo cổ học của dân cư cổ cách đây hơn 3.000 năm, hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, đời sống sinh hoạt, tín ngưỡng cùng những dấu vết về sự giao lưu buôn

bán với thuyền buôn các nước Trung Cận Đông, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á qua lại vùng này cách nay trên 1.000 năm.

Góp phần minh chứng cho bề dày lịch sử văn hóa độc đáo đặc sắc hiếm có của vùng đảo Cù Lao Chàm là 25 di tích kiến trúc nghệ thuật có niên đại từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX hiện còn tồn tại trên đảo Hòn Lao.

Hiện nay nhờ sự khuyến khích của chính quyền Hội An, hàng chục công ty du lịch tư nhân sắm ca nô, đưa đón khách du lịch ra vào Cù Lao Chàm, nên việc ra vào đảo không còn cách bức như trước.

Rừng dừa Bảy Mẫu (Thôn 2, Cẩm Thanh)

Nằm cách Phố cổ 3km về phía Đông, xưa kia chỉ có 7 mẫu dừa nước nên có tên là rừng dừa Bảy Mẫu, đến nay đã phát triển lên gần gấp đôi. Rừng là vùng sinh thái rừng ngập mặn gần cửa Đại nên rất phong phú thực vật, động vật nước lợ. Khi nước triều lên, cá, tôm, cua... tập trung về kiếm ăn, các loài chim sinh sôi nảy nở. Khi nước triều rút còn trở lại các lạch nhỏ, nước nông thấy các loại động vật lao xao. Dưới tán lá dừa rậm rịt, thuyền nhỏ chở du khách như trôi giữa cao xanh vời vợi đầy cảm hứng. Du khách đến đây để tạm vơi đi những nhọc nhằn của cuộc sống xô bồ vất vả, chuẩn bị dưỡng sức cho những ngày làm việc mới.



Rừng dừa Bảy Mẫu

Khu Du lịch sinh thái Thuận Tình (Thôn 1, Cẩm Thanh)

Đây là một loại hình du lịch mới mẻ mà chính quyền Hội An nhằm hướng đến mục đích kéo dài thời gian lưu trú và làm phong phú thêm trong các chương trình du lịch của các công ty du lịch. Khu Du lịch (KDL) sinh thái hiện tọa lạc trên một diện tích 50 ha nằm sát sông Thu Bồn. Ưu thế của Khu Du lịch sinh thái là toàn bộ phần chính đều nằm gọn trong rừng dương liễu mát mẻ, chung quanh có rừng dừa nước bao bọc, thuận lợi cho các cuộc cắm trại dã ngoại với số lượng người đông. Hiện trong khu du lịch có nhiều dịch vụ nhằm phục vụ cho du khách vui chơi, nghỉ ngơi như bơi thuyền, câu cá, trong đó có nhiều dịch vụ phục vụ cho trẻ em. Một số bungalow đã được xây dựng bằng các chất liệu khai thác ngay tại địa phương như tre, gỗ, dừa nước. Vì vậy KDL Thuận Tình khá phù hợp cho các kỳ nghỉ cuối tuần của gia đình.

Có hai con đường để đến KDL Thuận Tình. Một là du khách có thể đi bằng thuyền máy từ chợ Hội An với giá 20.000 đồng/lượt đi. Hai là có thể đi đò ngang từ bến đò Thuận Tình.

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Từ những năm của thế kỷ XV-XVI, theo chân những đoàn lưu dân nền văn minh sông Hồng, sông Mã mở đất về phương Nam, nhiều nghề thủ công truyền thống đã ra đời và phát triển mạnh mẽ trên đất Hội An. Cha truyền con nối trải qua hàng trăm năm, sản phẩm của những nghệ nhân các làng nghề Hội An không dừng ở phạm vi phục vụ nhu cầu cuộc sống thường nhật, mà sự sáng tạo của họ đã đạt đến mức điêu luyện, đóng góp một phần không nhỏ cho sự phồn thịnh của cảng thị Hội An trong những thế kỷ trước.

Trong quá khứ, hàng thủ công Hội An xuất khẩu đi các nước có tơ lụa, hàng gốm, hàng mộc... gốm Cochi (Giao Chỉ) mà người Nhật Bản ưa chuộng và đưa về nước có phần là gốm Thanh Hà xứ Quảng. Đặc biệt người thợ mộc Kim Bồng làng Cẩm Kim và nghề gốm Thanh Hà còn thành danh với những công trình kiến trúc gỗ tuyệt mỹ hiện còn lưu lại trên từng mái nhà, góc phố Hội An. Không dừng lại đó bàn tay tài hoa của họ còn góp phần chính làm nên sự diễm lệ của Kinh thành Huế.

Những năm của thế kỷ XX, cuộc cách mạng cơ khí, cùng sự sa sút và nhường vai trò cảng thị cho Đà Nẵng, một thời gian dài không ít nghề thủ công Quảng Nam, trong đó có Hội An lâm vào cảnh suy vi.

Gần đây với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế du lịch, và thái độ trọng thị của chính quyền Hội An đối với giá trị văn hóa phi vật thể, nghề thủ công mỹ nghệ Hội An đang dần hồi phục và đáp ứng nhu cầu mua sắm, lưu niệm của du khách... Hiện Hội An có các làng nghề tiêu biểu sau:

Làng mộc Kim Bồng (Cẩm Kim)

Làng mộc Kim Bồng thuộc xã Cẩm Kim nằm bên kia sông Hoài. Làng vốn rất nổi tiếng về nghề mộc vì hầu hết kiến trúc cổ kính của Hội An, kinh thành Huế đều do bàn tay tài hoa của cha ông họ dựng nên từ những ngày

vàng son của thương cảng quốc tế Hội An. Những tác phẩm chạm khắc của họ trên các đầu kèo, trên xiên, án thư, bàn thờ, bàn, ghế, tủ đều là những kiệt tác điêu khắc mà bất cứ ai trông thấy cũng phải trầm trồ thán phục vì thật sự trọn vẹn hoàn mỹ.

Ngoài công việc chạm khắc mỹ thuật, xây dựng, thợ mộc Kim Bồng còn sản xuất thùng đựng quế và ghe bầu cho các thương nhân. Ghe bầu Kim Bồng đóng bằng gỗ có loại trọng tải lên đến 60 - 70 tấn. Hiện nay, nhờ có chính sách khuyến khích của Nhà nước, du lịch phát triển nên nghề mộc Kim Bồng được khôi phục và phục vụ tích cực cho công tác trùng tu di sản. Nhiều sản phẩm điêu khắc gỗ của mộc Kim Bồng hiện nay được xuất khẩu ra nước ngoài.

Làng gốm Thanh Hà

Cách Hội An 3km theo đường sông về hướng Tây, làng gốm Thanh Hà từng đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển Đô thị cổ Hội An. Vào thế kỷ XVI-XVII Thanh Hà là một ngôi làng rất thịnh đạt, nổi tiếng về các mặt hàng gốm, đất nung được mua bán, trao đổi khắp các tỉnh miền Trung Việt Nam và còn xuất khẩu tới một số nước trong vùng. Những người thợ gốm Thanh Hà cung cấp gạch, ngói làm nên những ngôi nhà cổ Hội An và các khu vực chung quanh. Hiện nay người dân làng gốm Thanh Hà tiếp tục làm cái công việc mà cha ông họ đã làm trong những thế kỷ trước. Qua đôi bàn tay khéo léo, điêu luyện của họ, những ấm trà, bình rượu, lọ hoa xinh xắn... lần lượt ra đời. Hiện nay, chỉ có làng gốm này là nơi duy nhất có thể cung cấp những viên gạch, ngói đúng tiêu chuẩn, hợp qui cách và chất lượng để phục vụ cho công tác trùng tu, bảo tồn di sản kiến trúc Hội An.



Làng gốm Thanh Hà

Làng rau Trà Quế

Cách Hội An 3km về phía Đông Bắc, làng rau Trà Quế thuộc xã Cẩm Hà vốn nổi tiếng từ rất lâu trong tỉnh Quảng Nam. Dân làng Trà Quế là những nông dân, công việc chính của họ là trồng rau. Sản phẩm rau Trà Quế được đánh giá cao về độ tươi, xanh, thơm ngon và an toàn. Mỗi ngày hơn 8 tấn rau từ Trà Quế được tiêu thụ khắp Đà Nẵng và trở thành một món không thể thiếu trong các bữa ăn của người dân vùng này.

Nghề yếm Thanh Châu

Nghề yếm Thanh Châu hình thành ngẫu nhiên cách đây khoảng 400 năm và hiện tồn tại phát triển cho đến hôm nay. Ông tổ nghề Yếm là ai vẫn còn cần một sự nghiên cứu tỉ mỉ của các nhà nghiên cứu, nhưng từ sự phát hiện yếm sào trong các hang động thuộc Hòn Lao - Cù Lao Chàm, nghề yếm vùng Thanh Châu (Cẩm An) mới hình thành. Để lấy được yếm sào trên các vách đá cheo leo giữa sóng và gió biển Đông thật sự là một công việc nguy hiểm và vất vả đòi hỏi kinh nghiệm dày dặn, vì vậy nghề này hầu như chỉ có cha truyền con nối. Không như các làng nghề khác có xuất xứ từ đồng bằng Bắc bộ theo chân các lưu dân vào Nam, nghề khai thác yếm sào tự phát ngẫu nhiên ở Hội An, sau đó truyền dần vào vùng Bình Định và Khánh Hòa.

Xuất phát từ đặc tính hiếm quý của yến sào chữa được nhiều loại bệnh nan y, nên giá cả rất đắt. Hàng năm nguồn lợi từ yến sào mang lại cho Hội An khoảng 20% tổng sản phẩm quốc dân. Do nghề khai thác yến hết sức nguy hiểm, nên từ 400 năm qua, làng yến Thanh Châu đã tích lũy những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian rất phong phú, góp phần tạo nên bản sắc riêng của cư dân trong di sản Hội An.

Hiện đã có chủ trương cho phép khách du lịch tham quan hai hòn Tai và hang Tò Vò của đảo yến. Tháng 8 vừa qua, đã có một famtrip dành cho các doanh nghiệp lữ hành trong nước, nhằm chuẩn bị cho tour tham quan rộng rãi sau này.

Xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống Hội An

(Làng nghề truyền thống Hội An, số 9 đường Nguyễn Thái Học)

Khai trương hoạt động vào dịp Lễ hội đêm rằm phố cổ và Kỷ niệm lần 56 năm Quốc khánh. Đây là công trình hợp tác giữa Công ty cổ phần Lao Động Hội An và Trung tâm Văn hóa Thể thao Hội An (thuộc UBND TX Hội An). Hiện làng nghề truyền thống Hội An thu hút hầu hết các nghề thủ công truyền thống trên địa bàn thị xã và một số của tỉnh Quảng Nam. 14 nghề gồm: Mộc Kim Bông, Gốm Thanh Hà, lồng đèn, đan lát mây tre, dệt chiếu, dệt vải, may mặc, thêu thùa... Hoạt động nghề nghiệp tại đây nhằm góp phần khai quát, khôi phục và phát triển các giá trị phi vật thể của di sản Hội An. Du khách có thể tìm hiểu lịch sử phát triển các làng nghề thủ công của Hội An tại đây, đồng thời chứng kiến bàn tay tài hoa của người thợ thủ công Việt Nam. Ngoài ra, nếu thích, khách du lịch có thể tham gia một số khâu trong quy trình sản xuất và mang sản phẩm đó về kỷ niệm.

Làng nghề truyền thống Hội An hiện tọa lạc tại nhà cổ Phi Yến - số 9 đường Nguyễn Thái Học (gần chợ Hội An), được trang trí thoáng đãng, đẹp và mang dáng dấp một làng quê Việt Nam, nhưng lại đặt trong khuôn viên một ngôi nhà cổ.



Xưởng sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An

CÁC MÓN ĂN TRUYỀN THỐNG ĐẶC SẢN Ở HỘI AN

Hội An trăm vật, trăm ngon

Từ từ lỗ miệng (đê) chõng con hăn nhờ.

(ca dao cổ)

Dù là một phần máu thịt của Quảng Nam, nhưng ẩm thực Hội An lại có những khác biệt rất lớn đối với các vùng còn lại trong tỉnh. Hầu hết du khách đến Hội An đều có một ấn tượng rất đặc biệt về nét văn hóa ẩm thực rất riêng của phố cổ. Nét riêng này thể hiện trước hết ở việc sử dụng hợp lý các sản vật sẵn có tại địa phương vào bữa ăn hàng ngày, đồng thời với sự phong phú về chủng loại.

Bên cạnh các món ăn truyền thống của người Việt còn có các món ăn ảnh hưởng từ Trung Hoa hay một số nước khác. Kinh nghiệm trong việc chế biến các món ăn của người dân Hội An khá phong phú và có những bí quyết riêng. Người Hội An đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn đến mức tự nhiên giữa cái dân dã cội nguồn với cái văn minh hiện đại tạo nên một sắc thái rất riêng, rất độc đáo trong nghệ thuật ẩm thực của Hội An.

Ở Hội An các món ăn rất phong phú nhưng giản dị, không kiểu cách, phức tạp, và không đòi hỏi nhiều công phu chế biến. Các phương pháp tổ chức món ăn từ nấu đến ăn đều tuân thủ nguyên tắc ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) mới được coi là đúng nghĩa Hội An. Các chất gia vị nêm vào cũng chỉ để tăng giá trị không được lấn át giảm giá trị thực phẩm chính. Thơm, cay, chua, the, ngọt, bùi, béo cộng với màu sắc hòa trộn đều phẳng phất nhẹ nhàng khơi gợi các giác quan của người thưởng thức. Hiện còn tồn tại hơn 60 món ăn dân gian truyền thống. Sau đây là một số các món tiêu biểu:

Cao lầu

Được chế biến theo phương pháp bí truyền. Hiện chỉ có một hai gia đình tại Hội An biết chế biến sợi cao lầu. Cao lầu không phải làm từ bột gạo như các loại mì thông thường mà là bột gạo được ngâm nước tro và qua 3 lần lửa nên mình bánh cứng và có màu vàng nhạt tự nhiên, kèm với thịt heo xá xíu, rau sống và gia vị tạo ra một món ăn khó quên. Người dân Quảng Nam coi cao lầu như một dấu hiệu đặc biệt tiêu biểu ẩm thực của Hội An. Người ta vẫn bảo rằng chỉ có một số giếng nước của Hội An kết hợp với tro đốt từ thân cây mọc ở Cù Lao Chàm mới có thể tạo ra sợi mì cao lầu.

Nếu bạn là du khách đến Hội An và muốn ăn một bữa cao lầu thật sự thì người Hội An sẽ giới thiệu bạn đến một quán cao lầu vỉa hè trên đường Nguyễn Huệ, thật ra nó cũng chưa được gọi là quán vì chỉ có một gánh hàng của một bà già và những chiếc ghế cóc, thế nhưng lúc nào cũng đông khách và gánh hàng của bà chỉ phục vụ từ 3 - 5 giờ chiều.



Cao lầu

Mì Hoàn thánh

Món ăn này từ xa xưa được du nhập từ Trung Hoa và đã được địa phương hóa. Hoàn thánh được làm từ bột mì, tôm, trứng gà, thịt nạc heo, dầu thực

vật và gia vị. Hoành thánh nước còn gọi là sự phối hợp với nước lèo được hầm từ xương heo đã chọn lọc kỹ. Có nhiều loại như hoành thánh chiên, hoành thánh mì hay súp hoành thánh.

Bún xào Phúc Kiến

Đây là món ăn đặc trưng của người Hội An gốc Hoa Phước Kiến. Nguyên liệu để làm món bún xào này gồm nhiều loại. Ngoài bột gạo là chủ lực còn có thịt cua, gạch cua, tôm khô, dầu thực vật và một số loại gia vị khác. Bún xào Phước Kiến béo, dai, vị ngọt, mùi thơm, không ướt, có thể ăn kèm với cơm, thịt, canh đều ngon khó quên.

Bánh bao bánh vạc

Món bánh bao này được đa số khách du lịch ưa thích không chỉ vì vị ngon của nó mà còn vì hình thức nó rất đẹp. Nhiều người còn gọi bánh vạc là “hoa hồng trắng” vì bánh khá giống một cái hoa. Bánh được làm từ bột gạo với nhân chả tôm quết nhuyễn. Bánh vạc lớn hơn bánh bao, vỏ bọc ngoài là bột mỏng, trong là nhân làm bằng thịt, tôm giã nhuyễn cùng gia vị. Hiện nay, Hội An chỉ còn một gia đình làm được loại bánh này cung cấp cho các nhà hàng. Vì vậy, nếu ăn tại lò, chủ quán thường chỉ bán cho bạn một số lượng có hạn.

Bánh susê

Được làm từ bột nếp, đậu xanh, dừa... gói lá chuối rồi hấp chín. Trong mâm lễ cưới hỏi thường có bánh này vì tên gọi chệch là phu thê (vợ chồng). Chuyện kể rằng một lái buôn nọ xa nhà, để giữ chân chồng, người vợ làm bánh trong lễ tiễn, thề với chồng rằng cho dù xa nhau lòng nàng vẫn mãi thắm thía đậm đà như bánh. Chồng cảm động đặt tên là bánh “phu thê” tức bánh vợ chồng. Chẳng ngờ đến nơi mới thấy nhiều cô gái đẹp, người chồng say sưa không muốn về. Ở nhà vợ dò hỏi biết được căn nguyên liền làm bánh gửi đến cho chồng kèm theo tấm thiệp: “Từ ngày chàng bước xuống ghe/ Sóng bao nhiêu đợt, bánh phu thê rầu bấy nhiêu”. Nhận được bánh và thơ, người chồng hối hận trở về không dám thay lòng đổi dạ. Từ đó, bánh mang lời nhắc thủy chung nên trong đám cưới thế nào cũng phải có loại

bánh này. Đây là loại bánh khách du lịch hay mua về làm quà cho người thân khi có dịp đến Hội An.

Bánh ít lá gai

Vỏ bánh được làm từ lá gai quết nhuyễn, màu đen nhưng dẻo và thơm. Nhân là đậu xanh quết nhuyễn với nước đường. Dùng lá chuối gói rồi đem hấp chín. Bánh được dùng làm lễ vật dâng cúng ông bà trong ngày giỗ tết. Đối với người quá chén, bánh còn là phương thuốc giải rượu tuyệt vời.

Chè bắp

Chế biến từ bắp non và đường. Ở Hội An có thể thưởng thức món chè bắp này quanh năm. Các nhà dinh dưỡng học nói đây là món ăn nhiều chất bổ, nhất là cho người già.

Mì quảng

Đây là món ăn đậm đà hương vị đồng quê rất phổ biến ở Hội An nói riêng và ở tỉnh Quảng Nam nói chung. Sợi mì to màu vàng hoặc trắng được làm từ bột gạo, trộn với tôm, thịt, rau sống, bánh tráng và gia vị tạo nên một món ăn thật ngon.

Xí mại (chí mại phù)

Mè đen xay nát. Đường bát, rau má, rau mơn giã nát vắt lọc nước. Bột khoai, thanh địa (một loại thuốc bắc) xay mịn. Tất cả các thứ trên cho vào đun sôi chín thành một hỗn hợp sền sệt. Gánh cả nồi đi bán. Đây là một thang thuốc bổ rất hợp với những người mới đau ốm dậy.

Chè tàu xá (lục tàu xá)

Đây là một loại chè hỗn hợp bởi đậu xanh, bột báng, trần bì (vỏ quít khô), đường bát. Hấp dẫn người thưởng thức vì nó ngọt và thơm. Người sành ăn nhận thấy đây là vị thuốc bổ. Bởi đậu xanh vốn có tính mát giải độc, trần bì giúp tiêu thực, thanh đờm thông phế quản.

Lường phánh

Một loại cây giống rau dền, phơi khô có tên gọi là cây lường phánh được nấu rục cùng một vị thuốc bắc như đương qui, thực địa, cam thảo... rồi lọc lấy nước để nguội. Sau vài giờ tự đông lại trông giống như đông sương. Lấy muống múc ra bát rồi rưới nước đường thẳng với gừng vào. Người ăn cảm

thấy lạ miệng, ấn tượng khó quên. Lường phánh còn là một liều thuốc bổ thận, giảm đau lưng, giải nhiệt vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông.

Bánh in bột đậu (bánh đậu xanh)

Bột đậu xanh, đường, một vài loại bột thơm và dầu thực vật xay nhuyễn ép trong khuôn gỗ tròn hoặc vuông rồi sấy trên lò than để chúng chín thơm, săn, giòn. Loại bánh mặn thì có thêm nhân thịt. Khách đã đến Hội An, nhất là những người gốc địa phương đang sống ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc nước ngoài thường **mua về làm quà cho người thân, bạn bè vì để được lâu, mang đi xa hàng tháng không hư.**

Xôi cua

Thịt ba chỉ cắt nhỏ hạt lựu, thịt cua gạch ướp gia vị. Đậu xanh tróc vỏ nấu vừa chín thì cho nếp đã ngâm vớt từ trước vào. Nước vừa sôi thì gạn kiệt rồi cho thịt cua đã xào vào, trộn đều, hạ nhỏ lửa. Xôi cua chỉ gánh bán rong vào buổi sáng. Nồi xôi mở ra thơm nức cả phố. Khi ăn, rưới thêm chút xì dầu, thêm ít tương ớt Triều Phát vị thơm ngon nhớ đời.

Bánh tráng đập đập

Đây là loại bánh tráng mỏng, nướng và bánh tráng ướt đập đập vào nhau. Loại bánh này được ưa thích vì là một món ăn cổ truyền rất rẻ và hương vị hết sức đặc biệt. Nói đến bánh tráng đập đập không thể không liên tưởng đến cái tên quán Ba Nàng Tiên ở cồn Cẩm Nam. Ở đây có ba bà già cặm cụi bếp núc, dọn bàn đón khách trong một cái quán nghèo xiêu vẹo, vậy mà có sức thu hút lạ thường. Nay thì đã có nhiều quán nữa xuất hiện và quán xá cũng được tu sửa, không còn không khí “bờ bụi” như xưa.

Mắm dảnh

Mắm dảnh làm bằng thịt cá dảnh, một loại cá nước lợ thân đẹp, sống nhiều ở các vịnh nước vùng cửa sông Hội An như cá thồn bơn, cá lười trâu... hiếm và quý. Mắm có màu trắng ngà sền sệt, ăn béo và thơm. Làng Câu ở Cẩm An có nghề làm mắm này... Loại mắm này được chế biến với kỹ thuật riêng, ngày trước từng được thượng kinh để cung tiến cho hoàng gia. Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 7 ghi: “Cá vảnh (dảnh): vịnh ngư, sản ở vùng Trà Sơn, sắc trắng, làm mắm rất ngon, có lệ thượng tiến”. Ngoài cá, cư dân

Hội An còn dùng một số loại thủy sản khác để làm mắm như cáy, mạy mạy, ruốc. Mỗi loại có hương vị riêng, góp phần làm phong phú chủng loại mắm và thói quen dùng mắm của người Hội An.

Yến sào

Yến sào là đặc sản cao cấp từ nhiều đời dành cho các nhà giàu, vua quan và xuất khẩu, được coi là món ngon vật lạ đắt tiền, rất bổ và quý đứng đầu trong làng ẩm thực Hội An. Người ta thường kể rằng có người đau lâu ngày không dậy nổi bỗng có bạn ngoài biển về cho một tổ yến, đem nấu canh ăn, ngủ qua một đêm hôm sau đứng dậy đi lại như thường, lại còn đủ sức leo lên lợp lại mái nhà cho vợ. Cù Lao Chàm là nơi thường xuyên khai thác chế biến phục vụ xuất khẩu.



Hang Yến tại Cù Lao Chàm

ĐI LẠI

Xe bus

Trạm xe bus Hội An cách trung tâm thành phố khoảng 1km về hướng Tây (74 đường Huỳnh Thúc Kháng). Mỗi ngày đều có các chuyến xe đi Đại Lộc, Đà Nẵng, Quảng Ngãi (chỉ có một chuyến khởi hành vào sáng sớm) và các chuyến đi Tam Kỳ, Quế Sơn, Trà My. Xe về Đà Nẵng ngoài chuyến 5 giờ sáng còn có thêm một chuyến vào chiều tối. Nếu du khách đón được chuyến xe này về Đà Nẵng thì giá rất rẻ, còn nếu không phải thuê xe taxi hoặc xe ôm thì giá đắt hơn nhiều.

Xe mini bus

Tất cả các khách sạn ở Hội An đều có bán vé xe minibus đi Nha Trang hoặc Huế. Xe đi Huế chạy ngang qua Đà Nẵng, bạn có thể xuống xe ở Đà Nẵng, nếu muốn.

Xe đi Nha Trang có 2 chuyến/ngày; xe đi Huế cũng có 2 chuyến khởi hành; xe đi Đà Nẵng khởi hành lúc 5 giờ sáng.

Xe ô tô

Có 2 tuyến đường từ Đà Nẵng xuống Hội An. Nhưng con đường ngắn đi qua núi Ngũ Hành Sơn (11km) và tiếp tục đi thêm 19km nữa là tới Hội An. Tuyến đường thứ 2 là theo Quốc lộ 1 khoảng 27km từ thành phố Đà Nẵng, qua thị trấn Vĩnh Điện đến bảng hiệu đèn giao thông ở ngã ba rẽ trái theo hướng Đông thêm 10km nữa.

Thuyền

Đến Hội An, ít nhất bạn nên đi một tour du lịch chèo thuyền trên sông Thu Bồn, con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Nam. Bạn có thể tìm thấy những chiếc thuyền chèo tay độc đáo của Hội An trên bến thuyền dọc đường

Bạch Đằng. Một con thuyền nhỏ đơn giản và một người phụ nữ cầm chèo sẽ đưa bạn đi qua những sông rạch Hội An để bạn nhìn ngắm thiên nhiên và đời sống sinh hoạt của những làng ven sông.

Thuyền máy thì có thể đưa bạn đi xa hơn đến thăm các điểm như khu vực Mỹ Sơn, Trà Kiệu (Kinh đô Chăm xưa) và các làng nghề (làng gốm, làng mộc). Từ bến tàu Bạch Đằng còn có các chuyến phà nhỏ đi Cù Lao Chàm (khởi hành từ 7-8 giờ sáng), Duy Xuyên (khởi hành lúc 5 giờ sáng), Cẩm Kim mỗi ngày.

Muốn tham quan bất cứ nơi nào trong phạm vi phố cổ bạn đều có thể đi bộ, nhưng để đến những vùng xa hơn bạn phải thuê xe honda hoặc xe đạp.

CÁC DI TÍCH XUNG QUANH HỘI AN

Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn

Mỹ Sơn nằm giữa một thung lũng lớn, chung quanh là những rặng núi cao thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, cách Hội An 50km về phía Tây. Đây là khu Thánh địa của người Chăm theo Bà La Môn giáo, được các triều đại Chăm-pa xây dựng từ thế kỷ IV kéo dài đến thế kỷ XIII.

Theo những dòng chữ trên tấm bia đá sớm nhất có niên đại thế kỷ thứ IV ở Mỹ Sơn thì, vua Bhadresvara đã cho xây dựng ngôi đền để dâng cúng vua thần Siva - Bhadresvara nhưng vì làm bằng gỗ nên đến thế kỷ VI bị hỏa hoạn thiêu rụi. Đầu thế kỷ VII vua Sambhuvarman đã xây dựng lại ngôi đền bằng gạch và đá. Liên tục từ đó đến thế kỷ XIII, hơn 70 đền tháp khác được xây dựng và Mỹ Sơn trở thành Thánh địa Ấn Độ giáo của Vương quốc Chăm-pa. Những đền thờ chính đều thờ một bộ Linga - Yoni, biểu tượng thần Siva - Vị thần bảo hộ cho các dòng vua Chăm-pa. Vua Bhadresvara, người có công khai phá vùng Amaravati đồng thời cũng là vị thần, kết hợp với thần Siva trở thành tín ngưỡng chính thờ thần - vua - tổ tiên hoàng tộc.

Năm 1902, Henry Parmentier - học giả Pháp đã xác định được ở đây gần như đại diện cho tất cả các nghệ thuật tháp Chăm-pa gồm các phong cách: Mỹ Sơn, Hòa Lai, Đồng Dương, Bình Định... Phần lớn các tác phẩm điêu khắc trên sa thạch có giá trị đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ đưa về trưng bày ở Bảo tàng điêu khắc Chăm-pa Đà Nẵng. Do bom đạn chiến tranh tàn phá nên đến 1975 chỉ còn lại 20 tháp, nhưng cũng bị hư hại nhiều. Thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO ghi vào danh mục Di sản văn hóa thế giới cùng một lần với Đô thị cổ Hội An (12.1999).



Mỹ Sơn

Tháp Bằng An

Nằm cách Hội An 14km về phía Tây, tháp Bằng An thuộc xã Điện An, Điện Bàn. Tháp Bằng An được người Chăm xây dựng khoảng năm 875 - 977, có kiến trúc mang hình một linga khổng lồ đứng giữa vùng thoáng đãng không cây cối. Theo miêu tả, đó chính là linga Paramesvara mà vua Bhadravarman II đã cho xây dựng để dâng cúng thần Siva.

Tháp cao 21,5m, xung quanh theo hình bát giác bọc kín, chỉ để một lối đi vào ở tiền sảnh. Chót tháp nhọn, đã bị rơi. Bên trong nơi chính giữa xưa kia có để thờ một bộ Linga - Yoni bằng đá, nay chỉ còn bệ. Phía trước còn 2 tượng voi thần Gajasimha bằng sa thạch. Tháp Bằng An là một công trình kiến trúc mỹ thuật độc đáo, có giá trị cao về lịch sử - văn hóa thường xuyên đón hàng ngàn khách đến thăm mỗi năm.



Tháp Bông An

Tháp Chiên Đàn

Cách Hội An 45km về phía Nam, tháp Chăm Chiên Đàn được xây dựng vào thế kỷ XI-XII, thuộc xã Tam An, Tam Kỳ sát đường Quốc lộ số 1 rất thuận tiện đến thăm bằng mọi phương tiện. Ở đây gồm nhóm 3 tháp gần nhau, thờ 3 vị thần Siva, Vishnu, Brahma của người Chăm. Cả 3 tháp có hình dạng gần giống nhau xếp một hàng theo trục Bắc Nam, kiến trúc tháp mặt bằng hình vuông, mái tháp là những tầng thu nhỏ dần lên, đỉnh nhọn. Ở Chiên Đàn còn có nhiều tượng người và tượng vật còn bảo lưu phong cách Trà Kiệu giai đoạn cuối thế kỷ X. Những tượng rắn Naga, ngỗng thần Hamsa, chim thần Garuda, voi thần Gajasimha, sư tử, nai... được thể hiện giới tính trông rất ngộ nghĩnh lý thú.



Tháp Chiên Đàn

Hồ Phú Ninh

Hồ Phú Ninh cách thị xã Tam Kỳ 7km về phía Tây Nam. Với diện tích 36km², dung tích khoảng 344 triệu m³ nước, hồ Phú Ninh góp phần tạo nên một tiểu vùng khí hậu ôn hòa, có nhiệt độ trung bình 26°C. Toàn khu vực hồ có gần 30 đảo lớn nhỏ là những đỉnh núi do ngập nước mà hình thành. Ở đây có hệ động thực vật đa dạng, mỏ nước khoáng phục vụ chữa bệnh và giải khát. Hồ Phú Ninh là nơi nghỉ mát, giải trí lý tưởng cho mọi người, sau những giờ lao động miệt mài nơi ồn ào phố thị.



Hồ Phú Ninh

Khu nghỉ mát - giải trí Bà Nà

Nằm trên địa bàn Tp. Đà Nẵng, cách Hội An khoảng 60km. Bà Nà được người Pháp phát hiện và xây dựng một khu nghỉ dưỡng cho tầng lớp quan lại, công chức Pháp cách đây hơn 100 năm. Hàng chục biệt thự quây quần trên vùng núi cao 1.478m, trên đỉnh có địa hình bằng phẳng. Nhiệt độ trên cao này chỉ xê dịch từ 17 đến 20 độ rất thích hợp cho việc nghỉ mát vào những ngày hè nóng bức. Bốn mùa lần lượt diễn ra trong một ngày ở Bà Nà: sáng - xuân, trưa - hạ, chiều - thu, tối - đông. Điểm đặc biệt của Bà Nà không dễ có ở nơi khác là mây chỉ ở lưng chừng núi, trên đỉnh luôn quang rạng nên du khách có cảm giác như đang bồng bênh giữa thế giới thần tiên. Tất cả các biệt thự được người Pháp xây dựng đều bố trí nhìn được về thành phố và vịnh Đà Nẵng.

Hiện nay Bà Nà có 3 hệ thống cáp treo đưa khách từ khu vực suối Mơ lên đến đỉnh. Được sự đồng ý của chính quyền thành phố, một công ty đã xây dựng, cải tạo Bà Nà từ công năng khu nghỉ mát thành chốn vui chơi, khách sạn hiện đại.



Bà Nà

Đèo Hải Vân

Nằm trải dài theo sườn núi, Hải Vân có chiều dài 20km vắt qua địa giới hai tỉnh Thừa Thiên - Huế và Đà Nẵng. Dãy Hải Vân là thành lũy tự nhiên, chia hai vùng khí hậu Bắc và Nam. Từ Hải Vân ngược trở ra phía Bắc là vùng khí hậu bốn mùa rõ rệt, còn ngược trở vào phía Nam quanh năm ấm áp hầu như không có mùa đông.

Từ độ cao 496m ở đỉnh đèo Hải Vân vào lúc trời quang mây tạnh có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành phố Đà Nẵng; lúc gió mưa lạnh đỉnh đèo ngập trong sương mù, người khách lãng du có cảm giác như chìm, lạc giữa bồng bềnh mây núi, gió ngàn. Hải Vân từ lâu đời đã được coi là thắng cảnh “Đệ nhất hùng quan”, là đề tài thi ca vô tận của tao nhân mặc khách.

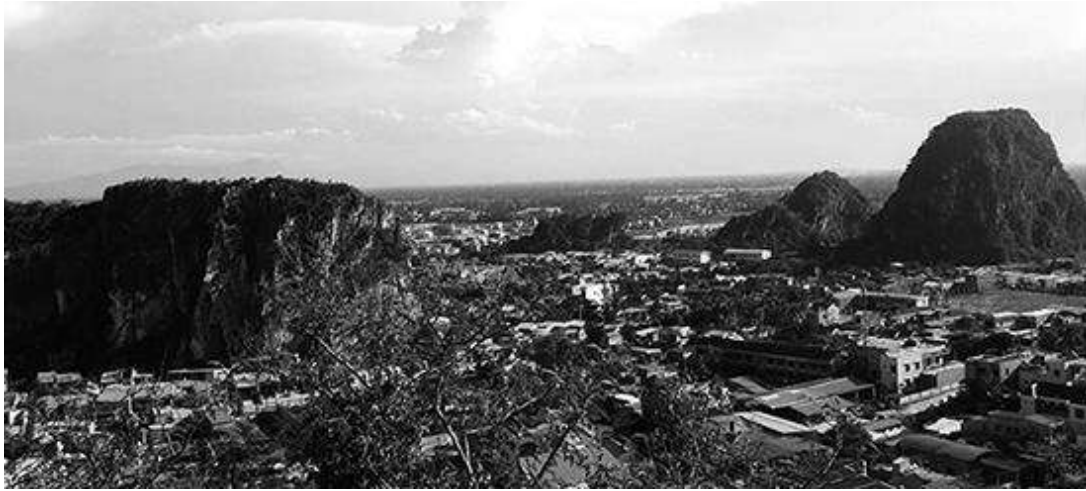


Đèo Hải Vân

Ngũ Hành Sơn

Cách Hội An 18km về phía Bắc, Ngũ Hành Sơn là 5 ngọn núi đá hoa cương nằm giữa đồng bằng, sát chân sóng biển. Truyền thuyết kể rằng đây là mảnh vỏ trứng của Long Vương sau khi đã nở ra một công chúa cực kỳ xinh đẹp. Đầu thế kỷ XIX, Vua Gia Long đi ngang qua đây đã đặt tên cho từng ngọn núi: Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn, Thổ Sơn. Trong đó ngọn núi đẹp nhất là Thủy Sơn và nhiều hang động. Địa danh của các động mang những tên đầy gợi cảm như: Linh Nham, Vân Thông, Tàng Chơn, Huyền Không... Ở ngọn Hỏa Sơn cũng có động Huyền Vi nổi tiếng là bức tranh thiên nhiên sống động.

Dưới chân hòn Thủy Sơn có làng đá Quan Khái và Hòa Khuê làm nghề chạm khắc đá cổ truyền, nay còn cung cấp nhiều sản phẩm mỹ nghệ đá đầy sáng tạo.



Ngũ Hành Sơn

Bảo tàng Chăm

Bảo tàng Chăm nằm trên địa bàn Tp. Đà Nẵng, cách Hội An 27km. Bảo tàng được thành lập năm 1915 do Henry Parmentier, nhà nghiên cứu của Viện Viễn Đông Bác Cổ (Pháp) xây dựng nên mang tên ông. Sau bảo tàng đổi thành tên Bảo tàng Chăm. Tại đây trưng bày bộ sưu tập văn hóa Chămpa độc đáo, phong phú gồm 300 hiện vật nguyên bản bằng sa thạch và đất nung có niên đại từ thế kỷ VII-XV được tập hợp từ các di chỉ Chămpa từ Quảng Bình đến Bình Thuận.



Bảo tàng Chăm



Bảo tàng Chăm

Bảo tàng Chăm

Cố đô Huế

Cách Hội An 125km. Đây là kinh đô cũ của Việt Nam độc lập từ năm 1802 nên Huế không chỉ là một trung tâm chính trị mà còn là một trung tâm văn hóa, tôn giáo của triều đại nhà Nguyễn cho đến 1945. Dòng sông Hương uốn quanh qua Kinh thành càng làm tăng thêm vẻ đẹp tự nhiên của một kinh đô phong kiến độc đáo này.

Trong gần 400 năm (1558-1945), Huế đã từng là thủ phủ của 9 đời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, là kinh đô của triều đại Tây Sơn, rồi đến kinh đô của quốc gia thống nhất dưới 13 triều vua Nguyễn. Cố đô Huế ngày nay vẫn còn lưu giữ trong lòng những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam.

Suốt mấy thế kỷ, bao nhiêu tinh hoa của cả nước được chắt lọc hội tụ về đây, hun đúc cho một nền văn hóa đậm đà bản sắc, làm hoàn chỉnh bức cảnh thiên nhiên tuyệt vời, với sông núi hữu tình thơ mộng. Bởi vậy, nói đến Huế, là nói những thành quách, cung điện vàng son, những đền đài, miếu vũ lộng lẫy; những lăng tẩm uy nghiêm, những danh lam cổ tự trầm mặc u tịch và thắng tích thiên nhiên mà thợ trời khéo tạc...

Gần một thế kỷ rưỡi là kinh đô của một triều đại phong kiến với thiết chế chính trị dựa trên nền tảng Nho giáo; từng là cái nôi của Phật giáo một thời, bên cạnh những kiến trúc cung đình lộng lẫy vàng son, Huế còn lưu giữ hàng trăm ngôi chùa thâm nghiêm cổ kính, an lạc giữa những núi rừng hoang vu u tịch. Huế không những là một mẫu mực về kiến trúc mà còn là một cao điểm về tinh thần và một trung tâm văn hoá sôi động - ở đó đạo Phật và đạo Khổng đã thấm sâu, hòa nhuyễn vào truyền thống địa phương, nuôi dưỡng tư tưởng tôn giáo, triết học và đạo lý hết sức độc đáo.

Ngoài ra, lễ hội và âm nhạc ở vùng kinh sư này đã phát triển vô cùng phong phú và mang đậm phong cách dân tộc. Các loại hình âm nhạc truyền thống mang tính giải trí tiêu khiển vẫn đang được bảo tồn gần như nguyên vẹn trong lòng thành phố Huế. Âm nhạc cung đình Huế: Nhã nhạc (triều Nguyễn) được công nhận là kiệt tác di sản văn hóa Phi vật thể và Truyền khẩu của nhân loại.

Huế ngày nay đã trở thành thành phố Festival, hai năm một lần thu hút nhiều loại hình nghệ thuật diễn xướng, dân gian trên khắp thế giới hội tụ.



Cố đô Huế

Vườn quốc gia Bạch Mã

Vườn quốc gia Bạch Mã cách thành phố Huế 60km về phía Nam. Ở đây có hệ động, thực vật phong phú; cây cỏ tươi tốt quanh năm. Khí hậu Bạch Mã gần giống Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, nhưng do Bạch Mã ở gần biển, nên nhiệt độ mùa đông không bao giờ xuống dưới 4°C và nhiệt độ cao nhất vào mùa hè ít khi vượt quá 26°C.

Năm 1991, Bạch Mã chính thức trở thành vườn quốc gia và được bảo tồn nghiêm ngặt. Với diện tích hơn 22.000 ha, Bạch Mã là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên lớn nhất nước. Tại đây có một hệ thực vật quý hiếm như: cẩm lai, trắc, trầm hương... Đặc biệt, còn có những loài thú trong sách đỏ như hổ, báo, gà lôi lam mào trắng, gà lôi hồng tía, trĩ sao...

Có nhiều cách để tiếp cận vườn quốc gia Bạch Mã, nhưng sẽ rất tuyệt vời và thú vị khi khám phá vườn Bạch Mã bằng đường mòn thiên nhiên, bởi bất cứ lúc nào ta cũng có thể bắt gặp những cảnh đẹp đến mê hoặc của những bông hoa rừng đủ màu sắc xen lẫn màu xanh của lá rừng.

Đến vườn quốc gia Bạch Mã, du khách còn có thể chinh phục đỉnh Bạch Mã với độ cao gần 1.450m so với mực nước biển. Và rồi, từ đỉnh núi, bạn có thể thu tầm mắt toàn cảnh đèo Hải Vân, núi Túy Vân, cùng với ánh đèn lung linh của thành phố Huế khi đêm về...



Vườn quốc gia Bạch Mã



Vườn quốc gia Bạch Mã

Vườn quốc gia Bạch Mã

NHỮNG ĐIỀU CẦN QUAN TÂM KHI THAM QUAN DI SẢN HỘI AN

Bạn hãy ăn mặc đúng đắn khi đi ra ngoài. Áo không tay, hở ngực, hở bụng, quần đùi, váy ngắn trên đầu gối đều khó nhìn và khó được người địa phương chấp nhận.

Bạn hãy tỏ ra nghiêm túc khi tham quan các di tích. Những người làm việc ở đây có thể không nói gì với bạn, nhưng họ rất lấy làm khó chịu khi bạn đi đứng, nói cười tùy tiện trong di tích của họ.

Không nên hôn một người khác phái nơi công cộng, hoặc lúc có mặt người thứ ba vì điều này trái với thuần phong mỹ tục địa phương.

Bạn không nên tặng quà, dù nhỏ như bút viết, bánh kẹo hoặc tiền lẻ cho trẻ em hoặc người già vì như thế vô tình bạn sẽ tạo một thói quen xấu cho họ.

Hãy thể hiện lòng yêu thương trẻ em bằng cách khác, chứ không nên đưa hoặc để chúng đi cùng bạn khắp nơi vì chúng cần phải đi học.

Các nhà hàng, cửa hiệu luôn sẵn sàng phục vụ bạn nhiệt tình, tận tâm, vì thế bạn không nhất thiết phải nghe những người dẫn mỗi hoặc theo họ đến các điểm mua sắm vì có thể bạn sẽ mua món hàng đó quá giá trị gốc của nó.

Bạn hãy giữ nguyên vẹn, không khai niêm (nếu có) khi muốn đổi lại một món hàng gì đó. Người bán hàng sẽ vui lòng đổi hoặc trả lại tiền.

Khi bạn muốn vào di sản, bạn cần mua vé ở quầy phục vụ của văn phòng hướng dẫn tham quan Hội An.

Trong suốt thời gian lưu trú tại Hội An, bạn nên giữ vé tham quan để vào khu vực di sản bất cứ lúc nào bạn muốn.

+ Tham quan khu phố cổ

Giá vé tham quan:

- Nội địa: 80.000đ/người/1lượt
- Khách nước ngoài: 120.000 đồng/người/lượt.
- Mỗi vé bạn có thể tham quan:

1/Cảnh quan chung Khu phố cổ, các hoạt động nghệ thuật, trò chơi dân gian, chợ đêm.

2/ Tự chọn 3 trong 22 điểm tham quan gồm:

* Công trình văn hóa: Chùa cầu, đình Cẩm Phô, Tụy Tiên Đường Minh Hương, Miếu Quan Công.

* Bảo tàng: Lịch sử văn hóa, Gốm sứ mật dịch, Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Dân gian.

* Nhà cổ: Quân Thắng, Đức An, Phùng Hưng, Nhà thờ tộc Trần, Tấn Ký, Nhà thờ tộc Nguyễn Tường.

* Hội quán: Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến.

* Xưởng thủ công - mỹ nghệ và xem biểu diễn nghệ thuật cổ truyền (vào lúc 10 giờ 15 và 15 giờ 15 hằng ngày), Xưởng thêu XQ Hội An.

* Một các thương nhân Nhật Bản: Gu Sokukun, Tani Yajirobei, Banjiro

Tham quan làng gốm Thanh Hà

- Giá vé: 15.000đ/người/1lượt

- Mỗi vé bạn có thể tham quan:

* Xem các nghệ nhân chuốt gốm

* Tham quan di tích Đình Xuân Mỹ

* Tham quan di tích tổ nghề gốm Miếu Nam Diêu (điểm dừng chân của vua Minh Mạng)

* Tham gia trở tài chuốt gốm và nặn con thối

* Được tặng một sản phẩm con thối bằng gốm.

Chú ý:

- Mỗi vé có giá trị trong vòng 24 giờ.

- Miễn lệ phí hướng dẫn cho đoàn từ 8 khách trở lên, liên hệ thuyết minh viên tại nơi bán vé.

- Vé tham quan có thể sử dụng cho ban đêm

Các đối tượng miễn, giảm phí tham quan

Miễn 100% gồm: Trẻ em dưới 16 tuổi; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh; người khuyết tật; phóng viên báo chí.

Miễn 50% gồm: sinh viên/sĩ quan, hạ sĩ quan và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang.

Ngoài ra còn nhiều đối tượng khác cũng được miễn giảm vé nhưng phải có sự đồng ý của chính quyền thành phố gồm:

Khách là lãnh đạo cấp trên hoặc làm việc, quan hệ ngoại giao với thành phố; các nhà nghiên cứu văn hóa xã hội.

(Nguồn: Trung tâm Văn hóa Thể thao Hội An)

NHỮNG ĐỊA CHỈ CẦN BIẾT

Sân bay Đà Nẵng

Phòng vé máy bay:

Hỏi thông tin:

0236. 3821130

Xác nhận vé:

0236. 3811111

Ga Đà Nẵng

Nhà ga: 122 đường Hải Phòng-Thành phố Đà Nẵng

Phòng vé: 0236. 3821175

0236. 3823810

UBND Thành phố Hội An-9 đường Trần Hưng Đạo

ĐT: 0235. 3861273

Fax: 0235. 3862575

Trung tâm Văn hóa-Thể thao Hội An

1 đường Nguyễn Trường Tộ

ĐT: 0235. 3861327

Website:www.hoianworldheritage.org

Email: ttqlbtdt@dng.vnn.vn

Nhà Biểu diễn nghệ thuật cổ truyền

75 đường Nguyễn Thái Học

ĐT: 0235. 3861159

Văn phòng Hướng dẫn tham quan Hội An

12 đường Phan Chu Trinh

ĐT: 0235. 3862715

Fax: 0235. 863761

Bưu điện Hội An

Trụ sở chính: 4B đường

Trần Hưng Đạo

ĐT: 0235. 3863778

Fax: 0235. 3861382

Đội kiểm tra liên ngành trật tự du lịch

45 đường Lê Lợi

ĐT: 0235. 3863373

Ngân hàng Hội An-Điểm thu đổi ngoại tệ

4 đường Hoàng Diệu

ĐT: 0235. 3862675 - 0235.3861802

Công an Thị xã

8 đường Hoàng Diệu

ĐT: 0235. 3861204

Bệnh viện Hội An

4A đường Trần Hưng Đạo

ĐT: 235. 3861365

Phòng Thương mại du lịch - Hội An

Số 3 đường Nguyễn Huệ

ĐT: 0235. 3861666

Trung tâm Quản lý và Bảo tồn di tích Hội An

47 đường Trần Hưng Đạo

ĐT: 0235. 3861367

Table of Contents

LỜI TỰA

GIỚI THIỆU CHUNG

HỘI AN - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

KIẾN TRÚC

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

CÁC ĐIỂM THAM QUAN CHÍNH Ở HỘI AN

NHÀ CỔ

NHÀ THỜ TỘC

HỘI QUÁN

ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM

CHÙA

MIẾU

GIẾNG

MỘ CỔ

NHÀ THỜ THÁNH THẤT

BẢO TÀNG

THẮNG CẢNH THIÊN NHIÊN

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

CÁC MÓN ĂN TRUYỀN THỐNG ĐẶC SẢN Ở HỘI AN

ĐI LẠI

CÁC DI TÍCH XUNG QUANH HỘI AN

NHỮNG ĐIỀU CẦN QUAN TÂM KHI THAM QUAN DI SẢN HỘI AN

NHỮNG ĐỊA CHỈ CẦN BIẾT